



ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NEW ZEALAND
THƯƠNG VỤ

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THUẬN LỢI TẠI NEW ZEALAND

EASY TO DO BUSINESS IN NEW ZEALAND





ĐẠI SỨ QUÁN VIỆT NAM TẠI NEW ZEALAND
THƯƠNG VỤ

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THUẬN LỢI TẠI NEW ZEALAND

EASY TO DO BUSINESS IN NEW ZEALAND



THÁNG 12 NĂM 2016

Lời giới thiệu

Thưa Quý vị độc giả thân mến,

Ngày 19 tháng 6 năm 1975 đã trở thành một dấu mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ giữa Việt Nam và New Zealand, ngày quan hệ ngoại giao giữa hai nước chính thức thiết lập. Hơn 40 năm không phải là một thời gian dài trong lịch sử, nhưng quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa hai nước đã chứng kiến sự phát triển hết sức nhanh chóng, nhất là sau khi New Zealand mở Đại sứ quán tại Hà Nội và Văn phòng Tổng Lãnh sự quán tại thành phố Hồ Chí Minh năm 1995, Việt Nam mở Đại sứ quán tại Wellington vào năm 2003 và đặc biệt là kể từ khi hai nước thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện từ năm 2009, đáp ứng lợi ích thiết thực và nhu cầu hợp tác ngày càng tăng của mỗi bên và thực sự mở ra một giai đoạn phát triển mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và New Zealand.



Nguyễn Việt Dũng

Đại sứ Việt Nam

tại New Zealand

Việc duy trì trao đổi đoàn cấp cao, các cấp và sự hoạt động có hiệu quả của các cơ chế hợp tác song phương giữa hai nước, trong đó có Ủy ban Hỗn hợp về Hợp tác Kinh tế Thương mại trong những năm qua, không chỉ tạo động lực cho việc triển khai các thỏa thuận hợp tác, mà còn thắt chặt thêm độ tin cậy chính trị giữa hai nước. Trên cơ sở nền tảng quan hệ chính trị tốt đẹp đó, Việt Nam và New Zealand ngày càng quan tâm đến việc thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ kinh tế thương mại với mục đích đưa hợp tác kinh tế trở thành lĩnh vực trụ cột của quan hệ giữa hai nước.

Có thể nói tiềm năng hợp tác giữa hai nước còn nhiều, đặc biệt là có nhiều cơ hội từ các khuôn khổ hợp tác đa phương và khu vực mà hai nước cùng là thành viên như Hiệp định Đối tác Kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)...

Xuất phát từ mục tiêu thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và New Zealand ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất và tập trung vào các lĩnh vực mà cả hai nước cùng quan tâm, có thế mạnh và nhu cầu, Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand đã biên soạn và cho ra mắt cuốn sách với tiêu đề “**Môi trường Kinh doanh Thuận lợi tại New Zealand**” với mục đích cung cấp thông tin về đất nước, con người và về môi trường kinh doanh tại New Zealand cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tìm kiếm và lựa chọn đối tác để tiến tới thiết lập một liên doanh có lợi nhuận tại New Zealand.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn đọc./.

NEW ZEALAND



WELLINGTON – The capital of New Zealand



Lời tác giả

Thưa Quý độc giả,

Bạn đang có trên tay cuốn sách **“Môi trường Kinh doanh Thuận lợi tại New Zealand”**. Đây là ấn phẩm tiếp theo cuốn Hướng dẫn kinh doanh với Việt Nam – **“A guide on doing business in Viet Nam”** chúng tôi phát hành tháng 11/2015. Chúng tôi muốn lưu ý rằng tên gọi cuốn sách nhấn mạnh về sự thuận lợi bởi New Zealand hiện giữ vị trí hàng đầu về thuận lợi trong kinh doanh tại báo cáo mới nhất về **Doing Business 2017** của Ngân hàng Thế giới công bố 25/10/2016 vừa qua.



Nguyễn Kim Phượng

Tham tán Thương mại

Cuốn sách được thiết kế nhằm cung cấp cho những ai đã và đang quan tâm tới việc làm ăn với các đối tác tại New Zealand với hai phần chính: Các chương từ 1 đến 3, giới thiệu tổng quan về đất nước, hệ thống chính trị, luật pháp, xã hội và quan hệ hai nước; Các chương từ 4 đến 6 tập trung giới thiệu môi trường chính sách và các quy định liên quan tới hoạt động kinh doanh tại New Zealand.

Nhằm mô tả đầy đủ sự hướng dẫn kinh doanh, cuốn sách cung cấp tới người đọc những thông tin cơ bản và cụ thể mà mỗi doanh nhân thường đặt ra khi họ bắt đầu có ý định tìm hiểu để tiếp cận với một thị trường. Các chuyên mục của sách được thiết kế trình bày gần với những nội dung thường đề cập trong một bản hiệp định tự do thương mại thế hệ mới mà Việt Nam và các nước, kể cả New Zealand đang tham gia với ý đồ để cuốn sách không chỉ phục vụ cho đối tượng kinh doanh thương mại hàng hóa hay đầu tư mà còn có thể dễ dàng tra cứu những thông tin kinh doanh ở trên nhiều lĩnh vực khác như thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm chính phủ, các vấn đề về lao động, di cư, vv...

Do phạm vi cuốn sách, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh việc mô tả ngắn gọn các chính sách của New Zealand, có chỉ dẫn, tham chiếu. Đối với những nội dung song trùng, chúng tôi chỉ nêu, so sánh và cung cấp đường dẫn để độc giả truy cập.

Cuốn sách nhỏ này là công phu tham khảo, thu thập thông tin tại địa bàn trong điều kiện có hạn nên không thể tránh khỏi những khiếm khuyết. Vì vậy, chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự đóng góp, góp ý sâu sắc của các độc giả để hoàn thiện trong các lần tái bản tiếp theo.

Ngoài ra, đây là cuốn sách tham khảo, những thông tin là chính xác tại thời điểm nó được công bố. Song bạn không nên coi là cơ sở pháp lý cho việc ra quyết định kinh doanh của bạn bởi còn tùy thuộc hoàn cảnh, điều kiện kinh doanh, chính sách của chính phủ và sự giải thích các luật có thể có sự điều chỉnh và thay đổi theo thời gian. Chúng tôi không chịu trách nhiệm pháp lý về việc áp dụng không đúng và luôn có lời khuyên bạn nên có sự tham vấn cụ thể trước khi đưa ra bất kỳ quyết định nào./

Mục lục

1.	Thông tin cơ bản	1
1.1.	Địa lý - Dân số	2
1.2.	Lịch sử - Văn hóa	2
1.3.	Thể chế chính trị	3
1.4.	Hệ thống pháp luật	5
1.5.	Nền kinh tế	5
1.6.	Các cơ quan quản lý nhà nước	8
1.7.	Hỗ trợ của Chính phủ	9
1.8.	Người Maori và Hiệp Định Waitangi	9
1.9.	Ngày nghỉ lễ	10
1.10.	Tiền tệ, hệ thống ngân hàng và tài chính	11
1.11.	Thương mại và mở cửa thị trường	11
2.	Tổng quan về kinh tế thương mại	12
2.1.	Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản:	12
2.2.	Kinh tế:	13
2.3.	Cơ cấu kinh tế	14
2.4.	Chính sách ngoại giao và ngoại thương	19
2.5.	Cơ cấu xuất nhập khẩu	22
2.6.	Đối tác thương mại chính	24
3.	Quan hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và New Zealand	26
3.1.	Quan hệ chính trị và ngoại giao	26
3.2.	Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển:	27
3.3.	Các lĩnh vực hợp tác khác:	29
3.4.	Hợp tác khu vực và đa phương.	31
3.5.	Cộng đồng người Việt Nam tại New Zealand	32
4.	Môi trường kinh doanh an toàn, ổn định và bền vững	32
4.1.	Cư trú tại New Zealand	33
4.2.	Đầu tư nước ngoài (ĐTNN)	34
4.3.	Thành lập doanh nghiệp	37
4.4.	Quy định doanh nghiệp	41
4.5.	Các ngành dịch vụ	46
4.6.	Các quy chế hàng ngày tác động tới hoạt động kinh doanh	49
4.7.	Luật Hợp đồng	60
4.8.	Sở hữu trí tuệ	62
4.9.	Mua sắm chính phủ	66

4.10.	Lao động và việc làm	67
4.11.	Các biện pháp phòng vệ thương mại	69
4.12.	Giải quyết tranh chấp.....	70
4.13.	Phá sản	71
4.14.	Tiếp thị trực tiếp	72
5.	Thuận lợi thương mại và một số vấn đề liên quan tới nhập khẩu	72
5.1.	Nhập khẩu	72
5.2.	Quy tắc xuất xứ	74
5.3.	Rào cản Kỹ thuật trong thương mại	75
5.4.	Quy định an toàn sinh học, an toàn thực phẩm đối với hàng nông thủy sản và thực phẩm nhập khẩu	77
5.5.	Các quy định về bao bì, nhãn mác	79
5.6.	Chứng từ Hải quan	81
5.7.	Kênh phân phối.	82
5.8.	Nhượng quyền thương mại	84
5.9.	Xúc tiến thương mại và quảng cáo	84
6.	Những điều cần quan tâm.....	86
6.1.	Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand	86
6.2.	Hội chợ, triển lãm, sự kiện thương mại	88
6.3.	Phụ lục: Một số báo cáo ngành hàng tại New Zealand	89
6.4.	Phụ lục: Một số địa chỉ hữu ích	101
	Tài liệu tham khảo	102

NHỮNG TỪ VIẾT TẮT VÀ CHÚ GIẢI

AANZFTA	ASEAN-Australia- New Zealand Free Trade Agreement - Hiệp định TM tự do giữa ASEAN- Australia-New Zealand
ACC	Tổng công ty bồi thường tai nạn
ACT	Đảng ACT lấy chữ cái viết tắt từ các từ Association of Consumers and Taxpayers
AEC	ASEAN Economic Community – Cộng đồng Kinh tế ASEAN
ANZ CER TA	Tên đầy đủ Hiệp định Quan hệ thương mại gần gũi với Australia – CER - (Closer Economic Relations)
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CIT	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
CIF	Cost, insurance and freight
CEP	Closer Economic Partnership - Hiệp định đối tác Kinh tế Gần gũi
COMU	Cục Giám sát Tài sản NN
DTAs	Double Taxation Agreements - Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần
EU	Liên Minh Châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài
FTA	Free Trade Agreement - Hiệp định tự do thương mại
FMA	Financial Markets Authority - Cục Quản lý Thị trường Tài chính
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
GDP	Tổng Sản phẩm nội quốc
GST	Thuế Hàng hóa và Dịch vụ
HS	Hệ thống hài hoà mô tả mã hàng hóa
IHS	Import Health Standard- Tiêu chuẩn Sức khỏe hàng Nhập khẩu
IPR	Quyền sở hữu trí tuệ
IRD	Inland Revenue Department- Cục Thuế nội địa NZ
JTEC	Viet Nam - New Zealand Joint Trade and Economic Committee- Ủy ban Hợp tác Kinh tế và Thương mại Việt Nam- New Zealand





MBIE	Bộ Doanh nghiệp, đổi mới và lao động, Bộ Khoa học và Đổi mới (MSI) trực thuộc bộ này
MMP	Mixed Member Proportional - Hệ thống bầu phiếu Tỷ lệ thành viên kết hợp
MOIT	Ministry of Industry and Trade (Việt Nam)
NGOs	Các tổ chức phi chính phủ
NZ	New Zealand
NZTE	Cục Phát triển Thương mại và Doanh nghiệp
NZVIF	New Zealand Venture Investment Fund- Quỹ Đầu tư Mạo hiểm
NZX	Thị trường chứng khoán New Zealand
NRWT	Non-Resident Withholding Tax - thuế nhà thầu không cư trú đối với doanh nghiệp và thuế khấu trừ đối với cá nhân
NRT	Natural Resources Tax
OIO	Oversea Investment Office - Cục Đầu tư Nước ngoài
PIT	Personal Income Tax - Thuế thu nhập cá nhân
PAYE	Pay As You Earns- trả thuế căn cứ trên mức thu nhập
RCEP	Regional Comprehensive Economic Partnership- HĐ đối tác kinh tế toàn diện khu vực
RBNZ	Ngân hàng Dự trữ New Zealand
SMEs	Small and Medium Sized Enterprises – DN nhỏ và Vừa
SOEs	State Owned Enterprises - Doanh nghiệp nhà nước
SST	Special Sales Tax - Thuế tiêu thụ đặc biệt
SPS	(Hiệp định) Kiểm dịch Động, Thực vật/ Các biện pháp Kiểm dịch
TBT	(Hiệp định) Hàng rào Kỹ thuật trong thương mại
TPP	Trans-Pacific Partnership – Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
TRIPS	Hiệp định Quyền Sở hữu Trí tuệ của WTO
VSATTP	Vệ sinh An toàn Thực phẩm
WTO	World Trade Organization - Tổ chức Thương mại Thế giới
XK/ NK	Xuất khẩu/Nhập khẩu



CHÚ GIẢI

ASIC - Ủy ban Chứng khoán & Đầu tư Australia, cơ quan chính phủ Australia độc lập hoạt động đóng vai trò thực thi và điều chỉnh pháp luật doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính để bảo vệ người tiêu dùng Australia, các nhà đầu tư và các chủ nợ (Xem 4.3 - lập công ty con)

Building Act 2004 - Luật Xây Dựng 2004

Commerce Act 1986 - Luật Thương mại 1986

(New Zealand) Commerce Commission - Ủy ban Thương mại New Zealand

Companies Act 1993 - Luật Công ty

Consumer Guarantees Act 1993 - Luật Bảo lãnh Người tiêu dùng

Crown Entities - Thực thể kinh tế nhà nước

Customs New Zealand - Cục Hải quan New Zealand

Employment Relations Act 2000 - Luật Quan hệ tuyển dụng lao động

Fair Trading Act 1986 - Luật Thương mại Công bằng

Financial Advisers Act 2008 and Financial Service Providers Act 2008 - Luật Tư vấn Tài chính và Luật Nhà cung ứng dịch vụ tài chính

Fisheries Act 1996 - Luật Nghề cá

United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods 1980 - Công ước Liên Hợp Quốc về Hợp đồng Mua bán Hàng hóa Quốc tế 1980





1. Thông tin cơ bản

Tên nước: New Zealand (Niu Di-lân) - Aotearoa

Thủ đô: Wellington

Diện tích: 268.680 km²



Khí hậu: khí hậu ôn đới (mùa đông lạnh và ẩm, mùa hè ấm và khô). Mùa trái ngược với Bắc Bán cầu và Việt Nam. Nhiệt độ trung bình 7-16 độ C. Lượng mưa trung bình hàng năm 400-5.000 mm.

Tài nguyên: khí đốt tự nhiên, than đá, vàng, đá vôi, thủy điện và địa nhiệt.

Đơn vị tiền tệ: NZ\$ - Đôla Niu Di-lân (New Zealand dollar)

Dân số: 4,69 triệu người (1/2016)

Dân tộc: Người Châu Âu chiếm 74%; người Maori 14,9% (598.605 người), người Châu Á chiếm 11,9% (tỷ lệ 9,2% vào năm 2006), 471.711 người; người các nước đảo Nam TBD chiếm 7,4%. Còn lại là các dân tộc khác.

Tôn giáo: 55,6% dân cư theo đạo Cơ đốc; người không theo đạo nào là 34,7%; đạo Hindu chiếm 1,5%, Phật giáo 1,3%; Hồi giáo 0,8%.

Ngôn ngữ: Ngôn ngữ chính là tiếng Anh và tiếng Maori.

Ngày Quốc khánh: 06/02/1840 (Ngày ký Hiệp định Waitangi)

Các thành phố lớn: Auckland, Christchurch

Toàn quyền: Dame Patsy Reddy

Thủ tướng: Bill English từ 12/12/2016. Kế nhiệm Thủ tướng John Key (lãnh tụ Đảng Dân tộc, từ 2008, nhiệm kỳ thứ ba) từ chức 5/12/2016

Chủ tịch Quốc hội: David Catter

Lãnh tụ đối lập: Andrew Little (Công Đảng)

Ngày thiết lập Quan hệ Ngoại giao với Việt Nam: 19/6/1975.

Ngày ký tuyên bố Quan hệ Đối tác Toàn diện: 09/09/2009



1.1. Địa lý - Dân số

New Zealand nằm ở Tây Nam Thái Bình Dương, diện tích tương đương với Nhật Bản và Vương quốc Anh, nhỏ hơn so với Việt Nam và nằm cách Australia khoảng 2.000 km về phía Đông-Nam (qua biển Ta-xman), gần với các quốc đảo Nam Thái Bình Dương như Phi-gi, Tonga và Niu Că-lê-đô-ni-a.

New Zealand gồm hai đảo chính: Bắc và Nam. Địa hình phần lớn là đồi núi, sông ngòi, hồ chứa nước và đồng bằng thấp. Khí hậu đa dạng, mang tính chất khí hậu biển, ôn đới và cận nhiệt đới, luôn thay đổi do vị trí địa lý Nam Bán cầu. New Zealand nằm trên vành đai địa chấn Ấn Độ Dương và Ô-x-tră-li-a nên có nhiều động đất và núi lửa ở mức độ nhẹ. Nhiệt độ trung bình là 12°C, có sự khác nhau rõ rệt giữa đảo Bắc và đảo Nam. Tài nguyên khoáng sản chủ yếu gồm: gỗ, khí thiên nhiên, than và một số mỏ dầu mới.



Dân số 4,7 triệu người gồm nhiều dân tộc và văn hóa khác nhau. Có ba ngôn ngữ chính thức ở New Zealand, tiếng Anh phổ biến nhất, tiếng Maori và ngôn ngữ ký hiệu. Tuy nhiên, do sự đa dạng văn hóa rộng rãi có rất nhiều ngôn ngữ khác thường được dùng.

Có sự ổn định xã hội cao và chính trị và hệ thống phúc lợi xã hội hiện đại, quyền được phổ cập giáo dục tiểu học và trung học và tiếp cận được trợ cấp với các dịch vụ y tế cho tất cả các cư dân.

Dân số chủ yếu là châu Âu với khoảng 75%, 16% Māori, 8% là đảo Thái Bình Dương, 12% từ châu Á và 1% khác. Trong những năm gần đây đã có một mức độ ngày càng tăng của người nhập cư từ các nước châu Á.

Khoảng ba phần tư dân số sống ở đảo Bắc và gần 2 triệu người sống tại bốn thành phố lớn của Auckland, Christchurch, Wellington và Hamilton. Thủ đô Wellington tọa lạc tại đảo Bắc. Trong khi đó, thành phố lớn nhất Auckland, nằm phía trên cùng của đảo Bắc là trung tâm thương mại chính của New Zealand.

1.2. Lịch sử - Văn hóa

Người Maori là dân bản địa của Aotearoa (New Zealand) và lần đầu tiên đến đây trên những chiếc ca nô (hourua waka voyaging) từ quê hương của tổ tiên của họ về Hawaiki hơn 1000 năm trước. Ngày nay, người Maori chiếm hơn 14 phần trăm dân số. Ngôn ngữ và văn hóa của họ có ảnh hưởng lớn trên tất cả các khía cạnh của đời sống New Zealand.





Người Maori sinh sống rải trên khắp New Zealand, họ tích cực giữ gìn bản sắc văn hóa và ngôn ngữ. Trong bất kỳ cộng đồng Maori nào, Te Marae (giống như Nhà Rông) là nơi tập trung cho đời sống xã hội, văn hóa và tinh thần. Te Marae là khu vực "plaza" trung tâm của làng/xã bao gồm một wharehau (nhà hội họp) và wharekai (nhà ăn).

Người Maori sinh hoạt theo Iwi (bộ lạc), Hapu (tiểu-bộ lạc), Maunga (núi) và Awa (sông). Whanau là tên họ - gồm người trực hệ trong gia đình, dâu rể và tất cả những người có quan hệ huyết thống.

Trong những năm gần đây, sự ra đời của tổ ngôn ngữ Maori (kohanga reo) đã làm sống lại ngôn ngữ Maori. Tại kohanga reo, trẻ em mẫu giáo được khuyến khích nói tiếng Maori. Các trường tiểu học và trung học xây dựng trên môi trường này bằng cách đưa văn hóa Maori trong chương trình giảng dạy.

Thợ điêu khắc truyền thống cũng giúp đỡ để giữ gìn nền văn hóa Maori bằng cách tạo ra các công trình điêu khắc phong phú. Mỗi điêu khắc mang một điển tích. Hình dạng của đầu, vị trí trên thân thể cũng như các hình vẽ trên mặt công trình điêu khắc ghi lại và mang đậm dấu ấn các sự kiện.

Các nhà lãnh đạo New Zealand đều công nhận và tôn trọng các tín ngưỡng cổ xưa của nền văn hóa Maori. Có sự khác biệt đáng kể giữa cộng đồng người Maori và Châu Âu (Pakeha) ở New Zealand, nên lưu tâm về sự khác biệt này.

Văn hóa New Zealand mang giá trị cao về sự công bằng, khéo léo, thiết thực, khiêm tốn, kiềm chế và phi chính thức. Những giá trị này vẫn còn nhất quán theo thời gian, còn duy trì ở cấu trúc xã hội và kinh tế của đất nước.

1.3. Thể chế chính trị

New Zealand theo chế độ quân chủ nghị viện (nền quân chủ lập hiến với nền dân chủ nghị viện - sử dụng phương pháp bầu cử tỷ lệ đại diện thành viên kết hợp - MMP). Người đứng đầu Nhà nước là Nữ hoàng Anh Ê-li-da-bét II. Toàn quyền do Nữ hoàng Anh cử theo đề nghị của Thủ tướng. New Zealand không có Hiến pháp



chính thức bằng văn bản. Người đứng đầu cơ quan hành pháp là Thủ tướng, là thủ lĩnh đảng hoặc liên đảng chiếm đa số trong Nghị viện. Thủ tướng chỉ định các Bộ trưởng trong nội các.

New Zealand là quốc gia đầu tiên trên thế giới dành cho phụ nữ được quyền bỏ phiếu vô điều kiện (1893). Chính phủ theo nhiệm kỳ và thường được tái đắc cử. Mục tiêu là góp phần vào việc tạo lập môi trường kinh doanh ngày nay và niềm tin vào ngày mai.

Hệ thống chính trị của New Zealand được dựa trên nguyên tắc phân chia quyền lực trên ba cơ quan: Lập pháp, hành pháp và tư pháp. Quốc hội là cơ quan quyền lực và dân chủ bầu nghị viện, có vai trò thông qua các luật chi phối ở New Zealand. Cơ quan hành pháp gồm các bộ của chính phủ và tư pháp là hệ thống Tòa án thi hành luật.

New Zealand có một hệ thống bầu cử tỷ lệ thành viên kết hợp (gọi tắt là MMP). MMP là một hình thức đại diện theo tỷ lệ của các đảng dựa trên mô hình của Đức, nơi các cử tri từng tham gia bình chọn đảng (để chọn các đảng phái chính trị mà họ muốn làm đại diện cho họ trong Quốc hội) và một hệ thống bầu phiếu cử tri (để chọn cá nhân họ muốn bầu làm đại biểu Quốc hội).

Quyền lập pháp thuộc về nghị viện. Nghị viện chỉ có 01 Viện Dân biểu hay Hạ viện. Hạ viện có khoảng 121 thành viên trong đó có 64 đại diện cho cử tri theo địa lý, bảy đại diện cho cử tri Māori và 50 là thành viên đảng chính. Tổng số thành viên mỗi đảng có trong Hạ viện được xác định bằng tỷ lệ số phiếu đảng đó nhận được. Nếu một đảng có thành viên cử tri ít hơn yêu cầu của cuộc bỏ phiếu bên mình, các thành viên trong danh sách được thêm vào để tạo nên sự khác biệt. Tổng tuyển cử được tổ chức ba năm một lần và tuyển cử tiếp theo sẽ diễn ra vào năm 2017.

Có một số các đảng chính trị ở New Zealand. Tuy nhiên, hai đảng chính trị đối lập chính là Đảng Dân tộc và Công Đảng. Trong cuộc bầu cử quốc hội khóa 49 vào ngày 8/11/2008, Đảng Dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Ông John Key và tiếp tục thắng cử trong nhiệm kỳ thứ ba (20/09/2014). Là một nền dân chủ có hệ thống chính trị ổn định, vào năm 2015 New Zealand trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Về mặt hành chính, New Zealand được chia làm 74 đơn vị hành chính theo lãnh thổ (territorial authority), gồm 15 hội đồng thành phố, 58 hội đồng quận (district councils) và 1 hội đồng địa hạt (county council) dành cho vùng Chatham Islands. Mỗi đơn vị hành chính do một thị trưởng (mayor) đứng đầu.

Hiện New Zealand có 20 đảng phái. Ngoài 2 đảng lớn là: (i) Đảng Dân tộc - thành lập năm 1936 và hiện là đảng chính trong liên minh cầm quyền - bảo vệ quyền lợi cho tư bản lớn và điền chủ giàu có, thủ lĩnh hiện nay là ông Bill English; (ii) Công Đảng - thành lập năm 1916, hiện là đảng đối lập - đại diện cho các công đoàn; còn



có một số đảng nhỏ khác như Đảng Tiến bộ, Đảng New Zealand Trên hết (New Zealand First), Đảng Tương lai Đoàn kết, Đảng Xanh. Liên minh cầm quyền hiện bao gồm Đảng Dân tộc liên minh với các đảng Tương lai Đoàn kết, Maori và đảng ACT.

1.4. Hệ thống pháp luật

Hệ thống luật pháp của New Zealand phát triển theo mô hình của Anh. Trong khi luật chung đóng vai trò quan trọng trên nhiều lĩnh vực, nhiều luật của New Zealand được pháp điển hóa thành Luật của Quốc hội (Acts of Parliament). Hệ thống tư pháp độc lập và mạnh. Quyền sở hữu tư nhân được bảo hộ, hợp đồng là quyền tài sản an toàn và trí tuệ.

Hệ thống Tòa án có các cấp bậc từ tòa án quận lên Tòa án cấp phúc thẩm và Tòa án tối cao. Trước khi thành lập của Tòa án tối cao (1/2004), Tòa Phúc thẩm là cấp cao nhất của New Zealand là Hội đồng Cơ mật ở London, Anh. Ngoài ra, còn có các tòa án chuyên ngành như Tòa Quan hệ lao động, Tòa Nhân quyền- Human Rights Review Tribunal, Tòa án Môi trường và Ủy ban Thương mại. Các quyết định của các tòa này thuộc thẩm quyền giám sát của Tòa án Tối cao.

Khung pháp lý mạnh được hỗ trợ bởi hệ thống truyền thông tự do và độc lập, đảm bảo tính minh bạch cao trong điều hành chính phủ và quyết định doanh nghiệp.

1.5. Nền kinh tế

Nền kinh tế dựa trên hệ thống doanh nghiệp tư nhân. Chính phủ, nhìn chung, hạn chế can thiệp vào hoạt động thương mại. Vào đầu những năm 1990, chính phủ tư nhân hóa một loạt các ngành công nghiệp, nhiều tài sản công bán ra là nguồn lợi ở lĩnh vực năng lượng, sân bay...

Nới lỏng sự điều tiết trong hai thập kỷ qua đã thúc đẩy cạnh tranh và giảm gánh nặng về quản lý. Cách tiếp cận của New Zealand trong điều hành nói chung là "khá nhẹ tay". Mặc dù có một môi trường pháp lý toàn diện để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nhà đầu tư, các thể chế như Luật Thương mại 1986, Luật Thương mại Công bằng 1986 (tương tự Luật Cạnh tranh) và Luật Bảo Vệ người Tiêu dùng 1993 đảm bảo rằng doanh nghiệp không tham gia vào các hành vi phản cạnh tranh và người tiêu dùng được cung cấp hàng hóa có chất lượng thích hợp.

Các mô hình cải cách kinh tế ở New Zealand trong 40 năm qua dựa trên ba nguyên tắc cốt lõi: đa dạng hóa, tự do hóa và minh bạch.



Đa dạng hóa

Khi New Zealand còn là trang trại bán lông cừu, pho mát và bơ sang thị trường Anh, kim ngạch xuất khẩu là đủ mạnh để có thể bảo hộ nền kinh tế trong nước bằng sử dụng các khoản trợ cấp và kiểm soát nhập khẩu mà phần lớn trong số đó là kém hiệu quả.

Khi Anh gia nhập EU năm 1973, New Zealand không còn lựa chọn nào hơn là đa dạng hóa sản phẩm và thị trường. Quá trình điều chỉnh ban đầu chậm và khó khăn nhưng đến nay New Zealand đã vượt qua và xuất khẩu trên toàn khu vực châu Á-Thái Bình Dương cũng như Bắc Mỹ, Trung Đông và châu Âu. Sữa và thịt đóng góp đáng kể vào GDP và du lịch hiện đang trở thành ngành cạnh tranh với sản xuất nông nghiệp và trở thành nguồn xuất khẩu tại chỗ hàng đầu. New Zealand cũng có các ngành đang phát triển như giáo dục, đóng tàu, công nghệ thông tin, làm vườn, rượu vang và phim.

Tự do hóa

Việc mất đi các mối quan hệ thương mại ưu đãi với Anh và sự cần thiết để cạnh tranh xuất khẩu với các nước chi phí thấp hơn buộc phải tái cơ cấu chính sách kinh tế. Kết quả, New Zealand hiện là một trong những nền kinh tế mở nhất và được xếp hạng nhất trong số 189 quốc gia trong điều tra mới nhất của Ngân hàng Thế giới về Môi trường kinh doanh 2016 trên đánh giá xếp hạng như dễ dàng khởi nghiệp và xếp hạng hai về thuận lợi kinh doanh. Có rất ít hạn chế đối với các doanh nghiệp mới thành lập tại New Zealand, họ được quyền tự do lựa chọn loại hình kinh doanh, quy mô và vị trí doanh nghiệp, dễ dàng đăng ký tài sản và vay vốn. Vốn được phép lưu thông tự do cả trong và ngoài nước.

Chính sách cải cách kinh tế hướng đến nền kinh tế nới lỏng sự điều tiết đã thả nổi đồng đô la NZ, tư nhân hóa nhiều doanh nghiệp nhà nước, giảm thuế, nới lỏng tập trung hóa thị trường lao động và dỡ bỏ bảo hộ. Các chính sách ưu đãi là dựa trên nguyên tắc thị trường, trừ trường hợp những quy định đó đi ngược lại sự vận hành của thị trường (như trong luật cạnh tranh) hoặc đưa ra quyết định mang mục đích chính trị là ưu đãi đó có thể thu được những kết quả mà xã hội tự nó không thể tạo ra như là các vấn đề liên quan tới bệnh và an toàn nghề nghiệp hay mức lương tối thiểu quy định theo luật.



Tính minh bạch

Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình rõ ràng là các tính năng chính của khu vực công và khung thể chế của New Zealand. Các quy chế, luật lệ và hệ thống kiểm toán là minh bạch và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Các dự thảo luật và các quy chế được công bố dưới dạng dự thảo lấy ý kiến công chúng, các nhà hoạch định chính sách thường tìm mọi nỗ lực để công chúng góp ý.

Quy trình thông qua luật và quy chế được xây dựng theo các tiêu chuẩn được thực thi bởi Cơ quan Tiêu chuẩn New Zealand, một cơ quan trực thuộc chính phủ, hoạt động tự chủ và tự hạch toán. Việc xây dựng các quy trình/tiêu chuẩn là dựa trên sự nhất trí của Ủy ban chuyên gia, ý kiến công chúng và tham vấn rộng rãi với các bên có liên quan, cả trong và ngoài nước. Phần lớn các quy trình/ tiêu chuẩn được phối hợp xây dựng thống nhất với Australia. Chẳng hạn, pháp luật về cạnh tranh quy định tại Luật Thương mại 1986 bao gồm cả hành vi làm hạn chế thương mại và các khía cạnh cạnh tranh trong các giao dịch M&A (sáp nhập và mua lại).

Tiêu chuẩn cũng được xây dựng cho các ngành, lĩnh vực độc quyền tự nhiên như điện, sân bay và viễn thông. Luật Thương mại 1986 được giám sát và thực thi bởi Ủy ban Thương mại. Bất kỳ một hợp đồng, thoả thuận hoặc ý đồ kinh doanh nào có mục đích hoặc gây giảm thiểu sự cạnh tranh trên thị trường là bị cấm, trừ khi được phép của Ủy ban Thương mại. Trước khi phán quyết, Ủy ban phải cân nhắc kỹ các lợi ích công cộng đảm bảo phải lớn hơn mức giảm thiểu cạnh tranh. Việc sử dụng vị trí thống lĩnh thị trường để ngăn chặn sự cạnh tranh là trái với quy định của luật. Ủy ban Thương mại có thể ngăn chặn một vụ sáp nhập hoặc mua lại dẫn tới hình thành công ty mới có vị trí thống lĩnh trên thị trường. Tuy nhiên, việc thực thi các quyền về bản quyền, bằng sáng chế, giống cây trồng được bảo hộ, thiết kế đăng ký hoặc nhãn hiệu không nhất thiết tạo sự lạm dụng vị trí thống trị.

Để đảm bảo có sự cạnh tranh trong các ngành "độc quyền tự nhiên", chính phủ tăng cường sự giám sát. Ví dụ, theo Hiệp định Dịch vụ Viễn thông 1997 của WTO, New Zealand cam kết duy trì môi trường mở, cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông. Cải cách quan trọng của ngành là thông qua luật có hiệu lực năm 2001 và năm 2006, quy định việc bổ nhiệm ủy viên chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp thương mại, quy định các ngành dịch vụ có điều tiết, tăng cường giám sát và thu xếp dịch vụ quy định và tách độc quyền của tập đoàn Điện thoại Telecom.



1.6. Các cơ quan quản lý nhà nước

Các cơ quan quản lý chính điều hành hoạt động kinh doanh gồm:

- Cục Đầu Tư Nước ngoài (OIO) điều hành các chính sách, chủ trương đầu tư nước ngoài;
- Cục Quản lý Thị trường Tài chính (FMA) và Ngân hàng Dự trữ (RBNZ) là những cơ quan điều chỉnh chính của thị trường tài chính, bảo hiểm, đầu tư và các sản phẩm tài chính. FMA cũng có thẩm quyền quy định đối với thị trường chứng khoán New Zealand (NZX) và thu hút vốn từ công chúng.
- Ủy ban Thương mại- thực thi việc bảo vệ người tiêu dùng, pháp luật về chống độc quyền và pháp luật cụ thể cho các ngành độc quyền như viễn thông, sữa và ngành điện;
- Cục Thuế nội địa (IRD) đóng vai trò thu thuế, cả trực thu và gián thu;
- Cục Dịch vụ Hải quan có trách nhiệm bảo vệ biên giới và thu thuế nhập khẩu
- Tổng công ty bồi thường tai nạn (ACC) quản lý, điều hành chương trình bồi thường tai nạn, bồi thường cho người bị tai nạn.
- Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp – Companies Office-- Business.govt.nz là trang web đăng ký trực tuyến doanh nghiệp của chính phủ. Các thông tin và các công cụ trên trang được thiết kế đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trang cung cấp truy cập miễn phí cho một loạt các nguồn tài nguyên hoạt động như một cổng thông tin chính phủ và các thông tin kinh doanh khu vực tư nhân, tin tức và dịch vụ. Trên trang có nguồn tài nguyên thực tế và liên kết đến thông tin để giúp các chủ doanh nghiệp và các nhà quản lý khởi động, quản lý, phát triển hoặc rút lui và đối phó với những thách thức hàng ngày họ phải đối mặt. Trang cũng cung cấp thông tin các quy tắc và quy định các doanh nghiệp cũng như cách doanh nghiệp tuân thủ các yêu cầu của Chính phủ.

Quy định và phê duyệt của Chính phủ

New Zealand có môi trường kinh doanh nổi lỏng sự điều tiết tập trung, nhưng một số lĩnh vực có thể quy định nghiêm ngặt. Chẳng hạn, để đầu tư vốn, quan trọng nhất là tuân thủ Luật Quản lý thị trường tài chính 2013. Luật này quy định việc công bố thông tin để đăng ký và quản trị trên các sản phẩm tài chính, giao dịch công bằng, cấp phép, các quy chế quy định về nhà tư vấn đầu tư và chế độ báo cáo. Đó là luật khá phức tạp và có phạm vi rộng. Việc phân tích chi tiết nằm ngoài phạm vi của hướng dẫn này, cho nên các nhà đầu tư tiềm năng nên tìm tư vấn cụ thể. Luật Cạnh tranh được điều chỉnh bởi Luật Thương mại 1986, Luật này điều chỉnh hoạt



động mua lại doanh nghiệp, nghiêm cấm những hành vi làm hạn chế thương mại và cho phép định giá ở một số ngành nhất định. Hay theo Luật Quản lý Tài nguyên 1991, các dự án sử dụng đất hoặc thực hiện bất kỳ hoạt động có thể tác động đến môi trường là thuộc phạm vi điều chỉnh của luật này để đảm bảo quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và vật chất.

1.7. Hỗ trợ của Chính phủ

Có rất ít ưu đãi tài chính của chính phủ hỗ trợ cho sự phát triển doanh nghiệp. Chính phủ mong muốn thúc đẩy đầu tư vào New Zealand, mở rộng phạm vi toàn cầu của doanh nghiệp, hỗ trợ dưới một vài hình thức và do cơ quan chính phủ sau quản lý:

- Bộ Khoa học và Đổi mới (MSI) quản lý một số sáng kiến nhằm thúc đẩy các lĩnh vực khoa học và đổi mới, bao gồm các khoản đầu tư công nghệ (TechNZ), các quỹ cấp cho phát triển công nghệ, thường chuyển giao công nghệ và hỗ trợ tiền khả thi, tham khảo tại: www.msi.govt.nz
- Cục Thương mại và Doanh nghiệp New Zealand (NZTE) cung cấp nhiều chương trình để giúp các doanh nghiệp phát triển và cạnh tranh thành công trên toàn cầu. Để biết thêm thông tin, truy cập: www.nzte.govt.nz/find-fundingassistance
- Quỹ Đầu tư Mạo hiểm New Zealand (NZVIF) liên kết nối các đầu tư vào các quỹ đầu tư mạo hiểm và các nhóm đối tác với nhà đầu tư để thúc đẩy đầu tư vào các công ty trẻ có triển vọng tăng trưởng cao, có thể tham khảo tại: www.nzvif.com
- Cục Đầu tư New Zealand (OIO) nhằm giúp liên kết các doanh nghiệp New Zealand và các nhà đầu tư quốc tế có triển vọng tại: www.investmentnz.govt.nz

1.8. Người Maori và Hiệp Định Waitangi

Người Maori, thuộc chủng tộc Polynesia ở Thái Bình Dương, đã phát hiện ra New Zealand vào khoảng thế kỷ thứ 10. Năm 1769, thuyền trưởng James Cook thuộc Hải quân Hoàng gia Anh đã đến thám hiểm, đổ bộ lên đảo và tuyên bố New Zealand là đất của Nhà Vua Anh. Người Anh đến định cư đã bị người bản xứ Maori chống lại. Cuộc đấu tranh của người Maori kéo dài gần một thế kỷ, kết quả là hai bên đã thoả hiệp và ký Hiệp định Waitangi ngày 06/02/1840. Hiệp định Waitangi, thiết lập một quan hệ đối tác áp đặt cả hai bên nghĩa vụ hành động một cách hợp lý, trung thực và với đức tin tốt nhất. Theo đó, người Maori công nhận việc Hoàng gia Anh bảo hộ New Zealand, để đổi lại Hoàng gia Anh thừa nhận quyền sở hữu đất đai của người Maori. Hiệp định đảm bảo người Māori "sở hữu độc quyền và không can thiệp vào



vùng đất, rừng, mặt nước và các tài sản khác của người Maori". Ngày Waitangi, 06 tháng 2, trở thành ngày lễ tôn vinh việc ký kết Hiệp định.

Hiệp định Waitangi luôn là chủ đề của nhiều cuộc tranh luận vì có sự khác biệt giữa hai phiên bản - tiếng Anh và tiếng Māori. Đó là những tranh luận về giải thích xung quanh ba khái niệm chính xác trong nghĩa tiếng Māori là: *kāwanatanga* (Thống đốc), *rangatiratanga* (Quyền thủ lĩnh/ tù trưởng) và *taonga* (tài sản). Những khiếu nại về Hiệp định được phán xét bởi Tòa án Waitangi. Nói chung, Tòa án này chỉ có thể kiến nghị với chính phủ mà chính phủ thì có thể hoặc không chấp thuận. Ngoại trừ phần đất thuộc nhà nước và vùng đất trước đây thuộc sở hữu của doanh nghiệp nhà nước, Tòa án có thể đưa ra khuyến cáo bắt buộc. Thường thì chính phủ sẽ đàm phán với tập thể người Māori bị ảnh hưởng để đạt được một giải pháp cùng chấp thuận được.

Hiệp định Waitangi không phải là luật thời hiệu nhưng khá thích hợp trong bối cảnh những năm 1980, một phần do chính phủ thành luật vào năm 1985 để cho phép Tòa án điều tra hành vi vi phạm có niên đại từ năm 1840 và sau khi chèn vào Luật doanh nghiệp nhà nước 1986 (the State Owned Enterprises Act 1986) một điều khoản ngăn chặn việc diễn giải từ Crown theo cách không phù hợp với Hiệp định. Nhiều phần trong các văn bản luật cũng có quy định bắt buộc phải tham khảo ý kiến người Maori như Luật Chính quyền địa phương 2002 và Luật Quản lý tài nguyên 1991. Hiệp Định Waitangi cũng được đưa thành một ngoại lệ chung (Điều 29.6) trong Hiệp Định Tự do Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà New Zealand là một trong số 12 đối tác vừa ký hồi tháng 2/2016.

1.9. Ngày nghỉ lễ

Có 10 ngày nghỉ lễ ở New Zealand, nếu ngày nghỉ lễ rơi vào cuối tuần thì ngày nghỉ bù tính vào ngày Thứ Hai kế tiếp hay còn gọi là 'Mondayised':

- Ngày 01-02 tháng 1 – Nghỉ năm mới
- Ngày 06 tháng 2 — Ngày Ký hiệp định Waitangi- Ngày Quốc khánh
- Thứ Sáu Thánh và Phục Sinh Thứ Hai trong tháng Tư
- Ngày 25 tháng 4 - Ngày ANZAC
- Ngày Thứ Hai tuần đầu tiên của tháng Sáu - Sinh nhật Nữ hoàng
- Ngày Thứ Hai tuần thứ tư trong tháng Mười - Ngày Lao động
- Ngày 25 và 26 tháng 12 - Giáng Sinh và Boxing Day/Ngày Tặng Quà



Cộng thêm 01 ngày kỷ niệm của địa phương (tỉnh, thành phố), ngày này là khác nhau giữa các tỉnh.

1.10. Tiền tệ, hệ thống ngân hàng và tài chính

Đơn vị tiền tệ của New Zealand là đồng đô la New Zealand (NZD hay NZ\$ hay còn gọi là Đồng Kiwi). Đồng Kiwi được thả nổi so với tất cả các loại tiền tệ lớn khác. New Zealand không kiểm soát hối đoái, các quỹ được tự do di chuyển vào và ra khỏi đất nước, nhưng phải chịu kiểm soát nghiêm ngặt của Luật Chống Rửa tiền.

Luật Ngân hàng Dự trữ 1989 cho phép Ngân hàng Dự trữ độc lập với Chính phủ và có nhiệm vụ giữ lạm phát trong khung mục tiêu từ 1% đến 3% trong trung hạn tức Thống đốc Ngân hàng Dự trữ có thẩm quyền thiết lập mức Tỷ lệ lãi suất thực (OCR)- một công cụ chính sách tiền tệ- trong vòng 6 tuần/1 lần.

Hệ thống ngân hàng được bãi bỏ kiểm soát đáng kể và tương đối mở về sự gia nhập của các ngân hàng mới. Điều này đã tạo nên một hệ thống ngân hàng cạnh tranh mạnh. Hiện có 25 ngân hàng phát hành và ngân hàng thương mại có phần lớn vốn nước ngoài được cấp phép.

Ngoài hệ thống ngân hàng, nhiều tổ chức tài chính phi ngân hàng khác như các tổ chức xây dựng xã hội, hợp tác xã, liên hiệp tín dụng, tín chấp và thế chấp và các công ty tài chính cùng hoạt động trên thị trường tài chính. Các quy chế cụ thể chi phối các tổ chức này quy định tại Luật Thực thi Thị trường Tài chính 2013.

1.11. Thương mại và mở cửa thị trường

Thương mại đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế New Zealand. Nhờ xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, New Zealand nhập khẩu đa dạng hàng hóa và dịch vụ từ nước ngoài.

Sự phát triển kinh tế truyền thống là dựa trên sản phẩm nông nghiệp. Sản phẩm nông nghiệp chiếm khoảng một nửa tổng xuất khẩu của New Zealand với kim ngạch xuất khẩu chủ lực gồm lâm sản, thủy sản, sản phẩm làm vườn, hàng chế tạo và sản phẩm kỹ thuật.

Ngoại thương (xuất khẩu và nhập khẩu) chiếm 60% tổng số hoạt động kinh tế của New Zealand. Trong năm 2015, xuất khẩu hàng hóa đạt 50 tỷ \$, trong khi xuất khẩu dịch vụ đạt 19 tỷ \$. Nhập khẩu hàng năm ở mức 67 tỷ \$ (2015), khiến cán cân thương mại thặng dư ở mức 2 tỷ \$.



Trước xu thế hội nhập khu vực như một xu thế thương mại quốc tế mở ra kể từ bế tắc của vòng đàm phán thương mại Doha từ 2001 trở lại đây, New Zealand là một trong những nền kinh tế dẫn đầu trong hội nhập kinh tế (HNKT). New Zealand đã ký kết 16 Hiệp định Tự do Thương mại (FTAs) với các nước thành viên WTO gồm: Hiệp định Quan hệ thương mại gần gũi với Australia- CER- (Closer Economic Relations), P4 (tiền thân của TPP), FTA với ASEAN (AANZFTA), New Zealand ký với Trung Quốc FTA đầu tiên giữa một nền kinh tế phát triển với nền kinh tế đang phát triển, FTA với Hồng Kông, Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc.

Theo mô hình Hiệp định đối tác Kinh tế gần gũi (CEP), New Zealand có các hiệp định với Thái Lan và Singapore và gần đây nhất là ký HĐ Xuyên Thái Bình Dương (TPP) cùng với 11 quốc gia Pacific Rim vào tháng 2 năm 2016 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường đổi mới và để tạo điều kiện hạ thấp các rào cản thương mại giữa các quốc gia thành viên. Hiệp định TPP đang trong quá trình phê chuẩn thuận lợi tại New Zealand nhưng bị chững lại bởi những cản trở về chính trị diễn tiến kể từ sau bầu cử Tổng thống tại Hoa Kỳ, một đối tác chính chiếm tới 62% GDP của 12 nước TPP.

New Zealand hiện đang đàm phán 5 hiệp định thương mại tự do với chương trình nghị sự đàm phán FTAs tập trung vào các đối tác thương mại quan trọng như EU, RCEP (Hiệp định Đối tác kinh tế khu vực) mà New Zealand là một bên tham gia cùng với 5 đối tác khác của ASEAN, Liên minh Kinh tế Á - Âu, FTA với Ấn Độ là thị trường tiềm năng chưa được khai thác và Hiệp định quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn với các quốc gia khu vực Thái Bình Dương (PACER Plus) nhằm tạo ra công ăn việc làm, nâng cao mức sống và khuyến khích phát triển kinh tế bền vững trong khu vực.

2. Tổng quan về kinh tế thương mại

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản

GDP	173,75 tỷ USD (2015)
Tăng trưởng GDP	3,0 % (2015)
GDP bình quân đầu người	US\$ 34.762 (2015)
Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	NZ\$ 69 tỷ (2015)
Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ	NZ\$ 67 tỷ (2015)
Thặng dư thương mại	NZ\$ 2 tỷ (2015)

Nguồn: NZ Staticstics và Trading Economics





2.2. Kinh tế

New Zealand là nền kinh tế nhỏ, có độ mở lớn, hoạt động trên nguyên tắc thị trường tự do, có nền tảng nông-công nghiệp phát triển, trong đó chăn nuôi giữ vai trò quan trọng. Về cơ cấu kinh tế, nông nghiệp chiếm (7,5%), công nghiệp- (27%), dịch vụ - (65,5%); 3/4 sản phẩm nông nghiệp hàng năm dành cho xuất khẩu. Thu nhập bình quân đầu người khoảng 35.800 USD (2016). Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 3-4%. Năm 2015, GDP chỉ tăng 3% và giảm phát, dự báo trong thời gian tới GDP tăng trưởng ở mức 2,8%/năm.

Nền kinh tế New Zealand gồm khu vực sản xuất khá lớn và ngành dịch vụ hỗ trợ lớn, ngành nông nghiệp định hướng xuất khẩu có hiệu quả cao chiếm hơn một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ chiếm khoảng một phần ba GDP.

Đất đai màu mỡ và điều kiện phát triển tuyệt vời kết hợp với phương pháp canh tác tinh vi và công nghệ nông nghiệp tiên tiến là môi trường lý tưởng cho các hoạt động thời vụ, lâm nghiệp và làm vườn. New Zealand là một trong năm nhà xuất khẩu sữa hàng đầu thế giới, chiếm 1/3 thương mại sữa toàn cầu. Bổ sung cho lĩnh vực sản xuất là lĩnh vực dịch vụ khá lớn và phát triển với năng lực công nghệ cao. Du lịch, sản xuất phim và rượu vang cũng đóng góp đáng kể, tới 9/2016, ngành du lịch đã trở thành trụ cột xuất khẩu lớn thứ hai cùng với ngành sữa.

New Zealand có môi trường lạm phát thấp, với chính sách tiền tệ của Ngân hàng dự trữ, ngân hàng trung ương độc lập đó để đảm bảo duy trì sự ổn định tỷ giá. New Zealand có một tỷ giá hối đoái linh hoạt lâu dài, không kiểm soát ngoại hối hoặc hạn chế đưa vào hoặc chuyển giao vốn.

Một loạt các biện pháp thực thi đã ổn định tình hình kinh tế vĩ mô kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. Chính phủ cam kết duy trì thặng dư ngân sách từ năm tài khóa 2015/16 và duy trì thặng dư trong tương lai, cam kết giảm nợ ròng trên 20% GDP trước năm 2020 và (nếu có thể) duy trì nợ công ở mức an toàn và tăng trưởng kinh tế sẽ ở mức trung bình 2,8%/năm cho tới 2019 nhằm nâng hiệu suất dài hạn của nền kinh tế thông qua năm định hướng chính sách quan trọng: (i) xây dựng một nền kinh tế mạnh; (ii) đầu tư cơ sở hạ tầng đẳng cấp thế giới; (iii) nền dịch vụ công tốt hơn; (iv) Tái thiết lại Christchurch sau động đất 2011; và (v) xây dựng New Zealand an toàn hơn.

New Zealand có quan hệ thương mại với hầu hết các nước trên thế giới, trong đó các bạn hàng lớn nhất là Australia, Trung Quốc, EU, Mỹ, Nhật Bản và ASEAN. Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là các sản phẩm sữa, thịt gia súc, gỗ thông, thủy sản, thiết bị máy móc, rau và hoa quả. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là phương tiện giao thông, máy móc, nhiên liệu, chất dẻo, thiết bị y tế....



2.3. Cơ cấu kinh tế

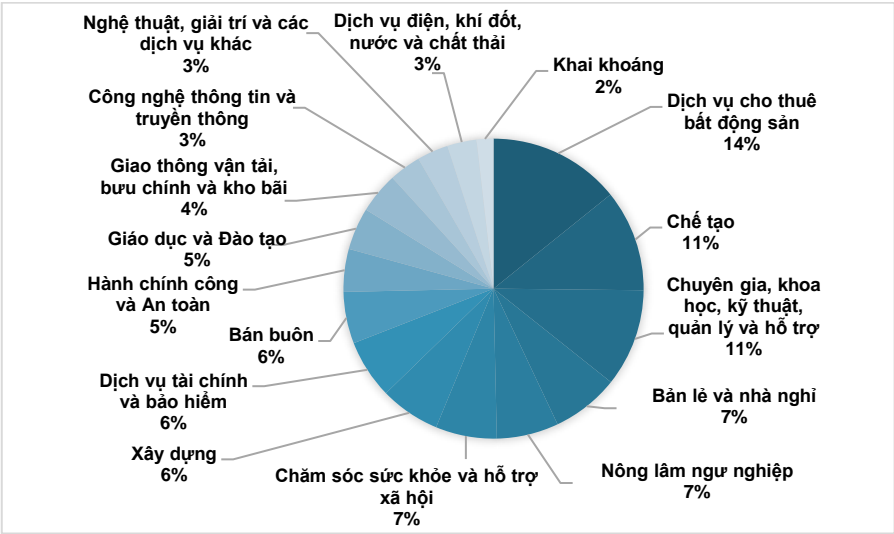
Ngành công nghiệp cơ bản - Các ngành nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp, khai thác và đánh bắt cá đóng một vai trò cơ bản trong nền kinh tế, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu và tạo việc làm. Các ngành cơ bản chiếm khoảng 7,5% GDP thực và đóng góp khoảng một nửa tổng kim ngạch xuất khẩu.

Nông nghiệp sơ cấp (chăn nuôi và trồng trọt)

Nông nghiệp sơ cấp chiếm khoảng 4% GDP, trong khi ngành này tạo nguồn cho ngành chế biến thực phẩm, đồ uống và sản phẩm thuốc lá chiếm thêm 4% GDP nữa và các ngành dịch vụ bao gồm cả vận tải, tài chính nông thôn và bán lẻ liên quan đến sản xuất nông nghiệp, cũng trên cơ sở đó có những đóng góp quan trọng vào GDP. Chăn nuôi bò sữa là hoạt động chiếm ưu thế trong ngành nông nghiệp và trồng trọt, tiếp theo là thịt bò, cừu và rau quả.

Giá nông sản chính hồi phục mạnh mẽ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 và tiếp tục tăng mạnh trở lại từ 2013 trở lại đây với mức cao lịch sử cho các sản phẩm sữa do nhu cầu tăng mạnh từ Trung Quốc và nguồn cung sữa toàn cầu giảm đã hỗ trợ rất mạnh cho XK của ngành. Tuy nhiên, giá nông sản biến động phụ thuộc vào nguồn cung và nhu cầu toàn cầu, giá sữa đã giảm khoảng đi 50% vào đầu năm 2015, so với mức đỉnh vào tháng 2/2014, tới cuối 2016 mới có sự tăng trở lại. Giá thịt tăng cao kỷ lục trong tháng 9/2014.

Biểu đồ 1: Cơ cấu kinh tế 2015



Sources: Statistics New Zealand, the Treasury





Rượu vang và hoa quả là các sản phẩm trồng trọt chủ lực. Kim ngạch xuất khẩu mỗi loại tương ứng là 1,6 tỷ \$ (141 triệu lít- 86% là vang Trắng Sauvigaun Blanc) và 2,6 tỷ \$ (tính tới 6/2016), những rau quả xuất khẩu chính gồm Kiwi (105 tr. \$), táo (130 tr. \$), lê, rau quả tươi và chế biến, và hạt.

Lâm nghiệp

Trồng rừng và khai thác gỗ chiếm khoảng 1,0% GDP và là ngành xuất khẩu quan trọng. Gần 70% gỗ từ rừng trồng được xuất khẩu dưới các hình thức gỗ tròn, dăm gỗ, gỗ xẻ, gỗ ván, giấy và bột giấy, gỗ và các sản phẩm từ gỗ như đồ nội thất.

Ước tính có khoảng 30,1 triệu mét khối gỗ khai thác từ rừng trồng, tăng 55% trong vòng 5 năm qua và khối lượng sản xuất lớn nhất trong lịch sử. Gỗ dự báo sẽ tương đối ổn định ở mức 26-28 triệu mét khối/năm tính đến 2016, tăng lên 35 triệu mét khối/năm thời kỳ 2016 - 2025.

Giá trị xuất khẩu lâm sản là 5,1 tỷ \$, chiếm 10% xuất khẩu hàng hóa trong năm 2014. Trung Quốc, Australia, Hàn Quốc và Nhật Bản là những thị trường lớn nhất cho các sản phẩm lâm nghiệp. Trung Quốc là thị trường lớn gỗ tròn và dăm gỗ, gỗ xẻ và bột giấy. Nhật Bản là thị trường lớn nhất gỗ xẻ và Australia trở thành thị trường lớn nhất cho giấy và bì các tông.

Khí hậu và thổ nhưỡng của New Zealand rất phù hợp với sự tăng trưởng của rừng trồng. Rừng có diện tích 1,8 triệu ha, gỗ thông Radiata chiếm 90% đất trồng rừng, trưởng thành trong vòng 25-30 năm, phát triển nhanh hơn gấp đôi so với môi trường sống tự nhiên ở California. Loài này đã được đầu tư nghiên cứu đáng kể và có tính linh hoạt cao trong sử dụng. Loài quan trọng thứ hai là cây Linh sam (Douglas), chiếm 6% diện tích rừng trồng.

Ngư nghiệp

New Zealand có vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) rộng 4,1 triệu km² và khá phong phú do có nhiều loài cá sống gần bờ, một số loài cá vây lớn nước sâu, mực và cá ngừ. Vùng nước ven biển không bị ô nhiễm cũng rất phù hợp để nuôi trồng thủy sản. Các loài chính là nuôi hàu Thái Bình Dương, Vẹm xanh và Cá hồi Quinntat.

Đánh bắt cá là ngành lớn và quan trọng nguồn xuất khẩu hàng hóa. Cá và hải sản khác chiếm 1,4 tỷ \$ doanh thu xuất khẩu trong năm 2014, tăng 2,5% so với năm trước.

Các loài xuất khẩu quan trọng nhất là vẹm xanh, cá hồi, cá Hoki, cá thu, lươn và cá ngừ. 80% sản lượng thủy sản là đánh bắt tự nhiên và 90% sản lượng thủy sản để xuất khẩu.



Việc bảo tồn và quản lý nguồn thủy sản được quản lý dựa trên hệ thống hạn ngạch đánh bắt hàng năm. Hệ thống này được thiết kế và phân phối nhằm bảo vệ sự phát triển bền vững trong tương lai của ngành thủy sản trong khi tạo điều kiện cho kinh tế khai thác tối ưu. Hệ thống sử dụng các thị trường cá, cùng với những đánh giá khoa học các đàn cá, để phân bổ quyền đánh cá, hạn chế không tùy tiện sử dụng phương pháp đánh bắt. Với hạn ngạch phân bổ hết, dự báo tăng trưởng trong tương lai xuất khẩu đánh bắt tự nhiên là thu hẹp và sự tăng trưởng của ngành xuất khẩu thủy sản sẽ dựa trên năng lực mở rộng trang trại nuôi trồng thủy sản.

Công nghiệp

Ngành công nghiệp chế tạo nổi tiếng linh hoạt, khả năng thích ứng và kinh doanh. Lợi thế toàn cầu của New Zealand là sản xuất sản phẩm có giá trị cao, vòng đời sản phẩm ngắn hạn. Những lĩnh vực then chốt và có nhiều cơ hội gồm hàng không, năng lượng, y tế, hàng hải, an ninh, thiết bị công nghiệp, thực phẩm, nước giải khát và các ngành công nghệ xử lý sinh học. Thêm vào đó, lực lượng lao động có tay nghề cao và sự đổi mới trong các ngành kim khí, nhựa và vật liệu tổng hợp là những yếu tố tạo ra cơ hội hấp dẫn các nhà đầu tư. New Zealand có cơ cấu thuế đơn giản mà hỗ trợ đầu tư nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp.

Từ các ngành chế tạo công nghệ cao cho tới các ngành chăm sóc sức khỏe, những sáng kiến/phát minh của New Zealand là đột phá quan trọng nhất của thế giới. Đó là sự đổi mới đó đã dẫn đến sự tách nguyên tử, phát hiện chung về cấu trúc của ADN, phát minh ra ống tiêm dùng một lần và lực đẩy phản lực nước hiện đại.

Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chiếm gần 50% xuất khẩu hàng hóa. Trong sản xuất năm 2015 là 12% GDP của cả nước (22 tỷ \$, lớn thứ hai sau tài sản và các dịch vụ kinh doanh), sử dụng 250.000 lao động (12% lực lượng lao động) và phát triển kinh tế vùng.

Sản lượng, cơ cấu các ngành chế tạo lớn nhất (tính trên GDP) và sử dụng lao động:

- Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá, \$ 5.847 tỷ (36%), 72.590 lao động (30%)
- Máy móc và thiết bị sản xuất, \$ 2,2 tỷ (14%), 43.270 lao động (18%)
- Gỗ và sản xuất sản phẩm giấy, \$ 2,2 tỷ (13%)
- Dầu khí, hóa chất, nhựa và sản phẩm cao su, \$ 1,5 tỷ (9%)

Dịch vụ

Các ngành dịch vụ chiếm khoảng hai phần ba GDP và có phạm vi tương đối rộng. Những chi ngành đóng góp lớn nhất cho hoạt động dịch vụ là thương mại bán lẻ và bán buôn (chiếm 18% GDP khu vực dịch vụ), dịch vụ cho thuê và bất động sản (18%) và dịch vụ chuyên nghiệp và hành chính (15%). Những ngành dịch vụ quan trọng



khác bao gồm giáo dục, du lịch, y tế, công nghệ thông tin và dịch vụ tài chính, cũng như dịch vụ bưu chính, vận chuyển và lưu kho.

Khi kinh tế New Zealand bước vào suy thoái sau năm 2008, tăng trưởng khu vực dịch vụ chậm lại, tuy nhiên, với tốc độ nhanh hơn so với các khu vực khác của nền kinh tế, tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP đã tăng từ 62% từ năm 2004 lên 66% vào năm 2015. Hoạt động xuất khẩu liên quan là đầu vào các dịch vụ du lịch và ngành tiểu học đóng một phần quan trọng trong xu hướng tăng trưởng trong lĩnh vực này.

Khu vực dịch vụ tạo 72% tổng số việc làm tính đến 2015, các ngành dịch vụ sử dụng nhiều việc làm và tăng trưởng mạnh là dịch vụ thương mại, nhà ở và thực phẩm bán lẻ.

Du lịch là một trong những ngành dịch vụ lớn nhất ở New Zealand. Phong cảnh đẹp của đất nước, môi trường tự nhiên và một loạt các hoạt động ngoài trời làm cho New Zealand trở thành một điểm đến du lịch nổi tiếng.



Cơ sở hạ tầng



Chính phủ đã thành lập một Cơ quan Hạ tầng Cơ sở Quốc gia (National Infrastructure Unit) thuộc Kho bạc năm 2009 để nắm tổng quan về cơ sở hạ tầng quốc gia ưu tiên bằng sự phối hợp chéo với chính phủ và Hội đồng Tư vấn trong lập kế hoạch và chuyên môn, các khuôn khổ thẩm định dự án cơ sở hạ tầng và quản lý tài sản vốn, theo dõi việc thực hiện

và sử dụng những khuôn khổ trong đó có hướng dẫn về Quy chế Đối tác Hợp tác Công-Tư (PPP).

Kế hoạch tổng thể cơ sở hạ tầng quốc gia lần thứ ba, công bố năm 2015 nhằm định hướng chung cho việc lập kế hoạch, tài chính, xây dựng và sử dụng các cơ sở hạ



tăng kinh tế và xã hội gồm các phương tiện giao thông, viễn thông, năng lượng, nước và các lĩnh vực cơ sở hạ tầng xã hội.

Vận tải

Giao thông vận tải là một ngành kinh tế chủ lực ở New Zealand. Hệ thống giao thông mang đặc trưng không chỉ sự phụ thuộc vào ngoại thương, cách biệt với nhiều đối tác kinh doanh của mình, mà còn là địa hình và phân bố trải dài 2.011 km chiều dài đất nước với mạng lưới đường bộ (khoảng 93.000 km) và đường sắt (4.000 km) gắn kết các cảng và sân bay tạo ra chi phí vốn cao so với quy mô dân số. Tuy nhiên, hiệu quả của hệ thống giao thông nội địa đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng kinh tế.

Phần lớn các cơ sở hạ tầng giao thông phát triển và vận hành bởi công ty độc quyền nhà nước. Ngày nay, ngành giao thông chủ yếu được nới lỏng và dỡ bỏ các rào cản pháp lý để cạnh tranh. Nhiều công ty độc quyền được tư nhân hóa.

Đường bộ: Việc cấp kinh phí và quản lý công trình đường cao tốc nhà nước được quản lý bởi một thực thể nhà nước là Cơ quan Giao thông vận tải New Zealand thông qua hợp đồng với các công ty tư nhân về xây dựng và bảo trì.

Cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ và bảo trì được tài trợ chủ yếu từ phí khoảng cách đối với xe chạy bằng diesel, thuế tiêu thụ đặc biệt tính trên giá xăng và phí đăng ký xe cơ giới. Gần đây, Chính phủ đã tài trợ bổ sung để đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường giao thông mới và cung cấp các phương tiện giao thông công cộng.

Đường sắt: hệ thống đường sắt của New Zealand kết nối tất cả các trung tâm dân cư lớn và bao gồm cả phà đường sắt giữa đảo Bắc và Nam. Hệ thống này được được cổ phần hóa từ 1993. Hệ thống đường sắt quốc gia như KiwiRail chủ yếu để vận chuyển hàng hóa.

KiwiRail hợp đồng với khách hàng về các điều khoản thương mại nhưng cũng nhận được sự tài trợ của Chính phủ về một phần chi phí bảo trì và đổi mới hệ thống đường sắt quốc gia.

Trong khi đó, Chính phủ sở hữu hầu hết các cơ sở hạ tầng đường sắt và cán chứng khoán, chính quyền khu vực Auckland và Wellington cũng sở hữu một số cổ phần, được sử dụng bởi các nhà cung cấp hợp đồng dịch vụ đường sắt đô thị. Trong tám năm qua, đầu tư đáng kể đã được thực hiện trong cả hai mạng đô thị để nâng cấp, mở rộng và điện khí hóa dịch vụ.

Vận tải thủy: 99% thương mại quốc tế của New Zealand được chuyển bằng đường biển, với khoảng 30 đường vận chuyển toàn cầu và khu vực tại cảng New Zealand. Dịch vụ vận tải biển ven bờ liên kết trong nội bộ và liên đảo và đóng một vai trò



quan trọng trong việc phân phối hàng hóa số lượng lớn như sản phẩm dầu khí, xi măng.

Các công ty kinh doanh cảng thành lập theo Luật Kinh doanh Cảng 1988 và hoạt động 13/14 cảng thương mại của New Zealand dưới quyền sở hữu chủ yếu của địa phương, một vài phần tư nhân hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán. Luật vận tải biển 1994 quy định về an toàn tàu, trách nhiệm pháp lý hàng hải và bảo vệ môi trường biển.

Hàng không dân dụng: New Zealand là một trong những quốc gia hàng không nhất thế giới. Có hơn 10.000 phi công được cấp phép và hơn 4.700 máy bay. Máy bay hạng nhẹ, bao gồm cả máy bay trực thăng, được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch.

New Zealand cho phép sở hữu đến 100% nước ngoài các hãng hàng không trong nước và không có giấy phép dịch vụ hàng không trong nước. Air New Zealand là các nhà điều hành lớn trong nước trên các tuyến và đường bay chính trong khu vực. Jetstar cạnh tranh trên các tuyến chính và một số lượng nhỏ các tuyến khu vực.

New Zealand có khoảng 70 thỏa thuận dịch vụ hàng không với các nước. Chính sách vận chuyển hàng không quốc tế năm 2012 bằng cách theo đuổi một chính sách của việc đưa ra thỏa thuận "bầu trời mở" tạo cơ hội dựa vào các hãng hàng không nước ngoài để cải thiện khả năng kết nối với phần còn lại của thế giới cho khách hàng và thúc đẩy gia tăng thương mại.

Hiện có 19 hãng hàng không quốc tế, gồm cả Air New Zealand, kết nối New Zealand với phần còn lại của thế giới thông qua các dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách. Air New Zealand là một công ty niêm yết công khai trên thị trường chứng khoán New Zealand. Chính phủ đã thoái vốn khoảng 20% cổ phần của mình để giữ quyền sở hữu 53% từ 2013.

2.4. Chính sách ngoại giao và ngoại thương

Chính sách ngoại giao của New Zealand tìm kiếm và tạo ảnh hưởng quốc tế nhằm thúc đẩy lợi ích, giá trị của New Zealand, đóng góp vào một thế giới ổn định, hòa bình và thịnh vượng, đồng thời, thúc đẩy và bảo vệ cả hai lợi ích an ninh và thịnh vượng.

Ngoại thương đóng vai trò quan trọng đối với New Zealand. Xuất khẩu hàng hóa dựa trên các ngành công nghiệp cơ bản là nguồn thu quan trọng từ xuất khẩu, trong khi đó xuất khẩu dịch vụ và sản phẩm công nghiệp cũng có sự đóng góp đáng kể. Cùng với sự phụ thuộc vào việc nhập khẩu nguyên liệu trung gian và thiết bị cho ngành công nghiệp, nền kinh tế mang đặc trưng hướng mạnh về ngoại thương. Xuất



khẩu hàng hóa và dịch vụ chiếm khoảng 30% GDP. Australia, Trung Quốc, Bắc Mỹ, EU và ASEAN chiếm khoảng 9% và 19% xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của New Zealand. Các đối tác thương mại lớn khác gồm Nhật Bản và Hàn Quốc.

Liên kết khu vực châu Á-Thái Bình Dương là cốt lõi lợi ích chính trị và kinh tế của New Zealand. Các quốc gia thuộc Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) chiếm tới 70% xuất khẩu của New Zealand, cung cấp 71% lượng khách du lịch và chiếm khoảng 75% tổng đầu tư trực tiếp nước ngoài của New Zealand. Tuy nhiên, chính sách thương mại của New Zealand vẫn có sự liên kết mạnh với châu Âu, đồng thời theo đuổi các cơ hội trong khu vực mới nổi như ở Trung Đông và Mỹ Latin.

Trong khi xuất khẩu một loạt các sản phẩm, New Zealand bị phụ thuộc vào nguồn thu xuất khẩu để nhập khẩu nguyên vật liệu và trang thiết bị cho ngành công nghiệp. Chính sách thương mại của New Zealand cam kết một chính sách thương mại đa chiều gồm:

- Tự do hóa thương mại đa phương thông qua WTO
- Hợp tác khu vực và tự do hóa thông qua thành viên tích cực của diễn đàn như APEC và Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á, và
- Thỏa thuận thương mại song phương và đa phương như:
 - + Quan hệ kinh tế gần gũi hơn (CER) với Australia (từ 1983)
 - + Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) với mục tiêu tự do hóa thương mại và đầu tư giữa 12 quốc gia Thái Bình Dương: New Zealand, Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, Peru, Singapore, Hoa Kỳ và Việt Nam
 - + Hiệp định thương mại tự do với Trung Quốc, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Hồng Kông và Hàn Quốc và các thỏa thuận hợp tác kinh tế với Đài Loan
 - + Hiệp định ASEAN-Australia-New Zealand thương mại tự do, và
 - + Các Hiệp định thương mại tự do trong tương lai, bao gồm: Hội đồng Hợp tác vùng Vịnh (GCC); Ấn Độ; với ASEAN, TQ, Ấn Độ, Nhật Bản, HQ và Australia trong bối cảnh quan hệ đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); và gần đây nhất là thỏa thuận với Liên minh châu Âu để tìm kiếm nhiệm vụ đàm phán.

New Zealand cam kết tiếp tục giảm các rào cản thương mại cả trong và ngoài nước. Thuế nội địa, thuế XNK giảm một cách hệ thống và không còn hạn chế định lượng đối



với hàng hóa nhập khẩu. Khoảng 90% dòng thuế về không (0), bao gồm hàng hóa từ các nước kém phát triển (LLD).

New Zealand tích cực trong việc đặt nền móng cho các vòng đàm phán của WTO. Trong khu vực, New Zealand, là một thành viên của APEC, cam kết đạt mục tiêu tự do thương mại và đầu tư trong khu vực APEC. Để kết thúc này nó được đóng góp vào các cuộc thảo luận đang diễn ra xung quanh một Hiệp định Thương mại tự do châu Á Thái Bình Dương (FTAAP).

Thương mại hàng hóa

Thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, đồng đô la mất giá mạnh, xuất khẩu duy trì sự tăng trưởng do nhu cầu từ Trung Quốc vẫn tăng. Kinh tế New Zealand hồi phục trở lại kể từ năm 2010. Giá trị xuất khẩu tăng lên mức đỉnh trong 2011 và cán cân thương mại có thặng dư dù không lớn. Giá hàng hóa và thặng dư thương mại tăng trở lại vào 2013 và 2014 là nhờ xuất khẩu nông sản do sản xuất nông nghiệp toàn cầu bị thu hẹp, trong khi nhu cầu mạnh từ Trung Quốc khiến giá cả hàng hóa xuất khẩu của New Zealand tăng cao kỷ lục, trong đó có giá sữa.

Thương mại dịch vụ

Các ngành dịch vụ chiếm hai phần ba GDP. Trụ cột của xuất khẩu dịch vụ là ngành du lịch. Xuất khẩu dịch vụ hàng năm đã tăng nhanh kể từ 2003, do đồng đô la New Zealand cao và suy thoái kinh tế ở nhiều nền kinh tế tiên tiến trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu có tác động xấu đến lượng du khách từ các nguồn du lịch truyền thống ở Mỹ, Nhật Bản, Anh và Đức. Khách du lịch chủ yếu đến từ Australia và Trung Quốc ngày càng tăng. Tuy nhiên, du khách Australia ở lại New Zealand thời gian tương đối ngắn, chi phí trung bình thấp. Mặt khác, số lượng ngày càng tăng của du khách từ Trung Quốc tiếp tục củng cố nguồn thu từ du lịch. Từ cuối năm 2014, các ngành phục vụ cho du lịch tăng trưởng mạnh để đáp ứng với sự gia tăng nhanh số lượt khách, tăng gấp 3 lần và đầu tiên trong lịch sử ngành du lịch đã vượt qua ngành sữa trở thành ngành có doanh thu xuất khẩu lớn nhất (đạt \$ 12.9 tỷ chiếm 5,6% GDP, trực tiếp sử dụng 188.136 lao động, tức 7,5% tổng việc làm). Trong khi ngành sữa thu về \$ 12.3 tỷ trong cùng kỳ tính đến 9/2016.

Các ngành xuất khẩu dịch vụ khác bao gồm vận tải, viễn thông, giáo dục và các dịch vụ tài chính và kinh doanh. Trong khi, xuất khẩu dịch vụ thực tế trong năm tài chính tính tới tháng 6/2015 tăng 10,6% so với cùng kỳ, nhập khẩu các dịch vụ dự báo sẽ thu hẹp trong thời gian tới, chủ yếu là nhập khẩu các dịch vụ kinh doanh và chi tiêu ở nước ngoài của người New Zealand.



Cán cân Thương mại

Cán cân thương mại thâm hụt mạnh trong khủng hoảng kinh tế toàn cầu do giảm giá và giảm nhu cầu quốc tế dẫn đến sự sụt giảm lớn trong giá xuất khẩu so với giá nhập khẩu. Khi kinh tế toàn cầu bắt đầu phục hồi, cán cân thương mại của New Zealand bắt đầu hồi phục trở lại, đạt mức cao mới vào năm 2011 và tăng mạnh trở lại từ năm 2013, tăng 20% do nhu cầu tăng mạnh từ Trung Quốc và cung sữa toàn cầu giảm khiến giá xuất khẩu sữa đạt đỉnh cao mọi thời kỳ. Cán cân thương mại tiếp tục tăng trong năm 2014, lên mức cao nhất trong vòng 40 năm, bù đắp sự sụt giảm của giá nhập khẩu dầu thô và có thặng dư thương mại 2 tỷ \$ năm 2015, 3,8 tỷ \$ trong năm tài chính kết thúc 6/2016.

2.5. Cơ cấu xuất nhập khẩu

Ngành nông nghiệp có năng suất và hiệu quả cao, tăng đều giá trị gia tăng trong xuất khẩu nông nghiệp. Thịt và các sản phẩm sữa là những nông sản xuất khẩu quan trọng nhất chiếm 40% giá trị xuất khẩu hàng hóa 2015.

Các ngành công nghiệp chế biến là nguồn chính góp phần tăng trưởng xuất khẩu và đa dạng hóa trong hai thập kỷ qua. Hiệp định Quan hệ kinh tế thân thiện với Australia (CER) đã góp phần mở rộng thành công của các nhà sản xuất vào thị trường này. Tập trung vào thiết kế, độ tin cậy và chi phí đã tạo điều kiện cho nhà sản xuất xâm nhập vào các thị trường khác, đặc biệt là châu Á và Hoa Kỳ. Mặc dù vị trí địa lý của New Zealand khá cách biệt, hiện tại New Zealand xuất khẩu một loạt các mặt hàng chế tạo như nhựa, thảm và dệt may, rượu vang và thiết bị máy tính công nghệ cao tới các nước trên toàn thế giới.

Bảng 1: Mặt hàng xuất khẩu chính

Năm tài khóa (kết thúc 30/11) Đơn vị: triệu đô NZ	2011	2012	2013	2014	2015	2015 %
Sản phẩm từ sữa	11.900	11.423	13.403	14.509	11.523	23,5
Thịt và phụ phẩm ăn được	5.528	5.165	5.276	5.929	6.825	13,9
Gỗ và sản phẩm	3.194	3.161	3.857	3.662	3.514	7,2
Trái cây và hạt	1.588	1.561	1.479	1.769	2.302	4,7
Cá, giáp xác và động vật thân mềm	1.343	1.361	1.313	1.362	1.435	2,9
Máy móc và thiết bị cơ khí	1.478	1.403	1.245	1.314	1.366	2,8
Casein và muối casein	775	877	947	1.079	1.161	2,4
Nhôm và sản phẩm	1.238	1.037	969	1.000	1.031	2,1
Nhiên liệu khoáng	2.519	2.187	1.724	1.558	891	1,8





Máy móc và thiết bị điện	969	961	913	773	869	1,8
Len	795	717	705	752	814	1,7
Bột gỗ	677	588	620	671	735	1,5
Đá quý, kim loại và đồ trang sức	884	789	802	669	731	1,5
Sắt, thép và sản phẩm	992	899	855	721	637	1,3
Da sống, da và sản phẩm từ da	557	565	596	549	513	1
Vật liệu nhựa và sản phẩm	458	441	449	458	466	1
Giấy và sản phẩm giấy	592	515	474	431	464	0,9
Rau	460	402	406	392	406	0,8
Các loại hàng hóa khác	9.958	10.303	10.306	10.657	11.126	22,7
Tổng sản phẩm NZ sản xuất	45.905	44.356	46.340	48.256	46.808	95,6
Tái xuất	1.796	1.708	1.703	1.818	2.173	4,4
Tổng xuất khẩu hàng hóa (FOB)	47.702	46.064	48.044	50.075	48.980	100,0

Nguồn: Cục Thống kê NZ

Mức độ phơi nhiễm cao với cạnh tranh từ các nền kinh tế mới nổi châu Á trong thập kỷ qua đã khiến các nhà sản xuất New Zealand ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm chuyên ngành, nơi mà danh tiếng về chất lượng và sự an toàn cho phép New Zealand có sự cạnh tranh với đối thủ nước ngoài.

Bảng 2: Mặt hàng nhập khẩu chính

Năm tài khóa (kết thúc 30/11) Đơn vị: triệu USD	2011	2012	2013	2014	2015	2015 %
Máy móc và thiết bị cơ khí	5.414	5.795	5.806	6.133	6.717	13,5
Phụ tùng xe và phụ kiện	4.065	4.867	5.455	6.323	6.571	13,2
Nhiên liệu khoáng	7.812	8.091	7.884	7.417	4.888	9,8
Máy móc và thiết bị điện	3.879	3.735	3.687	3.717	4.249	8,5
Vật liệu nhựa và sản phẩm	1.548	1.629	1.695	1.834	1.955	3,9
Máy bay và các bộ phận	1.595	712	842	1.913	1.936	3,9
Thiết bị quang học, y tế và đo lường	1.316	1.332	1.389	1.416	1.569	3,1
Dược phẩm	1.087	1.104	1.074	1.099	1.213	2,4
Hàng dệt may	844	873	897	936	1.057	2,1
Sản phẩm sắt thép	724	763	783	844	913	1,8
Giấy và bìa các tông	962	834	846	819	881	1,8
Vải và sản phẩm dệt	675	662	675	684	799	1,6



Cao su và sản phẩm	574	574	563	568	589	1,2
Sản phẩm hóa chất khác	494	477	500	486	532	1,1
Đồ chơi, trò chơi và vật dụng thể thao	450	447	438	449	531	1,1
Sắt và thép	462	428	427	448	439	0,9
Hóa chất hữu cơ	381	434	418	362	403	0,8
Sách, báo và ấn phẩm	372	358	320	305	281	0,6
Tàu, thuyền và kết cấu nổi	91	105	322	357	211	0,4
Hóa chất vô cơ (trừ oxit nhôm)	217	219	206	192	192	0,4
Các sản phẩm khác	11.565	11.409	11.690	12.429	13.972	28,0
Tổng nhập khẩu hàng hóa giá trị đánh thuế (VFD)	44.529	44.848	45.916	48.731	49.899	100,0
Giá Chi phí, bảo hiểm và cước (CIF)	46.896	47.219	48.360	51.258	52.530	

Nguồn: Cục Thống kê NZ

2.6. Đối tác thương mại chính

Trung Quốc: Trung Quốc đã từng vượt qua Australia vào năm 2013 để trở thành đối tác thương mại lớn nhất của New Zealand, với thương mại hai chiều lên tới \$ 19,3 tỷ trong năm 2014. Hiệp định thương mại tự do giữa New Zealand và Trung Quốc có hiệu lực từ 2008 khi New Zealand là nước phát triển đầu tiên ký FTA với một nền kinh tế đang phát triển với Trung quốc. Trong 2015, kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 22% tổng xuất khẩu của New Zealand, với các mặt hàng chính là sữa bột, thịt, gỗ và một loạt các sản phẩm chính khác. Trung Quốc cung cấp 16,7% tổng nhập khẩu của New Zealand, với các loại chính là máy vi tính, thiết bị viễn thông, hàng gia dụng, hàng may mặc, giày dép và đồ chơi.

Nhu cầu của Trung Quốc đối với hàng New Zealand xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm sữa và gỗ đã tăng lên nhanh chóng trong thời gian gần đây và là nhân tố chính hỗ trợ giá hàng hóa và cán cân thương mại của New Zealand. Trung Quốc sẽ ngày càng trở nên quan trọng đối với New Zealand trong những năm tới. Mặc dù có sự sụt giảm trong tỷ lệ tăng trưởng của Trung Quốc, đất nước ngày càng công nghiệp hóa nhanh chóng và thu nhập ngày càng tăng sẽ có nghĩa là nhu cầu nhiều hơn đối với hàng hóa New Zealand sản xuất.

Australia: Australia luôn là đối tác thương mại lớn nhất của New Zealand. Trong 2014, thương mại hàng hóa hai chiều lên tới \$ 14,8 tỷ, 17,4% kim ngạch xuất khẩu của New Zealand với Australia và 12,3% nhập khẩu. Australia là điểm đến hàng đầu của New Zealand để đầu tư ở nước ngoài và nguồn lớn nhất của New Zealand đầu



tư nước ngoài. Vào 3/2014, New Zealand đầu tư vào Australia 51 tỷ \$, trong khi Australia có 115 tỷ \$ đầu tư ở New Zealand.

Thương mại với Australia phát triển mạnh theo khung khổ Hiệp định Quan hệ Kinh tế gần gũi (CER hay đầy đủ là ANZ CER TA). CER là một loạt các hiệp định và thỏa thuận điều chỉnh thương mại song phương và quan hệ kinh tế, xây dựng trên hiệp định Australia - New Zealand Closer Economic Relations - Quan hệ Kinh tế Gần gũi có hiệu lực vào ngày 01/1/1983. Thương mại tự do đầy đủ hàng hóa kể từ 1/7/1990, 5 năm trước thời hạn của hiệp định. CER đã được mở rộng tự do thương mại gần như tất cả các ngành dịch vụ từ ngày 01/1/1989. CER tạo ra một thị trường hơn 28 triệu người. CER làm tăng quy mô và hiệu quả của thị trường nội địa của New Zealand gấp hơn sáu lần và cung cấp cho Australia bằng một thị trường tương đương quy mô kinh tế của bang Queensland. CER ban đầu đã được mở rộng và bổ sung trên các khía cạnh phát triển. Các thỏa thuận quan trọng khác của CER gồm công nhận lẫn nhau về hàng hóa và nghề nghiệp, thị trường lao động tự do và các cơ quan doanh trong lĩnh vực pháp lý nhất định.

Xây dựng trên CER, New Zealand và Australia cam kết mục tiêu lâu dài trong việc thiết lập một Thị trường Kinh tế Đơn nhất Xuyên Tasman (SEM- Single Economic Market) bằng cách dỡ bỏ những rào cản "sau biên giới" đối với các dòng hàng hóa, dịch vụ, vốn và lao động thông qua các sáng kiến hợp tác. Hợp tác về Luật doanh nghiệp giữa Australia và New Zealand diễn ra trong khuôn khổ Biên bản ghi nhớ. Cả hai bên có quy chế phối hợp và giám sát ngân hàng thông qua Hội đồng Giám sát Ngân hàng Xuyên-Tasman.

Xuất khẩu chính của New Zealand đến Australia bao gồm dầu thô nhẹ, vàng, rượu vang, pho mát và gỗ, cũng như một loạt các mặt hàng sản xuất, trong khi nhập khẩu chính từ Australia gồm các loại dầu nặng, dầu mỡ, xe có động cơ và oxit nhôm, cũng như một loạt hàng công nghiệp và tiêu dùng.

Hoa Kỳ: Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ ba của New Zealand với thương mại song phương lên tới 9,7 tỷ \$ trong năm 2014. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ chiếm 8,6% tổng xuất khẩu của New Zealand và Hoa Kỳ đã cung cấp 11,1% tổng nhập khẩu của New Zealand, các hạng mục chính là máy bay và phụ tùng, dụng cụ y tế và thú y, xe cơ giới và máy tính. Xuất khẩu chính của New Zealand đến Hoa Kỳ là thịt bò, casein, gỗ, thịt cừu, pho mát và quy mô ngày càng tăng hàng công nghiệp. Thương mại các sản phẩm sữa bị hạn chế lâu dài hạn bởi hạn ngạch của Hoa kỳ.

Nhật Bản: Nhật Bản là đối tác thương mại lớn thứ tư của New Zealand, với thương mại song phương lên tới 6,0 tỷ \$ trong năm 2014. Nhật Bản chiếm khoảng 5,7% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa. Xuất khẩu chính sang Nhật Bản gồm nhôm, gỗ, các sản phẩm từ sữa, cá, quả kiwi, thịt, rau và trái cây khác.



Nhật Bản cũng là nhà cung cấp lớn hàng nhập khẩu của New Zealand, cung cấp 6,4% tổng lượng nhập khẩu trong năm 2014. Nhập khẩu từ Nhật Bản được thống trị bởi xe có động cơ, sản phẩm dầu mỏ và một phạm vi rộng lớn của các thiết bị công nghệ cao.

Hàn Quốc: Hàn Quốc hiện là đối tác lớn thứ năm của New Zealand, gần đây đã vượt qua Anh, với thương mại song phương của 3,8 tỷ Đô la trong năm 2014. New Zealand và Hàn Quốc đã Ký hiệp định thương mại tự do về hàng hóa và dịch vụ trong tháng 3/2015.

Liên minh châu Âu: Mặc dù thương mại với các thành viên của Liên minh châu Âu giảm về giá trị, song xét theo khối, EU là đối tác thương mại lớn thứ ba của New Zealand (sau Australia và Trung Quốc) và là thị trường quan trọng cho xuất khẩu thịt cừu và rượu vang. Liên minh châu Âu chiếm khoảng 10% kim ngạch xuất khẩu (về giá trị) và khoảng 18,4% nhập khẩu. Thương mại hàng hóa song phương lên tới khoảng 13,9 tỷ \$ hay vào khoảng 14,0% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Dịch vụ, đặc biệt là du lịch cũng là một yếu tố quan trọng của thương mại EU -New Zealand.

Các nền kinh tế châu Á: Châu Á ngày càng trở nên quan trọng hơn đối với New Zealand bởi khu vực này là một trong những khu vực phát triển nhanh nhất. Châu Á đang cung cấp nhu cầu đáng kể cho hàng xuất khẩu của New Zealand, đặc biệt là các mặt hàng nông nghiệp. Thương mại với các nền kinh tế Đài Loan, Hồng Kông, Malaysia, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ và Philippines đang ngày càng quan trọng. Tất cả đều nằm trong top 20 thị trường xuất khẩu hàng đầu của New Zealand và chiếm tổng thể 13,4% kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

3. Quan hệ chính trị, ngoại giao, kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và New Zealand

3.1. Quan hệ chính trị và ngoại giao

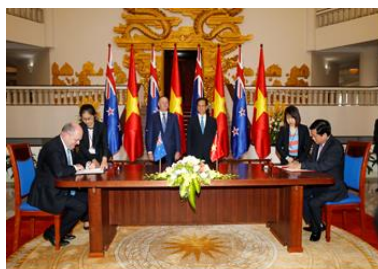
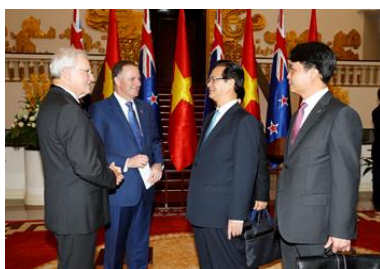
Việt Nam và New Zealand thiết lập quan hệ ngoại giao vào ngày 19/6/1975. Quan hệ hợp tác phát triển mạnh trong giai đoạn từ 1990 đến nay. Tháng 11/1995, New Zealand chính thức mở Đại sứ quán tại Hà Nội và Tổng Lãnh sự quán tại TP Hồ Chí Minh. Việt Nam mở Đại sứ quán tại Wellington vào tháng 5/2003; Văn phòng Thương vụ tại Auckland năm 2005.

Trên cơ sở quan hệ hữu nghị tốt đẹp, giai đoạn từ sau 1990 đến nay, hai bên thường xuyên trao đổi các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao: Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm New Zealand tháng 5/1993, Tổng Bí thư Đỗ Mười (7/1995), Thủ tướng Phan Văn Khải dự Hội nghị Cấp cao APEC (9/1999) và thăm chính thức (5/2005), Chủ tịch Quốc



hội Nguyễn Văn An (7/2004), Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (9/2007), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (9/2009), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng (3/2015); Lãnh đạo cấp cao New Zealand sang thăm Việt Nam gồm có: Thủ tướng James Bolger (11/1995), Thủ tướng Helen Clark (10/2003), Chủ tịch Quốc hội Jonathan Hunt (4/2000), Chủ tịch Quốc hội New Zealand (4/2009), Toàn Quyền New Zealand Jerry Mateparae (8/2013), Thủ tướng John Key thăm chính thức (7/2010 và 11/2015).

Hai nước thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện vào tháng 9 năm 2009 nhân chuyến thăm chính thức New Zealand của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, hai bên đã ký “Tuyên bố về Hợp tác giữa Việt Nam và New Zealand” tạo cơ sở cho việc đẩy mạnh quan hệ hai nước hướng tới một quan hệ đối tác toàn diện hơn. Bản Kế hoạch hành động thời kỳ 2009- 2012 và 2013-2016 cụ thể hóa các chương trình hành động theo từng giai đoạn.



Trong khuôn khổ Quan hệ Đối tác toàn diện, Việt Nam và New Zealand duy trì điều đặn các cơ chế hợp tác song phương như: Tham khảo chính trị cấp Thứ trưởng Ngoại giao, Ủy ban hỗn hợp về hợp tác Kinh tế thương mại (JTEC), Tham vấn Quốc phòng, Đối thoại kênh 2 thường niên. Lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí phát triển quan hệ hướng tới quan hệ Đối tác chiến lược nhân chuyến thăm New Zealand (3/2015) của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng và chuyến thăm Việt Nam (11/2015) của Thủ tướng John Key nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thiết lập quan hệ Ngoại giao giữa hai nước.

3.2. Quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển

Về hợp tác kinh tế, thương mại, công nghiệp và đầu tư, Hai nước đã thiết lập các thỏa thuận song phương sau:



i. Ủy ban hỗn hợp về hợp tác Kinh tế thương mại (JTEC) Việt Nam-New Zealand từ năm 2005, chủ tịch phân ban do Thứ trưởng Công thương hai bên đồng chủ trì đã họp được 5 phiên (phiên thứ 5 tổ chức tại New Zealand vào 11/2014).

ii. Thư trao đổi công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường đầy đủ (2009);

iii. Hiệp định Hàng không lần thứ nhất (2003) ký lại tháng 3/2015, New Zealand mở đường bay trực tiếp Auckland- TP HCM vào 6/2016 và sẽ mở lại đợt 2 từ 6/2017.

iv. Hiệp định khung về hợp tác giáo dục (2004), Hiệp định Hợp tác Giáo dục giai đoạn 2012 – 2015 (tháng 08/2015), Kế hoạch Hợp tác Chiến lược về giáo dục 2015-2017 (11/2015)..

v. Biên bản ghi nhớ trên các lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường (2010)

vi. Thỏa thuận Hợp tác Chương trình Lao động Kỳ nghỉ Việt Nam – New Zealand (12/2011).

Vii. Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (2013), và nhiều thỏa thuận khác.

Về thương mại, Cơ quan Thương vụ Việt Nam tại New Zealand thành lập năm 2005, sau đó chuyển về Wellington từ 2007. Theo Luật Cơ quan Đại diện (CQDD), Thương vụ trở thành bộ phận của CQDD VN tại New Zealand từ 1/2011 tới nay.

Ngày 28/2/2009, Bộ trưởng Công Thương Việt Nam và Bộ trưởng Ngoại Thương New Zealand chính thức ký thư trao đổi công nhận quy chế kinh tế thị trường cho Việt Nam và ký thỏa thuận New Zealand tiếp nhận hàng năm 200 lao động Việt Nam và ngược lại.

Kim ngạch thương mại hàng hóa hai chiều tăng đều đặn từ 15- 20% trong vòng 10 năm qua, tức tăng 4 lần từ 250 tr. NZD năm 2005 lên mức 1,036 tỷ NZ\$ năm 2015 (tương đương 820 triệu US\$). New Zealand hiện là đối tác thương mại lớn thứ 31 của Việt Nam và Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ 16 của New Zealand (tăng 3 bậc so với năm 2015). Lãnh đạo cấp cao hai nước nhất trí đề ra mục tiêu tăng gấp đôi kim ngạch thương mại hai chiều về hàng hóa và dịch vụ giữa hai nước lên mức (2,2 tỷ NZ\$) 1,7 tỷ USD vào năm 2020; Trong các nước ASEAN, Việt Nam là quốc gia đạt tốc độ phát triển thương mại nhanh nhất với New Zealand trong vòng 5 năm qua.

Về đầu tư, tính đến năm 2015, New Zealand có 26 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng số vốn đăng ký là 95,97 triệu USD, đứng thứ 45/110 quốc gia và



vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Các dự án đầu tư của New Zealand tập trung trong các lĩnh vực như chế biến gỗ, thăm dò khai thác chế biến quặng nikel, sản xuất đồ uống, sản xuất chế biến sữa, sản xuất bê tông, tấm lợp mạ màu, sản xuất hàng mây tre xuất khẩu, xây dựng, kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn... Các dự án phần lớn có vốn đăng ký bình quân khoảng 4,5 triệu USD/dự án. Về địa bàn, đầu tư của New Zealand tại 6 tỉnh, thành phố trên cả nước, tập trung tại Sơn La, Bình Định, Bình Dương và TP.HCM. Việt Nam hiện có 02 dự án liên doanh đầu tư tại New Zealand (Công ty Sữa Vinamilk liên doanh với Mikara Ltd. và 01 dự án tư nhân đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ);

Về viện trợ phát triển, New Zealand chính thức cung cấp viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam từ năm 1995. ODA của New Zealand dành cho Việt Nam ổn định và tăng dần theo từng năm, từ 3,2 triệu NZ\$ năm tài chính 2003-2004 lên 10,5 triệu NZ\$ trong năm tài chính 2012-2013 và tiếp tục được duy trì cho tới nay. ODA từ New Zealand tập trung vào các lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực, giáo dục đào tạo, phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển bền vững và quản lý rủi ro thiên tai, y tế và quản lý nhà nước. Các địa phương của Việt Nam thụ hưởng chính bao gồm: Cao Bằng, Hà Nam, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Định, Bến Tre, Vĩnh Long, Quảng Trị, Gia Lai, Tiền Giang.

3.3. Các lĩnh vực hợp tác khác

- *An ninh-Quốc phòng*: Hai bên duy trì trao đổi đoàn và thông tin tội phạm trong khuôn khổ thỏa thuận giữa Cảnh sát New Zealand và Bộ Công An (ký năm 2010) về hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và tổ chức Nhóm công tác hỗn hợp song phương hai năm/lần nhằm đánh giá kết quả thực hiện Bản ghi nhớ. Ngoài ra, hai nước cũng hợp tác chặt chẽ trong khuôn khổ Interpol cũng như Tuyên bố chung ASEAN-New Zealand về hợp tác chống khủng bố quốc tế; Trong lĩnh vực Quốc phòng, hai bên tiếp tục duy trì cơ chế Đối thoại Quốc phòng song phương thường niên và tổ chức thành công Phiên họp đầu tiên của Cơ chế Đối thoại Chiến lược cấp Thứ trưởng Quốc phòng không định kỳ vào tháng 11/2015. New Zealand hỗ trợ Việt Nam tổ chức nhiều khóa tập huấn trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

- *Giáo dục đào tạo*: Giáo dục đào tạo được coi là một điểm sáng trong quan hệ giữa hai nước. Hiện có khoảng 2.000 học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh Việt Nam đang học tại New Zealand. Việt Nam là quốc gia có số lượng sinh viên đang theo học tại các trường đại học New Zealand nhiều thứ 2 trong khối ASEAN. Bộ Giáo dục Đào tạo hai nước ký Thỏa thuận khung hợp tác về Giáo dục đào tạo (5/2004) nhằm thúc đẩy hợp tác về giáo dục, đào tạo giữa hai nước. Hai nước đã ký Thỏa thuận Hợp tác



về Giáo dục Đào tạo giai đoạn 2015-2018 (8/2015), Kế hoạch hợp tác chiến lược về giáo dục 2015-2017 (11/2015). New Zealand tiếp tục cấp học bổng cho sinh viên và nghiên cứu sinh Việt Nam theo học các chuyên ngành khác nhau tại các Trường Đại học của New Zealand và duy trì chương trình đào tạo tiếng Anh cho cán bộ (ELTO) và quan chức cấp cao (ELTSO) của Việt Nam. Lãnh đạo hai nước đặt mục tiêu gia tăng thêm 30% số lượng sinh viên theo học mỗi năm tại các trường Đại học ở New Zealand trong thời gian tới. Hiện có bốn trường đại học New Zealand đang có chương trình hợp tác giáo dục tại Việt Nam. Sắp tới, New Zealand sẽ mở rộng mô hình giáo dục hai năm tại Việt Nam, hai năm tại New Zealand để giảm chi phí du học cho sinh viên Việt Nam.

- *Nông nghiệp*: Việt Nam và New Zealand đều mong muốn tăng cường hợp tác cùng có lợi trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm thúc đẩy kết nối thương mại, tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận kỹ năng, công nghệ và kinh nghiệm tiếp thị nhằm nâng cao chất lượng hàng nông sản Việt Nam. Thương mại hàng nông sản là một phần quan trọng trong giao thương giữa Việt Nam và New Zealand. New Zealand xuất khẩu sang Việt Nam chủ yếu là các mặt hàng sữa (52%), và sản phẩm gỗ (11%). Các mặt hàng thực phẩm và đồ uống bao gồm các loại quả hạch, tôm, cá và cà phê là các sản phẩm chủ yếu mà Việt Nam xuất sang New Zealand. Hai bên đồng ý ưu tiên xem xét các yêu cầu tiếp cận thị trường đối với 3 loại khoai tây của New Zealand và đối với các tra (basa), chôm chôm, bưởi, vú sữa, nhãn của Việt Nam. Hiện trái xoài và thanh long là hai loại quả tươi của Việt Nam đã được phép vào thị trường New Zealand. Thông qua chương trình Viện trợ, New Zealand đã giúp ngành nông nghiệp Việt Nam với các dự án tập trung vào phát triển chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi nhằm mang lại lợi ích cho nông dân, xây dựng năng lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. New Zealand cũng rất tích cực giúp Việt Nam phòng chống cúm gia cầm thông qua việc hỗ trợ kinh phí trong “Chương trình hành động Quốc gia phòng chống cúm gia cầm và cúm ở người” và dự án “Hỗ trợ hệ thống giám sát cúm gia cầm tại Việt Nam”.

- *Hàng không-du lịch*: Hiệp định vận tải Hàng không giữa hai nước được ký kết tháng 10/2003, có hiệu lực vào tháng 7/2004 và đã được sửa đổi gần đây nhất vào tháng 3/2015. New Zealand sẽ mở rộng chương trình đào tạo phi công cho Việt Nam thông qua thỏa thuận hợp tác giữa Học viện Hàng không Quốc tế New Zealand (IAANZ) và trường dạy bay Eagle Flight với Trung tâm đào tạo Bay Việt (VFT) - trung tâm đào





tạo bay đầu tiên tại Việt Nam. Tháng 6/2016, Hãng không New Zealand thực hiện đường bay thẳng từ Auckland đến TP. Hồ Chí Minh với tần suất ba chuyến/tuần đã mở ra nhiều cơ hội hợp tác, giao lưu giữa hai quốc gia, trong đó đáng chú ý là việc gia tăng lượng khách du lịch cũng như cộng đồng doanh nhân và nhà đầu tư New Zealand đến Việt Nam nhiều hơn.

3.4. Hợp tác khu vực và đa phương.

Việt Nam và New Zealand đều là thành viên của các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế quan trọng như Liên Hợp quốc (LHQ), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác Kinh tế CẢ-TBD (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á-Âu (ASEM), các cơ chế của Hiệp Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)...Hai bên khẳng định cam kết đối với các diễn đàn khu vực như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Cuộc gặp Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN+ (ADMM+), Cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn Biển ASEAN mở rộng (EAMF), thừa nhận tầm quan trọng của những diễn đàn này trong việc th Australia đẩy và duy trì thịnh vượng chung cũng như giải quyết thách thức an ninh khu vực. Đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc các bên duy trì hòa bình và ổn định ở khu vực, và bảo đảm an ninh, an toàn và tự do hàng hải ở Biển Đông, tuân thủ luật pháp quốc tế, bao gồm Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982. Ủng hộ các ứng cử viên của nhau trong khuôn khổ LHQ. Nhất trí tiếp tục tham vấn và hợp tác chặt chẽ trong những vấn đề quốc tế quan trọng như thương mại đa phương, hòa bình và an ninh toàn cầu, nhân quyền và môi trường.



Trong khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực và đa phương, ngoài WTO và APEC, New Zealand cùng với Australia và ASEAN, ký HĐ Tự do Thương mại ASEAN- Australia- New Zealand (AANZ FTA) từ năm 2010 đã kỷ niệm 5 năm thực thi hiệp định trong 2015; New Zealand là sáng lập khối P4 nay là TPP cùng với Việt Nam và 10 nước khác

Ký kết Hiệp định tháng 2/2016 tại Auckland; ASEAN FTA+ (Regional comprehensive economic partnership – RCEP) đang trong quá trình đàm phán đã qua 16 phiên, phiên 14 tại TP HCM 8/2016.

Về Hiệp định AANZFTA, cuốn hướng dẫn Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN- Australia-New Zealand, phần dành cho cộng đồng kinh doanh ASEAN được thực hiện riêng biệt với nỗ lực của Ban Thư ký ASEAN, các nước thành viên ASEAN cùng hai nước Australia và New Zealand. Chúng tôi cho rằng bản Hướng dẫn là chi tiết và để tránh song trùng với cuốn sách hướng dẫn này, độc giả có thể tham khảo tài liệu song ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt [tại đây](#), trong đó, phần Quy tắc xuất xứ trong hiệp định có thể tham khảo [tại đây](#).





New Zealand Trade Centre (NZTC) hoạt động trong lĩnh vực thương mại hàng hóa và dịch vụ cao cấp từ năm 1993. NZTC là địa chỉ đáng tin cậy cung cấp giải pháp trong các vấn đề thương mại từ yêu cầu về nhãn hiệu, logistic, thông quan, cho đến tư vấn thị trường.

New Zealand Trade Centre với đội ngũ chuyên gia tư vấn những giải pháp tốt nhất giúp các doanh nghiệp trong và ngoài nước có thể giảm thiểu được rủi ro trong thương mại như chất lượng hàng hóa, logistics, quan hệ cung ứng và đặc biệt là văn hóa kinh doanh.

Trong thời gian vừa qua, công ty New Zealand Trade Centre đã hoàn thành những hoạt động như:

- Hỗ trợ khách hàng quốc tế trong việc xuất khẩu các mặt hàng New Zealand như: sữa bột, thực phẩm chức năng, bia, rượu, hải sản, thịt, mật ong, hóa chất sinh học, hoa quả và nước hoa quả...
- Làm việc với các đối tác quốc tế tìm kiếm cơ hội M&A tại New Zealand.
- Hỗ trợ khách hàng đảm bảo thanh toán L/C và các giải pháp tài chính, bảo hiểm.
- Hỗ trợ thiết kế, đóng gói, phát triển sản phẩm Made in New Zealand.
- Tư vấn thị trường, quản lý mô hình kinh doanh, đăng ký sản phẩm và giúp khách hàng thương thảo hợp đồng với các doanh nghiệp New Zealand.

Mọi thông tin xin liên hệ:

Trụ sở: 38 Alber Street, Auckland CBD, New Zealand 1010

Điện thoại: +64-9929-1180

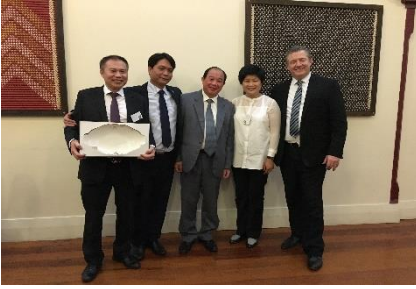
Fax: +64 9 369 5730

Email: info@newzealandtradecentre.com

Website: <http://newzealandtradecentre.com/>



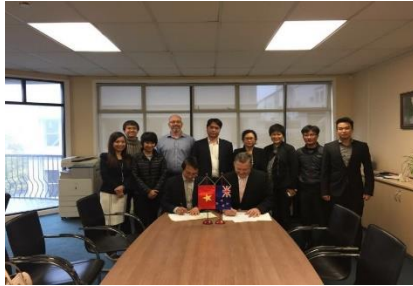
Các Hoạt Động Của NZTC Với Việt Nam:



Lãnh đạo NZTC chào mừng Thứ Trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Cẩm Tú tại lễ ra mắt Ban liên lạc doanh nhân Việt Nam - Auckland (6/2016)



Đại sứ Nguyễn Việt Dũng phát biểu tại trụ sở NZTC nhân chuyến khảo sát thị trường do VCCI tổ chức cùng 16 doanh nghiệp (4/2016)



Ký kết MOU hợp tác giữa NZTC và HAPRO Thương vụ Việt Nam tại New Zealand (5/2016)



Đoàn công tác Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội Bán lẻ Việt nam và Lãnh đạo Saigon Coop tới thăm NZTC tại Auckland.



Đại sứ Nguyễn Việt Dũng và Tham tán thương mại Nguyễn Kim Phượng cùng các doanh nghiệp Việt Nam thăm cơ sở cung cấp hoa quả thành viên của NZTC, tháng 4/2016.



Gian hàng NZTC tham gia triển lãm FOOD EXPO, Thành phố Hồ Chí Minh (11/2016)

3.5. Cộng đồng người Việt Nam tại New Zealand

Cộng đồng người Việt Nam sống ở New Zealand hiện có trên 6.600 người định cư và khoảng 2.000 sinh viên và nghiên cứu sinh. Người Việt chủ yếu sinh sống ở các thành phố lớn như Auckland, Wellington và Christchurch. Học sinh và sinh viên tập trung tại các thành phố lớn nói trên và các trung tâm giáo dục, đào tạo như: Hamilton, Dunedin và Palmerston North...

Ban liên lạc Hội Doanh nhân Việt Kiều ra mắt ngày 23/6/2016 tại thành phố Auckland dưới sự hỗ trợ của ĐSQ Việt Nam tại New Zealand. Thành phần của Ban liên lạc gồm 5 người là đại diện từ các vùng Auckland, Waikato và Wellington và tại khu vực chính ở Auckland gồm Otahuhu và North Shore. Ban Liên lạc Doanh nhân Việt kiều ban đầu sẽ kết nối các thành viên để xây dựng một danh sách đầy đủ các doanh nhân Việt kinh doanh trên các lĩnh vực khác nhau và đồng thời hướng tới các hoạt động kết nối cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ trong việc tìm hiểu các quy định về luật pháp cho tới cơ hội kinh doanh ngay tại địa bàn cũng như với trong nước và quốc tế.

4. Môi trường kinh doanh an toàn, ổn định và bền vững

Tổng quan

New Zealand được xếp hạng quốc gia hàng đầu thế giới về môi trường kinh doanh thuận lợi – nâng thêm một bậc so với năm ngoái, từ bậc thứ ba trong xếp hạng năm 2014. Điều đó càng cho thấy rằng New Zealand là một nơi tuyệt vời cho các doanh nghiệp đầu tư và phát triển", ông Bộ trưởng Cải cách Thể chế Steven Joyce phát biểu sau khi Ngân hàng Thế giới công bố Báo cáo Môi trường Kinh doanh 2017 công bố hôm 25/10 vừa qua— báo cáo nghiên cứu hàng năm đo lường quy định của chính phủ, hiệu quả của kinh doanh trên 190 nền kinh tế. Cũng theo báo cáo trên, New Zealand xếp hạng nhất ở năm trên mười tiêu chí xếp loại: khởi sự doanh nghiệp, giải quyết giấy phép xây dựng, đăng ký tài sản, nhận tín dụng và bảo vệ các nhà đầu tư nhỏ.

Ngân hàng Thế giới cho biết thực tế trong việc khởi sự bất kỳ DN nào Trung bình trên thế giới, bắt đầu một doanh nghiệp có bảy thủ tục, 25 ngày và chi phí bằng 32% thu nhập bình quân đầu người. Nhưng tại New Zealand, chỉ cần một thủ tục, một nửa ngày và gần như không mất phí đăng ký kinh doanh. Việc bắt đầu một doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến và không nộp vốn góp tối thiểu.

Các quy định về môi trường kinh doanh được chia làm các nhóm chính: Quy định về cư trú, Đầu tư vào NZ, Thành lập Doanh nghiệp, Các quy định về kinh doanh, Các quy định



liên quan tới dịch vụ tài chính, tài sản và đất đai, và các quy định tác động tới hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp.

4.1. Cư trú tại New Zealand

Chỉ có luật sư và cố vấn về di trú có giấy phép mới là đối tượng tư vấn hợp pháp về nhập cư vào New Zealand. New Zealand có chính sách nhập cư mở hợp lý, đặc biệt đối với người nhập cư có tay nghề cao và cho các doanh nghiệp với các nguồn lực và vốn để đóng góp cho nền kinh tế bằng cách lập doanh nghiệp ở New Zealand.

Thị thực

Bạn cần có thị thực làm việc tại New Zealand, trừ khi bạn đang giữ thị thực ngắn hạn cho các cuộc gặp kinh doanh. Các loại thị thực gồm:

- Visa làm việc (tạm thời)
- Visa làm việc cho người cư trú (Residence)
- Visa học và làm việc
- Visa tham quan (kinh doanh hay du lịch)
- Visa tay nghề cao (Silver Fern)
- Visa làm việc của Doanh nhân (Kinh doanh)
- Visa cư trú (Residence)
- Visa lao động kỳ nghỉ
- Visa sinh viên

Đương đơn xin visa phải có lý lịch tư pháp tốt, có sức khỏe và có hộ chiếu hợp lệ còn hạn ít nhất là ba tháng kể từ ngày dự định khởi hành.

Cư dân New Zealand (Residence)

Những cách thức chính để cư trú tại New Zealand là phải thuộc các loại sau:

- Người nhập cư có kỹ năng
- Làm việc và trở thành cư dân



- Nhà đầu tư
- Doanh nhân, và
- Gia đình.

Công dân New Zealand (Citizenship)

Để đủ điều kiện trở thành công dân, người nộp đơn phải thường trú ít nhất là 5 năm, được miễn các trách nhiệm hình sự và phải có mặt tại New Zealand ít nhất là: (i) 1.350 ngày trong suốt 5 năm liền trước khi nộp đơn, và (ii) 240 ngày mỗi năm, trong vòng 5 năm.

4.2. Đầu tư nước ngoài (ĐTNN)

- *New Zealand mở cửa đầu tư nước ngoài và coi đó là nguồn đóng góp tích cực vào kinh tế và xã hội vì lợi ích cho người New Zealand.*
- *New Zealand được đánh giá cao là điểm hấp dẫn ĐTNN với các lợi thế thuận lợi trong kinh doanh, mức độ tham nhũng thấp, luật DTNN tương thích với các quy định của pháp luật, quy chế chất lượng cao, có sự bảo vệ nhà đầu tư và tự do cá nhân.*
- *New Zealand quy định nhà đầu tư phải xin phép đối với một số đầu tư nhất định.*

Chính sách đầu tư nước ngoài

Quy chế quản lý đầu tư nước ngoài của New Zealand được tự do theo tiêu chuẩn quốc tế. Quy định về đầu tư nước ngoài được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư nước ngoài 2005 (the Overseas Investment Act 2005) và Quy chế đầu tư nước ngoài 2005. New Zealand chỉ hạn chế đầu tư nước ngoài ở một vài lĩnh vực đặc biệt quan trọng. Các yếu tố thuận lợi khác là: (i) không hạn chế về vốn đầu tư vào hay ra; (ii) không có thuế vốn đầu tư; (iii) miễn thuế đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển; (iv) khuyến khích thuế đối với một số đầu tư cụ thể như các khai thác dầu và điện ảnh; và (v) ưu đãi đối với một số trường hợp tạo ra lợi ích kinh tế thực.

New Zealand không phân biệt giữa nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo luật chung giống như nhà đầu tư trong nước. Luật pháp về đầu tư đều tương thích với cả hệ thống luật chung như các Luật Công ty năm 1993, Luật Hợp tác 1908 (quan hệ đối tác), Luật Công ty TNHH 2008 (điều chỉnh



quan hệ đối tác), Luật Thương mại 1986 (điều chỉnh cạnh tranh hoặc luật chống độc quyền) và Luật Ngân hàng Dự trữ 1989 (điều tiết ngân hàng ảnh hưởng ở nước ngoài và các nhà đầu tư New Zealand không phân biệt).

Luật Đầu tư nước ngoài 2005 quy định điều kiện như đầu tư vào tài sản phải kiểm tra khi chúng được coi là nhạy cảm. Ba loại tài sản hiện được xác định là nhạy cảm gồm: (i) mua lại quyền sở hữu trên 25% đối với tài sản trị giá trên 100 triệu \$; (ii) hạn ngạch đánh bắt cá, và (iii) đầu tư vào đất nhạy cảm (quy định tại Phụ lục 1 của Luật).

Để đầu tư vào các tài sản kinh doanh quan trọng, các nhà đầu tư phải trải qua quá trình đánh giá về đặc trưng, sự nhạy bén trong kinh doanh và mức độ cam kết tài chính. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua đất nhạy cảm phải hoặc có ý định định cư ở New Zealand hoặc chứng minh rằng việc đầu tư sẽ tạo lợi ích cho New Zealand. Các tiêu chí để đánh giá lợi ích này được đặt ra trong Luật và Quy chế đầu tư nước ngoài 2005. Đầu tư vào hạn ngạch đánh bắt cá phải được chứng minh là có lợi ích quốc gia.

Quản lý ngoại hối - Không có hạn chế chuyển vốn vào hoặc ra khỏi New Zealand cũng như việc chuyển lợi nhuận, cổ tức, tiền bản quyền hoặc lợi ích vào hoặc ra khỏi New Zealand. Không có các biện pháp thực thi áp dụng phân biệt đối với các doanh nghiệp nước ngoài.

Ưu đãi đầu tư - New Zealand không ưu đãi đầu tư cho các dự án đã được phê duyệt hoặc theo khu vực địa lý cụ thể. Không có khu vực kinh tế hay thương mại tự do trong nước khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Luật Đầu tư nước ngoài được thực hiện bởi Cục Đầu tư nước ngoài (OIO) - một cơ quan chuyên môn quản lý đất đai trực thuộc Land Information New Zealand. Thông tin thêm về chế độ sàng lọc đầu tư nước ngoài có sẵn trên trang của Văn phòng Đầu tư nước ngoài [tại đây](#).

Luồng vốn đầu tư nước ngoài

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài gần đây phản ánh những thay đổi nhỏ trong đầu tư cá nhân theo thời gian. Về cơ cấu, cổ phiếu đầu tư trực tiếp nước ngoài tại New Zealand ở mức \$ 97,4 tỷ vào năm 2015. Australia và Hoa Kỳ là hai nước lớn nhất vào tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, với trị giá đầu tư tương ứng 55,5 tỷ \$ và 8,2 tỷ \$. Vương quốc Anh với 8,0 tỷ \$, trong khi Singapore, Nhật Bản và Hà Lan theo sát phía sau ở mức 4.0 tỷ \$, 3.6 tỷ \$ và 2,8 tỷ \$ tương ứng. Ngược lại, cổ phiếu đầu



tư trực tiếp ra nước ngoài là 23,2 \$ tỷ \$ (2014), với hơn một nửa đầu tư ở Australia (12,4 tỷ \$).

Những trường hợp phải có giấy phép: Cục ĐTNN cấp phép trong các trường hợp:

- Tài sản doanh nghiệp quan trọng- khi giá trị mua lại DN trên 100 triệu NZ\$ (cao hơn mức quy định nhà đầu tư phi chính phủ tại Australia).
- Đối với đất nhạy cảm (quy định chi tiết và đòi hỏi có sự kiểm tra và phân tích kỹ lưỡng từ các chuyên gia cấp cao), và
- Hạn ngạch khai thác cá hàng năm

Ngoài ra, dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện bổ sung dưới đây:

<i>Đất nhạy cảm</i>	<i>Nhà ĐTNN có nhu cầu mua đất nhạy cảm phải được chính Bộ trưởng cấp phép và phải chứng minh rằng việc mua đất sẽ mang lại lợi ích gia cao hơn so với khi người NZ sở hữu hoặc người mua lại khác tại New Zealand.</i>
<i>Đất đặc biệt nhạy cảm</i>	<i>Đất đặc biệt gồm bãi biển, đáy biển, lòng sông hoặc lòng hồ. Chính phủ quy định danh mục đất nhạy cảm đặc biệt. Việc chuyển giao đất đặc biệt tính tới các điều kiện khắt khe hơn và đất nhạy cảm buộc phải được CP xem xét các lợi ích công trước khi bán cho người nước ngoài.</i>
<i>Đất trang trại</i>	<i>Đất trang trại (là đất được sử dụng độc quyền hoặc chủ yếu dùng cho mục đích nông nghiệp, làm vườn hoặc mùa vụ, hoặc nuôi ong, gia cầm hoặc gia súc), phải là đất nông nghiệp đã được cấp cho người New Zealand trên thị trường mở trước khi bán cho người NN. Việc miễn trừ điều kiện trên chỉ trong những trường hợp đặc biệt và được sự cấp phép của Bộ trưởng có liên quan.</i>
<i>Cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng</i>	<i>Các dự án liên quan tới cơ sở hạ tầng chiến lược quan trọng trên đất nhạy cảm phải có sự xem xét kỹ lưỡng và giám sát liên tục</i>

Về quy trình cấp phép ĐTNN, đơn xin phép phải được đánh giá theo các tiêu chí đầu tư quy định trong Luật và Quy chế. Người nộp đơn nếu không phải là một cá nhân, thì người được ủy quyền nộp đơn phải: (i) có nhân cách tốt, (ii) có kinh nghiệm kinh doanh và (iii) có thể chứng minh cam kết tài chính để đầu tư.





Về đối tượng phải có giấy phép và đăng ký kinh doanh, công ty nước ngoài và công ty 'lớn' có từ 25% sở hữu của nước ngoài trở lên thì phải đăng ký và nộp báo cáo kiểm toán lên Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp. Những báo cáo kiểm toán này là hồ sơ được công bố.

Cơ quan Xúc tiến Đầu tư quốc gia của New Zealand (Investment New Zealand), một bộ phận thuộc Cục Phát triển Thương mại và Doanh nghiệp New Zealand (NZTE) có vai trò hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài trong việc xác định đúng vị trí đầu tư; thiết lập các hoạt động kinh doanh bảo vệ môi trường và đầu tư cùng với các doanh nghiệp New Zealand kinh doanh phạm vi toàn cầu tức là hoạt động ở các lĩnh vực kinh tế chiến lược đảm bảo nhà đầu tư có lợi trong quá trình vươn ra thị trường toàn cầu với những hoạt động sáng tạo và sản phẩm mang kỹ năng quản lý, trình độ công nghệ và vốn để có thể thâm nhập vào các kênh phân phối. Có thể tham khảo các dịch vụ hỗ trợ đầu tư của Cục này [tại đây](#).

Tháng 10 năm 2015, Chính phủ đưa ra một chiến lược thu hút đầu tư với mục đích để thu hút chất lượng cao đầu tư quốc tế vào New Zealand để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Nhóm đặc trách thực thi chiến lược thu hút đầu tư đã đưa ra [báo cáo](#) gồm 03 mục tiêu tập trung vào thu hút đầu tư nước ngoài FDI chất lượng cao, thu hút các tập đoàn đa quốc gia đầu tư vào Nghiên cứu và Phát triển (R&D) và thu hút các nhà đầu tư và doanh nghiệp nhập cư vào New Zealand để đầu tư.

4.3. Thành lập doanh nghiệp

- *Người nước ngoài có quyền sở hữu tài sản và tiến hành hoạt động kinh doanh tại New Zealand*
- *Tương đối dễ dàng và không có hạn chế trong việc lập công ty tại New Zealand*
- *Thực thể nước ngoài cần có Mã số thuế (NZBN) và căn cứ trên quy mô kinh doanh phải đăng ký mã số Thuế GST (tương tự thuế VAT).*
- *Công ty và đối tác NN dự định tiến hành kinh doanh trực tiếp tại New Zealand phải đăng ký KD với Cơ quan QL Đăng ký DN (*)*

() Việc cấp đăng ký kinh doanh thuộc phạm vi của New Zealand Companies Office, công chúng có thể tra cứu những thông tin liên quan tới giám đốc và các cổ đông như địa chỉ thường trú và tên đầy đủ hợp pháp.*

Có bốn loại hình chính dành cho các DN nước ngoài có nhu cầu lập doanh nghiệp và kinh doanh tại New Zealand: (i) Lập chi nhánh công ty nước ngoài; (ii) Lập công



ty con; (iii) Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp, và (iv) Hợp doanh dưới dạng cty TNHH. Trong trường hợp hợp tác kinh doanh với bên thứ ba, các loại hình thông thường là liên doanh (cả hợp nhất và chưa hợp nhất), hợp danh và quan hệ đối tác TNHH.

Lập chi nhánh

Một công ty nước ngoài có nhu cầu đăng ký lập chi nhánh tại New Zealand phải có tên giống hệt tên đăng ký gốc tại nước mẹ. Phải nộp đăng ký cho Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp cùng với đăng ký kinh doanh gốc.

Đơn đăng ký phải được nộp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kinh doanh tại New Zealand và gồm các thông tin: (i) ngày bắt đầu hoặc sẽ bắt đầu kinh doanh; (ii) tên, địa chỉ thường trú hiện tại của các giám đốc công ty nước ngoài; (iii) địa chỉ trụ sở chính của công ty tại New Zealand; (iv) tên và địa chỉ của ít nhất một người ở New Zealand là người được ủy quyền gửi và nhận các văn bản trên danh nghĩa của công ty nước ngoài, và bằng chứng về đăng ký hoạt động công ty ở nước ngoài và (v) một bản sao Điều lệ (bằng tiếng Anh hoặc một bản dịch tiếng Anh có công chứng).

Lập công ty con

Công ty là một thực thể pháp lý riêng biệt chịu trách nhiệm đối với tài sản và các trách nhiệm nợ. Không hạn chế về quy mô vốn góp vào công ty và không có hạn chế cư trú đối với các thành viên.

Một công ty con được thành lập tại New Zealand phải (đối với công ty hợp nhất tính từ 01/5/2015) có ít nhất một giám đốc người New Zealand, hoặc người cư dân Australia là giám đốc của một công ty Australia đã đăng ký với ASIC. Công ty hiện có phải đã bổ nhiệm một giám đốc đáp ứng được các yêu cầu của cổ đông tính tới thời điểm 28/10/2015. Cho phép có các cổ đông và giám đốc nước ngoài. Nói chung, bất kỳ pháp nhân nào đều có thể là một cổ đông. Chỉ có cá nhân là có thể được bổ nhiệm làm giám đốc. Không có quy định về thư ký công ty.

Không có giới hạn gì về quy mô vốn cổ phần của công ty. Công ty (không phải là hợp tác xã) không được phép có mệnh giá cổ phiếu hoặc mệnh giá ghi danh bởi không cần phát hành mức giá phải nộp đủ, mặc dù các cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trước các chủ nợ (và thanh lý) đối với khoản tiền nộp trên cổ phiếu của họ.



Đối với một chi nhánh, bước yêu cầu đầu tiên để đăng ký thành một công ty con là đăng ký để đổi tên công ty con được đề nghị. Một khi tên đã được Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp chấp thuận, người đăng ký phải nộp các văn bản sau đây:

i. Bản cam kết có chữ ký của mỗi giám đốc, có đầy đủ tên và địa chỉ thường trú (thông tin này sẽ công bố công khai) cam kết rằng người đó không bị loại khỏi vị trí giám đốc. Giám đốc cũng cần cung cấp địa điểm và ngày tháng năm sinh (thông tin này không công bố công khai)

ii. Bản thỏa thuận của mỗi cổ đông

iii. Bản sao điều lệ công ty và chi tiết của công ty mẹ.

Đơn đăng ký nộp tới Cơ quan Đăng ký DN phải bao gồm: (i) tên và địa chỉ thường trú của từng giám đốc; (ii) tên, địa chỉ và lượng cổ phiếu sở hữu của từng cổ đông; và (iii) địa chỉ văn phòng/trụ sở đăng ký và địa chỉ giao dịch gửi tài liệu (cả hai địa chỉ tại New Zealand).

Để quyết định việc nên thành lập chi nhánh hay công ty con, cần quan tâm các vấn đề liên quan sau:

<i>Trách nhiệm</i>	<i>Chi nhánh (pháp nhân của công ty nước ngoài) chịu trực tiếp bất kỳ trách nhiệm pháp lý theo luật New Zealand. Không cho phép ẩn trách nhiệm đằng sau một pháp nhân khác của một công ty mẹ nước ngoài. Lập một công ty con có mục đích cụ thể là chi nhánh tại New Zealand có thể giúp khoanh nợ/ trách nhiệm này. Tuy nhiên, trên thực tế, trừ khi công ty con là phần thực thể riêng theo đúng nghĩa của nó, bất kỳ giao dịch thương mại quan trọng nào cũng cần được bảo lãnh bởi công ty mẹ ở nước ngoài.</i>
<i>Thuế suất</i>	<i>Chi nhánh được coi là đối tượng nộp thuế không cư trú (non- resident). Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập thuộc đối tượng không cư trú của chi nhánh đó. Lỗ của chi nhánh chỉ có thể xin giảm thuế thu nhập tại nước đóng trụ sở của công ty mẹ.</i> <i>Nếu một công ty ở nước ngoài lập công ty con tại New Zealand, công ty con đó là đối tượng nộp thuế cư trú (Resident). Công ty con phải chịu thuế trên thu nhập toàn cầu của nó. Thua lỗ của công ty con không thể được trừ vào thu nhập của công ty mẹ và thường không thể được tính vào nghĩa vụ nộp thuế của công ty mẹ.</i>
<i>Phí</i>	<i>Lệ phí đặt tên công ty là NZ \$10,22; lập chi nhánh và/hoặc công ty con là \$ 150,00.</i>



Sáp nhập và Mua lại

Một công ty dự định sáp nhập hay mua lại một công ty ở New Zealand phải nắm những quy định hạn chế trong việc mua lại doanh nghiệp quy định tại Luật Thương mại 1986 (Chương Quy định đối với doanh nghiệp).

Nếu công ty New Zealand được niêm yết tên trên sở giao dịch chứng khoán New Zealand hoặc, nếu không niêm yết tên, nhưng có trên 50 cổ đông, và /hoặc cổ phần lệ phiếu thì áp dụng theo Luật Mua lại (Takeovers Code).

Lập công ty hợp danh TNHH hay Cty TNHH (limited partnership)

Luật Công ty (Companies Act) quy định việc quản lý, vận hành và thanh lý các công ty TNHH và công ty tư nhân thành lập tại New Zealand. Luật Công ty không phân biệt giữa các công ty nhà nước và tư nhân. Loại hình phổ biến nhất là công ty trách nhiệm hữu hạn góp cổ phần.

Trừ khi điều lệ của một công ty có quy định ngoại lệ, trách nhiệm của từng cổ đông của một công ty TNHH chỉ giới hạn trong phần vốn do cổ đông đó góp.

Luật Công ty không giới hạn số lượng cổ đông hay khả năng huy động vốn từ công chúng. Trên khía cạnh thương mại, các công ty có thể được phân loại thành công ty TNHH có niêm yết hoặc không niêm yết.

Dưới góc nhìn của nhà đầu tư, Công ty TNHH cho phép bảo vệ hữu hạn trách nhiệm của một công ty và một số nguồn thuế và lợi thế bảo mật của một đối tác. Mô hình Công ty TNHH ở New Zealand là thông thoáng so với các nước khác như Australia hay quần đảo Channel. Cần cân nhắc những vấn đề sau trong việc quyết định thành lập một công ty TNHH:

Bảo mật	Mặc dù danh tính của các đối tác phải được đăng ký với cơ quan quản lý, song thông tin đó không công bố công khai. Mỗi đối tác TN hữu hạn phải có một cam kết hợp tác. Không giống như điều lệ công ty, tuy nhiên, thỏa thuận này không được đăng ký với cơ quan đăng ký nhưng không phải là hồ sơ công bố.
Trách nhiệm	Công ty TNHH là một thực thể pháp lý riêng biệt từ các nhà đầu tư; loại hình này giúp bảo vệ các nhà đầu tư khỏi các tổn thất và khiếu nại phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thành viên góp vốn là các nhà đầu tư thụ động và trách nhiệm của họ được giới hạn trong khoản vốn mà họ đồng ý đóng góp, miễn là họ không tham gia vào quản lý. Một đối tác quản trị (có thể





	<i>là một công ty) điều hành hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty TNHH.</i>
<i>Thuế suất</i>	<i>Công ty TNHH là đối tượng công khai về thuế, dù có tư cách pháp nhân riêng. CTy TN hữu hạn được coi là nắm giữ tài sản giới hạn, và trích hay khấu trừ từ thu nhập cá nhân. Điều này thể hiện một số lợi thế về thuế như khả năng tự do chia thuế cổ tức và chia lỗ cho các đối tác và miễn tăng vốn phí không phải nộp thuế khi bị lỗ (mặc dù khi lỗ công ty TNHH có thể xin miễn giảm thiệt hại một phần).</i>
<i>Linh hoạt</i>	<i>Không có hạn chế về hoạt động kinh doanh. Mặc dù Công ty TNHH là mô hình linh hoạt của luật, hình thức TNHH ít quy định hơn so với mô hình công ty.</i>
<i>Phí</i>	<i>Lệ phí đăng ký trực tuyến là 270\$.</i>

Liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều bên góp nguồn lực vào hoạt động kinh doanh cụ thể. Một liên doanh có thể được thực hiện thông qua các hình thức sau và có cấu trúc cũng như thể chế hoạt động:

- Lập một công ty trách nhiệm hữu hạn trong đó mỗi bên liên doanh là một cổ đông -Theo điều lệ hoặc thỏa thuận của cổ đông.
- Lập một đối tác hợp danh (A partnership) hay hợp danh TNHH (A limited partnership)- Theo thỏa thuận hợp tác.
- Một tư cách pháp nhân - Theo hợp đồng liên doanh/ thỏa thuận liên doanh.

Luật Đầu tư nước ngoài 2005 đặt ra một số thủ tục cho phép người nước ngoài và cộng sự của họ đầu tư vào các tài sản kinh doanh quan trọng tại New Zealand.

4.4. Quy định doanh nghiệp

4.4.1. Quản lý môi trường và nguồn tài nguyên

- *Luật Quản lý Tài nguyên 1991 (RMA) là công cụ chính quản lý về môi trường tại New Zealand.*
- *Luật Đặc khu kinh tế và Thềm lục địa (Chương Tác động môi trường) mở rộng phạm vi của Luật RMA tới vùng biển và đáy biển nằm 12-200 hải lý ngoài khơi New Zealand.*
- *Trách nhiệm về biến đổi khí hậu được quản lý bởi Đề án Kinh doanh khí thải (ETS)*



Chính phủ New Zealand đề cao tầm quan trọng của môi trường và nguồn tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển xã hội và kinh tế của đất nước. New Zealand giàu tài nguyên thiên nhiên, nguồn nước ngọt dồi dào; không khí trong lành; đất đai màu mỡ và khí hậu rất phù hợp với mọi người, cây cối, vật nuôi và nông nghiệp; đường bờ biển dài và nguồn lợi thủy sản có ý nghĩa; khí thải sử dụng năng lượng thấp, chất thải và khí carbon dioxide mỗi đơn vị sản lượng kinh tế; trữ lượng khoáng sản và dầu khí đáng kể và đa dạng sinh học. Ngân hàng Thế giới ước tính rằng New Zealand đứng ra thứ 8/120 quốc gia về vốn tự nhiên bình quân đầu người, chỉ sau các nước xuất khẩu dầu mỏ.

Do tầm quan trọng của khu vực cơ bản của nền kinh tế, quản lý tốt nước ngọt và nguồn tài nguyên tái tạo, việc bảo vệ nguồn tài nguyên đa dạng sinh học và tài nguyên biển, giảm thiểu chất thải và cải thiện hiệu quả năng lượng là tất cả những điều cần thiết để tạo ra sự giàu có và cung cấp các tiêu chuẩn sống cao hơn cho người dân New Zealand. Các chương trình được đưa ra hoặc phát triển hơn nữa trên tất cả các lĩnh vực.

Luật Quản lý Tài nguyên (The Resource Management Act 1991 Act – viết tắt là RMA) quy định khuôn khổ quốc gia về bảo vệ môi trường cân bằng với giá trị kinh tế, xã hội và văn hóa. Chính quyền địa phương có trách nhiệm chính cho việc cung cấp kế hoạch quản lý tài nguyên và thỏa thuận với chính quyền trung ương trong việc làm thế nào để áp dụng luật và hướng về những vấn đề có tầm quan trọng quốc gia. Sửa đổi RMA trong năm 2009 là quá trình sắp xếp hợp lý và đơn giản hóa và tạo ra một cơ quan mới là Cơ quan Bảo vệ Môi trường, tạo thuận lợi cho việc ra quyết định về các đề xuất có ý nghĩa quốc gia. Hơn nữa, sửa đổi nhằm tăng cường quy hoạch, làm giảm sự không chắc chắn, giảm chi phí và sự chậm trễ và tăng cường sự tham gia của người Maori vào quá trình quản lý tài nguyên.

Biến đổi khí hậu là một thách thức đặc biệt đối với New Zealand, cả từ góc độ chính sách quốc tế và trong nước. New Zealand là một đất nước nhỏ với một lượng khí thải độc đáo do ưu thế của các ngành công nghiệp sử dụng đất. Mặc dù, chỉ tạo ra tương đối nhỏ lượng khí thải toàn cầu, Chính phủ vẫn cam kết tham gia một cách tích cực trong các đối thoại về biến đổi khí hậu quốc tế.

Đề án Kinh doanh Khí thải - Emissions Trading Scheme (ETS) được thiết lập nhằm đáp ứng các cam kết biến đổi khí hậu quốc tế ít nhất giảm lượng khí thải ròng của New Zealand xuống dưới mức trung bình bằng cách định ra các nghĩa vụ giảm thuế hay từ bỏ những phần liên quan đến khí thải. ETS có hiệu lực vào năm 2008 và đã được xem xét định kỳ và điều chỉnh kể từ đó. ETS đang được xem xét lại vào năm 2016 để đảm bảo chương trình này giúp New Zealand đáp ứng các mục tiêu giảm phát thải quốc tế với chi phí thấp nhất.



4.4.2. Luật Thương mại- Quy tắc về cạnh tranh

Tại New Zealand, cạnh tranh được điều chỉnh bởi Luật Thương mại. Luật Thương mại nhằm thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường vì lợi ích lâu dài của người tiêu dùng. Một số hành vi kinh doanh và sắp xếp có chủ đích hoặc làm giảm bớt sự cạnh tranh đều bị cấm. Các hoạt động hạn chế thương mại quy định trong Luật Thương mại theo cách thức mà các doanh nghiệp cạnh tranh với nhau. Quy định riêng điều chỉnh mua lại doanh nghiệp làm giảm đi sự cạnh tranh.

Ủy ban Thương mại (Ủy ban) là cơ quan quản lý chuyên giám sát việc tuân thủ Luật Thương mại. Ủy ban là một thực thể độc lập trực thuộc chính phủ được thành lập theo Luật Thương mại 1986 và đóng vai trò giám sát các hoạt động thương mại để đảm bảo một môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Luật Thương mại 1986 quy định việc mua lại doanh nghiệp, cấm hoạt động hạn chế thương mại và cho phép kiểm soát giá cả áp dụng trong một ngành nhất định.

Cạnh tranh trong mua lại doanh nghiệp

Phần 3 của Luật Thương mại nghiêm cấm việc mua cổ phần hoặc tài sản của một doanh nghiệp mà việc mua lại có (hoặc chắc chắn có) ảnh hưởng của việc giảm bớt đáng kể cạnh tranh trên thị trường.

Các bên tham gia một vụ mua lại có thể tăng đáng kể mối quan tâm cạnh tranh có thể xin giấy phép trước khi giao dịch từ Ủy ban TM. Giấy phép, nếu được cấp, sẽ tránh sự giám sát của Ủy ban hoặc các bên thứ ba. Chế độ giấy phép là tự nguyện và nó được phổ biến cho việc sáp nhập để tham gia thảo luận trên cơ sở không được thông báo.

Trong việc đánh giá liệu một sáp nhập có khả năng làm giảm đáng kể sự cạnh tranh, Ủy ban TM sẽ phân tích khả năng của công ty bị sáp nhập tác động tới việc tăng giá hoặc giảm chất lượng sản phẩm/dịch vụ, liên quan đến những gì sẽ xảy ra mà không có vụ mua lại đó. Liên quan đến cuộc điều tra này là thị phần của thực thể sáp nhập, thị trường cổ phiếu của người tham gia khác, khả năng gia nhập của các thực thể mới, mối quan hệ thực thể sáp nhập với nhà cung cấp và người mua, và cho dù có những tính năng của thị trường đó là khả năng thông đồng và kỷ luật.

Ủy ban Thương mại đã ban hành hai "chỉ số tập trung" không chính thức (trước đây được gọi là "bến an toàn") để đánh giá liệu sáp nhập theo chiều ngang trong một thị trường có thể làm giảm đáng kể cạnh tranh hay không. Hướng dẫn của Ủy ban



là một thương vụ sáp nhập hoặc mua lại không có tăng thêm mối quan tâm Luật Thương mại nếu, sau khi mua lại:

- Ba doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường có thị phần kết hợp là dưới 70% và thực thể sáp nhập có thị phần dưới 40%, hoặc
- Ba doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường có thị phần kết hợp của hơn 70% và thực thể sáp nhập có thị phần dưới 20%.

Những người quan tâm tới những "chỉ số" nên tìm kiếm lời khuyên cụ thể và cẩn thận xem xét các xác định thị trường và động thái có liên quan. Nó cũng đáng chú ý rằng chúng chỉ là một điểm khởi đầu cho việc phân tích và rơi xuống bên ngoài họ sẽ không nhất thiết có nghĩa là một việc mua lại sẽ được đánh giá để giảm bớt sự cạnh tranh. Ví dụ, thị trường cổ phiếu có thể cao nhưng có thể có ít rào cản gia nhập hoặc mở rộng. Mức phạt tối đa đối với một thương vụ mua lại vi phạm Luật Thương mại là NZ\$ 500.000 đồng đối với cá nhân /NZ\$ 5 triệu đối với công ty, và/hoặc một lệnh yêu cầu thoái vốn tài sản quy định hoặc cổ phần (có tiềm năng có thể bao gồm sáp nhập).

Các hành vi gây hạn chế thương mại

Luật Thương mại 1986 thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường và loại bỏ các hành vi gây hạn chế thương mại. Phần 2 của Luật Thương mại quy định hành vi làm hạn chế thương mại, trừ khi được sự ủy quyền của Ủy ban Thương mại trên cơ sở lợi ích công. Những hoạt động này bao gồm:

- Ấn định giá và thị trường giữa các đối thủ cạnh tranh;
- Bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận có mục đích, có hiệu lực hoặc khả năng làm giảm đáng kể sự cạnh tranh trên một thị trường;
- Định giá bán lại;
- Lợi dụng quyền lực thị trường để hạn chế sự gia nhập thị trường (hoặc ngăn chặn hoặc loại bỏ đối thủ cạnh tranh); và
- Mua lại doanh nghiệp (hoặc cổ phiếu) khiến tạo/ làm giảm đáng kể sự cạnh tranh trên một thị trường.

Các hành vi gây hạn chế thương mại quy định tại Luật Thương mại cũng có thể được phân loại hoặc là hành vi chống cạnh tranh tập thể; hoặc là hành vi chống cạnh tranh đơn phương. Có hai loại hành vi đơn phương cấm bởi Luật Thương mại, là duy trì giá bán lại và lợi dụng sức mạnh thị trường.



Luật cũng có hạn chế những miễn trừ, một trong những miễn trừ đáng chú ý hơn cả là những thỏa thuận mua doanh được loại trừ khỏi việc cấm ấn định giá. Ngoài ra, còn có một hạn chế miễn liên doanh từ cấm này. Luật cũng đề cập tới các quy định ở một số ngành độc quyền tự nhiên, ví dụ mạng lưới phân phối điện.

Tham gia vào một hành vi bị cấm có thể phạt lên đến \$ 500.000 đối với cá nhân, và hơn 10 triệu \$ đối với một công ty, hoặc ba lần giá trị của bất kỳ lợi ích thương mại thu được từ việc vi phạm (nếu dễ xác định) hoặc 10% doanh thu của công ty và tất cả các bộ phận liên quan của công ty.

Phần 2 của Luật Thương mại hiện đang được điều chỉnh. Những thay đổi có hiệu lực từ đầu năm 2016. Dự thảo Sửa đổi Luật Thương mại (phần về Cartels/ độc quyền và vấn đề khác) trình Quốc hội và kết tội hình sự các hành vi định giá và một số hành vi cartels cụ thể.

Kiểm soát giá

Phần 4 của Luật Thương mại quy định cơ chế áp đặt kiểm soát giá hàng hóa và dịch vụ cụ thể. Các ngành hiện đang chịu sự điều tiết thị trường cụ thể bao gồm:

- i. Viễn thông (Theo Luật Viễn thông 2001- the Telecommunications Act 2001)
- ii. Ngành sữa (Theo Luật Tái cơ cấu ngành sữa 2001- the Dairy Industry Restructuring Act 2001)
- iii. Dịch vụ điện và khí (Theo Luật Thương mại 1986-the Commerce Act 1986).

Đối với giá sữa bột công thức dành cho trẻ em: (i) không có các biện pháp kiểm soát giá để đảm bảo cạnh tranh tự do trên thị trường mở. (ii) Ủy ban Thương mại chịu trách nhiệm đối với các biện pháp khắc phục thương mại, thực thi cạnh tranh công bằng như chống các hành vi dẫn tới liên kết định giá sữa để làm bóp méo thị trường và gây ảnh hưởng lâu dài tới lợi ích của người tiêu dùng.

4.4.3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Chính phủ chủ động áp dụng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Có một số tổ chức phi chính phủ (NGOs) tham gia vào việc tạo điều kiện và tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bao gồm cả các Hội đồng Phát triển Bền vững Doanh nghiệp New Zealand, mạng kinh doanh bền vững và nhiều tổ chức khác trong đó có các phòng thương mại và giới chủ.



4.4.4. Doanh nghiệp nhà nước

Chính phủ New Zealand sở hữu một loạt các tài sản thương mại, trong đó có 18 doanh nghiệp nhà nước (DNNN/SOEs), 8 viện nghiên cứu, 4 tổ chức tài chính, 5 công ty phi tài chính là các đơn vị kinh tế trực thuộc chính phủ, đồng thời 53% vốn của Air New Zealand Limited và một số cổ phần nhà nước khác trong hệ thống vận tải biển và 04 sân bay. Mặc dù, các doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo Luật DNNN 1986, chúng cũng đồng thời được điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp và được đăng ký là DN công. Khác với các thực thể trực thuộc chính phủ, các doanh nghiệp nhà nước được cấu trúc như các công ty bởi vì chúng cung cấp dịch vụ công thông qua thị trường.

Cục Giám sát Tài sản NN (COMU) thuộc Kho bạc New Zealand, chịu trách nhiệm giám sát các doanh nghiệp nhà nước và chỉ định Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước "cổ phần" vốn góp của nhà nước và tham vấn về các hoạt động của từng DNNN. Hội đồng quản trị mỗi doanh nghiệp nhà nước phải báo cáo trước hai Bộ trưởng gồm Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng chịu trách nhiệm về vốn của đối với DNNN đó.

Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước tập trung trong các lĩnh vực năng lượng và giao thông vận tải. Doanh nghiệp tư nhân được phép cạnh tranh với các doanh nghiệp công lập theo các điều khoản và điều kiện như nhau về thị trường, tín dụng và hoạt động kinh doanh khác. Ví dụ, Contact Energy, một công ty niêm yết công khai, được phép bán năng lượng cạnh tranh trực tiếp với Meridian Energy Limited, là một doanh nghiệp nhà nước. Theo Quy chế Cáo bạch về DNNN, doanh nghiệp nhà nước phải liên tục báo cáo về bất kỳ vấn đề có thể ảnh hưởng đến giá trị và vốn của chúng.

Trong năm 2014, Chính phủ đã hoàn thành chương trình cổ phần hóa tài sản và là một vấn đề đưa ra trong vận động tranh cử và tái cử năm 2011. Chương trình này liên quan đến việc bán một phần ba các công ty năng lượng và Air New Zealand, Chính phủ giữ lại cổ phần chi phối trong mỗi SOEs này.

4.5. Các ngành dịch vụ

4.5.1. Dịch vụ tài chính

Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính



Cá nhân hay doanh nghiệp hoạt động cung cấp dịch vụ tài chính ở New Zealand và những người dù là thường trú hay có trụ sở kinh doanh ở New Zealand đều buộc phải đăng ký là nhà cung cấp dịch vụ tài chính (đăng ký và giải quyết tranh chấp) theo Luật Nhà cung cấp Dịch vụ Tài chính -the Financial Service Providers Act 2008 (FSPA). Ngoài ra, những người cung cấp tư vấn tài chính cho khách hàng tại New Zealand (có một số hạn chế ngoại lệ) phải đăng ký theo FSPA dù có hoặc không có địa điểm kinh doanh tại New Zealand. Việc đăng ký là quy trình trực tuyến. Luật FSPA gần đây đã được sửa đổi để tạo khả năng cho cơ quan quản lý New Zealand trong việc từ chối hoặc hủy bỏ đăng ký nơi mà họ cho là không có kinh doanh chân chính thực hiện tại hoặc từ New Zealand. Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính nói chung quy định phải là thành viên phối hợp giải quyết tranh chấp, trừ khi họ chỉ cung cấp dịch vụ cho khách hàng "bán buôn" (tức là các tổ chức hoặc nhà đầu tư lớn và có kinh nghiệm).

Các tổ chức tài chính tham gia vào các hoạt động tài chính nhất định ở New Zealand phải tuân thủ các yêu cầu về luật pháp phòng chống rửa tiền và chống cung cấp khả năng tài chính cho các hoạt động khủng bố của New Zealand.

Ngân hàng Thương mại

Ngân hàng Dự trữ là cơ quan giám sát các ngân hàng thương mại đăng ký hoạt động tại New Zealand. Bất kỳ tổ chức tài chính cung cấp bất kỳ hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp ở New Zealand với tên gọi là "Ngân hàng"- "bank hay Banker" hoặc "Banking" phải được phép của Ngân hàng Dự trữ sử dụng tên đó ở New Zealand như một "ngân hàng đăng ký" và chịu sự giám sát thận trọng của Ngân hàng Dự trữ. Mục tiêu của giám sát thận trọng là thúc đẩy và duy trì sự lành mạnh và hiệu quả của hệ thống tài chính và để tránh thiệt hại đáng kể cho hệ thống tài chính trong trường hợp ngân hàng thương mại đó bị rủi ro hay gặp thất bại.

Theo quy định, các ngân hàng thương mại phải tuân thủ các điều kiện đăng ký như yêu cầu vốn tối thiểu, giới hạn cho vay và tỷ lệ thanh khoản tối thiểu. Trong những trường hợp nhất định, một ngân hàng muốn hoạt động tại New Zealand có thể được yêu cầu để hợp nhất ở New Zealand. Ngân hàng Dự trữ sẽ xem xét cả hai tiêu chí định tính (tình trạng tài chính và khả năng quản lý kinh doanh một cách thận trọng) và tiêu chí định lượng (yêu cầu bảo đảm an toàn quan trọng).

Ngân hàng đăng ký chịu sự giám sát quản lý đầy đủ (kể cả giám sát thận trọng) của Ngân hàng Dự trữ. Chỉ các tổ chức tài chính có thể chứng minh khả năng thực hiện kinh doanh của mình một cách thận trọng và có địa vị và danh tiếng thích hợp trên



các thị trường tài chính là được phép đăng ký là ngân hàng ở New Zealand. Ngân hàng nước ngoài phải có sự chấp thuận và tuân thủ các yêu cầu về bảo đảm an toàn của người giám sát tại nước mẹ để tiến hành kinh doanh ngân hàng ở New Zealand. Ngân hàng nước ngoài không có đăng ký tại New Zealand và sử dụng tài khoản ngân hàng hoặc cung cấp các chứng khoán nợ cho các nhà đầu tư lẻ ở New Zealand phải tuân thủ các điều kiện nhất định và nộp báo cáo tài chính cho Văn phòng Đăng ký doanh nghiệp New Zealand.

Bốn ngân hàng lớn nhất của New Zealand đều là công ty con của ngân hàng Úc. Ngân hàng Dự trữ công nhận những nguyên tắc cơ bản của thoả ước Basel rằng nước của NH mẹ phải giám sát trên cơ sở hợp nhất và nước chủ nhà chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động của NH ở nước sở tại.

Thị trường vốn

Vốn có thể huy động qua thị trường vốn. New Zealand có một sở giao dịch chứng khoán thẩm quyền là NZX điều hành ba thị trường chứng khoán: thị trường cổ phiếu (NZSX), thị trường đầu tư thay thế (NZAX) (Người dịch- thị trường AIM), và thị trường nợ (NZDX).

NZX và NZAX là các thị trường chứng khoán. NZSX là thị trường hàng đầu với khoảng 160 công ty niêm yết và có giá trị thị trường khoảng 59 tỷ \$, trong khi NZAX là thị trường chi phí thấp hơn dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các công ty tăng trưởng cao và các tổ chức phi truyền thống như hợp tác xã.

NZDX là thị trường cho các giao dịch các chứng khoán nợ, gồm cả trái phiếu doanh nghiệp và chính phủ và chứng khoán có thu nhập cố định. NZX cũng triển khai một thị trường phái sinh trong năm 2010, hỗ trợ các giao dịch triển hạn sản phẩm sữa và các tùy chọn.

Các nguồn khác của thị trường nợ và vốn/cổ phiếu có thể huy động qua việc phát hành chứng khoán trực tiếp cho công chúng. Dịch vụ này được quy định theo Luật Chứng khoán 1978 và các quy chế chứng khoán và có yêu cầu về công bố cáo bạch và báo cáo đầu tư.

Huy động vốn từ các công ty cổ phần tư nhân là một lựa chọn nữa, mặc dù các thị trường vốn liên doanh và vốn gốc ở New Zealand rất hạn chế bởi các tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài các ngân hàng thương mại, một loạt các tổ chức tài chính khác cũng tồn tại bên cạnh các tổ chức tài chính, ngân hàng thương mại, xây dựng xã hội, công



đoàn tín dụng, các tổ chức xã hội thân thiện và các công ty bảo hiểm... thường nhận tiền gửi và cho vay ở các thị trường ngách.

Cục Quản lý Thị trường Tài chính (FMA) là cơ quan trực thuộc chính phủ thành lập năm 2011 để thúc đẩy sự phát triển công bằng, hiệu quả và minh bạch của thị trường tài chính, với mục tiêu phục hồi niềm tin nhà đầu tư trên thị trường. Cơ quan này thực thi chức năng của Ủy ban Chứng khoán, tính toán của Chính phủ, và củng cố chức năng điều tiết khác từ Bộ Phát triển Kinh tế. FMA có trách nhiệm giám sát và thực thi chứng khoán, báo cáo tài chính và thực thi Luật doanh nghiệp áp dụng cho dịch vụ tài chính và thị trường chứng khoán. FMA cũng điều hành các giao dịch chứng khoán, tư vấn tài chính, các nhà cung cấp dịch vụ tài chính, các quỹ ủy thác và kiểm toán viên.

4.6. Các quy chế hàng ngày tác động tới hoạt động kinh doanh

4.6.1. Chính sách thuế

New Zealand có một hệ thống thuế toàn diện và phát triển cao. Chính phủ trung ương chịu trách nhiệm cho việc hoạch định và thu thuế. Có ba nhóm: thuế thu nhập; thuế hàng hóa và dịch vụ (GST); và các loại thuế khác. New Zealand không thu thuế lãi trên vốn.

Các luật liên quan đến việc thu thuế, tranh chấp thuế và các vấn đề liên quan được quy định trong Luật Quản lý thuế năm 1994 (the Tax Administration Act 1994 -TAA), được quản lý bởi Cục Thuế Nội địa (IRD). Hệ thống thuế hoạt động trên cơ sở tự đánh giá, với các kiểm toán ngẫu nhiên hoặc có chủ đích của Cục Thuế Nội địa. Cục Dịch vụ Hải quan New Zealand có trách nhiệm thu thuế.

Chính quyền địa phương định các mức thuế đối với chủ đất (mặc dù, về mặt kỹ thuật, các mức quy định không phải là thuế). Hơn nữa, các cơ quan khác nhau có thể áp đặt các khoản thu (về mặt kỹ thuật, các khoản thu này không phải là thuế), như phí bồi thường từ Tổng công ty bồi thường tai nạn (ACC) và các khoản thu hàng hóa (từ các ngành Nông nghiệp hay sản xuất cơ bản).

Thuế thu nhập

Thuế thu nhập hiện đang được áp dụng theo Luật Thuế Thu nhập 2007 (the Income Tax Act 2007 -ITA). Do tính phức tạp của ITA và tần số mà thuế được sửa đổi, đối với những người đầu tư vào New Zealand cần hỏi ý kiến tư vấn từ chuyên gia để xem xét kỹ.



Thuế thu nhập tính trên cơ sở cư trú và nguồn thu nhập. Người thường trú (Resident) là đối tượng chịu thuế thu nhập đối với bất kỳ nguồn thu nào họ có, còn người không thường trú (non-resident) là đối tượng chịu thuế đối với nguồn thu nhập phát sinh tại New Zealand.

Về đối tượng tính thuế, New Zealand quy định đối tượng cá nhân được coi là cư trú tại New Zealand (Resident, không chỉ là người dân Citizen) là đối tượng nộp thuế thu nhập nếu họ có một nơi thường trú ở New Zealand hoặc có mặt tại New Zealand tổng cộng 183 ngày trong khoảng thời gian 12 tháng. Đối tượng nộp thuế không cư trú (Non-resident) là người tới New Zealand lần đầu hoặc người trở lại và không thường trú tại New Zealand trong một thời gian liên tục 10 năm trước khi trở thành một cư dân New Zealand, đủ điều kiện xác định là cư trú tạm thời. Một cư dân chuyển được miễn thuế thu nhập New Zealand trên thu nhập ngoại có nguồn gốc của họ khác với thu nhập dịch vụ trong thời gian bốn năm sau khi họ đáp ứng các điều kiện thuế cư trú.

Một doanh nghiệp được coi là cư trú tại New Zealand nếu:

- Được thành lập tại New Zealand
- Có trụ sở chính tại New Zealand
- Có "ban quản lý" tại New Zealand, hoặc
- Được quản trị bởi các giám đốc ở New Zealand.

Công ty (cả thường trú và không cư trú) đều nộp thuế ở mức 28%. Cá nhân (cả người cư trú và không cư trú) nộp thuế lũy tiến trong khoảng từ 10,5% tới 33%, người không cư trú (non-resident) chỉ bị đánh thuế trên thu nhập có nguồn gốc ở New Zealand.

Đối với cá nhân, thu nhập chịu thuế gồm tiền lương, tiền công, tiền thưởng, lợi ích khác hoặc tiền công, thu nhập hợp tác và thu nhập từ đầu tư. Đối với tiền lương, tiền công, thuế được khấu trừ từ nguồn chủ lao động trả thông qua hệ thống tính thuế căn cứ trên mức thu nhập- Pay As You Earns (PAYE). Số tiền thuế được khấu trừ phụ thuộc vào mức lương gộp hoặc tiền lương trả cho người lao động. Lợi ích không bằng tiền mặt trả cho các nhân viên đều phải nộp thuế lợi ích cũng do chủ lao động phải nộp.



Đối với công ty, thu nhập sau thuế thường tương ứng với lợi nhuận hoặc lỗ kiểm toán. Tuy nhiên, điều chỉnh thường căn cứ vào: thời gian thu nhập và chi tiêu công nhận; nợ xấu, và; quy định khác và dự trữ.

New Zealand không đánh thuế trên lợi nhuận trên đầu tư/vốn. Trong những trường hợp nhất định, số tiền thu được từ việc bán tài sản thực tế hay cá nhân (kể cả cổ phần) có thể phải chịu thuế thu nhập (ví dụ, mục đích của việc mua là để bán lại tài sản vì mục tiêu lợi nhuận).

Năm 2015, Chính phủ công bố các đề xuất siết các quy định về tài sản. Các đề xuất gồm:

- Thuế thu nhập trên lợi nhuận từ việc bán tài sản dân cư (trừ ngôi nhà chính), bán ra trong vòng hai năm kể từ khi mua; và
- Quy định về cấp mã số thuế cá nhân (IRDNZ) để mua bán các tài sản (trừ ngôi nhà chính) áp dụng chung cho cư dân New Zealand và người không cư trú. Nếu người đó cư trú ở một nước khác, họ phải cấp mã số thuế đã được cấp bởi quốc gia đó.

Cụ thể quy định đối với người không cư trú, gồm: (i) Thuế khấu trừ có thể cho người không cư trú bán nhà ở; và (ii) Điều kiện bắt buộc áp dụng mã số thuế (IRD) cho người không cư trú là phải mở một tài khoản tại ngân hàng New Zealand.

Những thay đổi (về ngoại lệ khấu trừ) được áp dụng từ ngày 01/10/2015. Thuế khấu trừ dự định áp dụng từ giữa năm 2016.

Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (DTA)

New Zealand ký hiệp định tránh đánh thuế hai lần với hơn 30 quốc gia, trong đó có Việt Nam, để giảm đánh thuế trùng và để khẳng định chắc chắn hơn cho người nộp thuế hoạt động trong khu vực pháp lý nước ngoài. Các khoản thuế nhà thầu nước ngoài nói chung và thuế cư dân New Zealand có nguồn thu nhập từ các nước hoặc vùng lãnh thổ ngoài New Zealand. Sự sẵn có và mức tín dụng thuế nước ngoài có giới hạn nhất định, nhưng không phụ thuộc vào New Zealand đã ký một thỏa thuận thuế hai lần với các quốc gia cụ thể hoặc vùng lãnh thổ có liên quan.

Chống thất thu thuế (hết hiệu lực từ 12/7/2016)

Nếu một công ty/DN trong nước hay một chi nhánh của công ty nước ngoài bị lỗ mà nói chung có thể được chuyển (vô thời hạn) để bù đắp thu nhập ròng trong



tương lai và chia sẻ giữa các nhóm các công ty, tạo một mức độ duy trì nhất định và liên tục của cổ đông (hoặc trong trường hợp của nhóm các công ty, sở hữu chung). Các cá nhân và quỹ tín thác cũng có thể chuyển lỗ thuế, nhưng những thiệt hại không thể được chia sẻ với các thực thể khác.

Thuế cổ tức trong nước trả cho cư dân

Cổ tức được trả bởi các công ty thường trú cho các cổ đông cư dân là, trong hầu hết các trường hợp, chịu thuế của cổ đông. Tuy nhiên, cổ tức chi trả giữa các công ty cư dân thuộc nhóm sở hữu hoàn toàn thường được miễn.

Để tránh việc thanh toán trùng thuế đối với cùng thu nhập (ví dụ của công ty và các cổ đông khi mà thu nhập của công ty được chia như một cổ tức) khoản tín dụng chia lỗ có thể chia đều cho các cổ tức (cho cả người dân và người không cư trú). Một khoản tín dụng tính đại diện cho một phần số thuế đã nộp của công ty (đối với mỗi \$ 1 thuế đã nộp, công ty nhận được một khoản tín dụng khoản tính \$ 1 mà nó có thể bám vào cổ tức). Tín dụng chia lỗ nhận được cổ đông thường trú (công ty, cá nhân) được trừ vào số thuế thu nhập gồm cả thuế cổ tức.

Tùy thuộc vào trường hợp ngoại lệ nào đó, một cổ tức được trả bởi một công ty thường trú cho đối tượng cư trú chịu thuế khấu trừ 33%, mặc dù trách nhiệm khấu trừ thuế được giảm bởi bất kỳ khoản tín dụng khoản tính gắn liền với cổ tức. Nếu cổ tức được quy gán đầy đủ (tức là các khoản tín dụng khoản tính được gắn kèm ở mức tối đa) chỉ có 5% thuế khấu trừ còn lại sẽ được áp dụng đối với cổ tức (tức là các khoản nợ thuế 33 % được giảm thuế 28% công ty trả cho 5 %).

Thuế đối với người nước ngoài

Cá nhân hoặc doanh nghiệp không thường trú (non-resident) là đối tượng chịu thuế nhà thầu không cư trú đối với doanh nghiệp và thuế khấu trừ đối với cá nhân (gọi chung là thuế NRWT- Non-Resident Withholding Tax) như thuế cổ tức, tiền lãi và tiền bản quyền. Tỷ lệ thuế NRWT áp dụng phụ thuộc vào loại hình thuế và thỏa thuận tránh đánh thuế hai lần (DTA) với nước của mà người đó hay doanh nghiệp đó cư trú:

- Thuế Cổ tức 0-15% và 0-30% - Mức thuế NRWT bằng 0 áp dụng đối với cổ tức gán đầy đủ (Imputed dividend- cổ tức gán là cách nhằm loại bỏ việc đánh thuế hai lần. Trên thực tế, Cổ tức của công ty bị đánh thuế hai lần khi cả công ty và cổ đông cùng thuế trả từ một nguồn thu nhập. Lần đầu, Công ty trả thuế trên lợi nhuận và sau đó chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế. Lần hai, cổ đông phải nộp thuế đối với



cổ tức được chia) trả cho cổ đông không cư trú ở mức 10% hoặc cao hơn lãi suất bỏ phiếu trực tiếp tại một công ty ở New Zealand hoặc mức dưới 10% nhưng có tỷ lệ sau thỏa thuận là dưới 15% .

- Mức NRWT bằng 0 cũng áp dụng đối với cổ tức gán không bằng tiền mặt. Đến mức cổ tức không được quy gán đầy đủ, NRWT sẽ được yêu cầu để được khấu trừ 30% (giảm tới 15% đối với các nước New Zealand có hiệp định tránh đánh thuế hai lần với và giảm hơn nữa theo một số điều ước cho cổ phần quan trọng).
- Thuế từ Lãi suất: Nếu tiền lãi trả cho người không cư trú và người cư trú (cùng) tỷ lệ áp dụng NRWT mức 15%.
- Thuế tài nguyên mức từ 5-15%

Trong trường hợp lãi suất trả cho người không liên quan, cổ tức và thanh toán tiền bản quyền, NRWT nói chung là thuế cuối cùng cho mục đích thuế New Zealand.

Thuế Hàng hóa và Dịch vụ (GST)

Goods and Services Tax (GST) là thuế trực thu đánh vào người tiêu dùng tính ở mức 15% thu từ nguồn cung cấp hàng hóa và dịch vụ ở New Zealand.

Người nộp thuế GST phải đăng ký nộp thuế GST đối với hàng hoá và dịch vụ (khái niệm người nộp thuế này rộng hơn khái niệm doanh nghiệp) có thể có được một khoản tín dụng (nếu hàng năm mức phải nộp vào khoảng 600.000 NZ\$) đối với GST (được phép trả sau) vì GST thực chất là nghĩa vụ trả thuế của người tiêu dùng cuối cùng hay thuế trực thu đánh vào người tiêu dùng.

Có một số loại hàng hóa và dịch vụ được miễn thuế GST hay mức thuế bằng 0 như là cung cấp dịch vụ tài chính, các dịch vụ tuyển dụng lao động, một số dịch vụ cung cấp cho người không cư trú và cung cấp toàn phần hay từng phần liên quan tới đất đai)

Phí bồi thường tai nạn

New Zealand có quỹ bồi thường tai nạn không do lỗi người bị thương và không cần phải chứng minh lỗi. Chương trình hỗ trợ tài chính cho các chi phí y tế, mất thu nhập do không thể lao động trong thời gian bị tai nạn và bồi thường cho người sống phụ thuộc trong các trường hợp người bị nạn tử vong. Quỹ bồi thường do Tổng công ty bồi thường tai nạn (ACC). Nguồn thu cho quỹ từ:



- Các nhà tuyển dụng, người tự làm chủ và người lao động tự nhân trong nước đối với tai nạn lao động.
- Thu từ người lao động tự do, lao động tự nhân trong nước và người lao động đối với tai nạn không liên quan đến công việc
- Quỹ nhà nước dành để bồi thường cho người chấn thương không có nguồn thu nhập.
- Chương trình sử dụng lao động của ACC theo đó người tuyển dụng có thể chọn để trả tiền giảm, bù lại toàn bộ hoặc một phần bồi thường phát sinh tại nơi làm việc của họ. Để được chấp nhận tham gia vào chương trình, người sử dụng lao động phải đáp ứng một số tiêu chí như số lượng tối thiểu chuyên gia an toàn và khả năng tài chính.

4.6.2. Bảo vệ người tiêu dùng

Luật Thương mại Công Bằng (The Fair Trading 1986) và Luật Bảo vệ Người Tiêu dùng (The Consumer Act 1993) là hai luật bảo vệ người tiêu dùng chính:

Luật Thương mại Công bằng – The Fair Trading Act

Luật Fair Trading áp dụng cho bất cứ ai tham gia vào hoạt động thương mại. Luật cấm các hành vi sau đây là cố ý hay không cố ý:

- i. Tham gia vào các hành vi có khả năng gây nhầm lẫn hay lừa dối
- ii. Tham gia vào các hành vi đó là khả năng lừa dối về bản chất, quá trình sản xuất, đặc điểm, phù hợp với mục đích, hoặc số lượng hàng hoá
- iii. Tham gia vào các hành vi đó là khả năng lừa dối về bản chất, đặc điểm, phù hợp với mục đích, hoặc số lượng dịch vụ
- iv. Tham gia vào các hành vi sai lệch liên quan đến việc làm được hoặc có thể được cung cấp cho một người
- v. Làm sai, gây hiểu lầm hoặc vô căn cứ đối với hàng hoá, dịch vụ, và
- vi. Bao gồm hoặc thi hành các điều khoản trong hợp đồng tiêu dùng dạng tiêu chuẩn đã được tuyên bố là không công bằng bởi một tòa án, theo luật Fair Trading.



Luật Fair Trading quy định thông tin và tiêu chuẩn an toàn đối với một số loại sản phẩm, bao gồm cả quần áo của trẻ em, xe tập đi, xe đạp.

Luật Fair Trading cũng đề với vấn đề bảo vệ người tiêu dùng linh tinh như bán hàng layby, bán hàng trực tiếp, thỏa thuận bảo hành mở rộng, đấu giá, và thu hồi sản phẩm. Nó cấm nhiều loại hành vi thương mại phi đạo đức bao gồm cả việc áp dụng sai thương hiệu, cung cấp giải thưởng giả, quảng cáo mồi và bán hàng đa cấp.

Luật Fair Trading được thi hành bởi Ủy ban Thương mại và cung cấp cho người tiêu dùng quyền hành động trực tiếp. Các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho người tiêu dùng không thể ký hợp đồng ra khỏi Đạo luật Fair Trading và kinh doanh cho các hợp đồng kinh doanh chỉ có thể loại trừ các Đạo luật Fair Trading trong những hoàn cảnh cụ thể.

Vi phạm Luật Fair Trading sẽ bị phạt cả dân sự và hình sự. Hình phạt bao gồm: (i) Mức phạt lên đến \$ 200,000 cho mỗi vi phạm cá nhân và \$ 600,000 cho mỗi vi phạm là công ty; (ii) Phải trả giá trị đương đương hoặc lợi ích thương mại nhất định thu được từ vi phạm; (iii) Phải quảng cáo khắc phục; (iv) Hợp đồng cải chính, và (v) Bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Luật Bảo vệ Người Tiêu dùng

Luật Bảo vệ Người tiêu dùng (The Consumer Act 1993) cho phép người tiêu dùng có sự đảm bảo nhất định tối thiểu về chất lượng, sự phù hợp và các mặt khác của hàng hóa và dịch vụ và bảo đảm đáp ứng điều cơ bản ghi trên hàng hóa, và cho phép người tiêu dùng kiện lại các nhà cung cấp dịch vụ và nhà sản xuất hàng hóa không đáp ứng đúng với những đảm bảo.

Luật này không áp dụng cho các giao dịch với khách hàng doanh nghiệp và hợp đồng thương mại. Luật xác định người tiêu dùng là một người mua hàng hóa hoặc dịch vụ thông thường sử dụng cho cá nhân, trong nước hoặc hộ gia đình, không bao gồm hàng hóa, dịch vụ với mục đích tái cung ứng, sử dụng chúng trong một quá trình chế biến hoặc sửa chữa hàng hóa trong thương mại.

Biện pháp khắc phục bao gồm thiệt hại, bao gồm thiệt hại do hậu quả duy trì như một kết quả của việc vi phạm bảo lãnh, và có quyền trả lại hàng và được hoàn trả bất kỳ khoản tiền đã thanh toán.

Ngoài ra, New Zealand có thêm một số chế độ bảo vệ người tiêu dùng quy định tại các luật:



- Luật bảo hành người tiêu dùng (the Consumer Guarantees Act 199) quy định một bộ các bảo hành tối thiểu mà hàng hoá và dịch vụ phải đáp ứng khi được bán cho người tiêu dùng. Đối với hàng hoá, quy định gồm những bảo hành theo tiêu đề, chất lượng và phù hợp cho bất kỳ mục đích cụ thể mà người tiêu dùng giao tiếp. Đối với dịch vụ, quy định gồm các khoản bảo hành chăm sóc hợp lý và có kỹ năng, phù hợp cho các mục đích cụ thể đối với dịch vụ đó, và các dịch vụ được cung cấp trong một thời gian hợp lý và ở một mức giá hợp lý. Luật cũng buộc phải có bảo hành đối với hàng hóa tiêu dùng cá nhân, hộ gia đình sử dụng hoặc tiêu thụ trong nước (quy định tại Điều 8.2).
- Luật Bán hàng (Sales of Goods Act 1908) quy định quyền, nghĩa vụ và các biện pháp của các bên trong hợp đồng mua bán hàng hóa và địa chỉ một số khía cạnh trên hợp đồng đó có thể dẫn đến tranh chấp, bao gồm cả việc chuyển giao quyền sở hữu và rủi ro, và quyền và các biện pháp của các bên trong trường hợp hợp đồng mua bán không thực hiện được.

4.6.3. Các quy định kinh doanh khác

Tín dụng khách hàng (bán hàng trả góp)

Bán hàng trả góp qua hợp đồng tín dụng và thỏa thuận thuê mua được quy định bởi Luật Hợp đồng Tín dụng và Tài chính Khách hàng (the Credit Contracts and Consumer Finance Act 2003). Luật quy định các yêu cầu giữ kín hợp đồng, cho phép bên nợ có các thay đổi về điều khoản của hợp đồng vì những lý do khó khăn và cho phép các tòa phúc thẩm và thay đổi hợp đồng "cưỡng bức". Luật yêu cầu Điều kiện vay và chi phí tài trợ được công bố đầy đủ cho khách hàng vay. Luật cho phép các đại lý bán hàng trả góp và cấm trả góp đối với một số hàng hóa "thiết yếu" hoặc các mặt hàng có quy định cụ thể.

Nguyên tắc trách nhiệm vay áp dụng với tất cả các giao dịch giữa người cho vay với người vay. Những nguyên tắc này đòi hỏi người cho vay thực hiện việc chăm sóc khách hàng và tuân thủ một số trách nhiệm cho vay cụ thể. Luật quy định trách nhiệm cung cấp các hướng dẫn về cách người cho vay có thể thực hiện theo những nguyên tắc này.

Quy chế bán lẻ-- Những luật và các quy định điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp bán lẻ gồm:

- Quy định cấm hút thuốc và hạn chế bán rượu



- Hạn chế về ngày giao dịch bán hàng (chỉ giới hạn đóng cửa là ba ngày rưỡi/năm)
- Tiêu chuẩn và các biện pháp đo lường
- An toàn thực phẩm và quy định về nhãn mác.

Bảo vệ cộng đồng--giống với nhiều nước, New Zealand luật hóa bảo vệ quyền lợi của công chúng gồm:

Bảo mật thông tin--Luật Bảo mật 1993 (The Human Rights Act 1993) nhằm mục đích để bảo vệ bí mật thông tin cá nhân bằng cách hạn chế các mục đích mà nó có thể được sử dụng và phổ biến và bằng cách cho cá nhân có quyền truy cập vào thông tin cá nhân về họ.

Quyền con người- Luật Nhân quyền 1993 (Human Rights Act 1993) phù hợp với công ước Liên Hiệp Quốc và các công ước về Nhân quyền. Đạo luật này:

- Là bất hợp pháp để phân biệt đối xử liên quan đến việc làm hoặc việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên cơ sở giới tính, tình trạng hôn nhân, tôn giáo hay tín ngưỡng đạo đức, màu da, chủng tộc, dân tộc hoặc nguồn gốc quốc gia, tàn tật, tuổi tác, quan điểm chính trị, tình trạng việc làm, gia đình trạng thái hoặc khuynh hướng tình dục.
- Cấm quấy rối tình dục, phân biệt chủng tộc và sự kích động của bất hòa chủng tộc, và
- Cấm xuất bản hoặc hiển thị quảng cáo hoặc thông báo có ý đồ thực hiện bất kỳ hành vi vào vi phạm điều khoản của Luật.

Cấm Bài bạc- Luật Bài bạc 2003 nghiêm cấm cờ bạc trừ khi được phép theo Luật. "Bài bạc" bao gồm (theo nghĩa rộng) việc đặt tiền (hoặc giá trị tiền) trực tiếp hoặc gián tiếp vào kết quả phụ thuộc vào cơ hội may rủi hay giải thưởng liên quan. Cần có sự tư vấn nếu có ý định kinh doanh sòng bạc (dù là một phần hoạt động kinh doanh chính hay phụ của doanh nghiệp) hoặc liên quan tới cấp giải thưởng thay vì bán hàng hóa hay dịch vụ.

Bảo vệ chủ nợ--Luật Chứng khoán Tài sản Cá nhân 1999 (The Personal Property Securities Act 1999) cho phép chủ nợ thông báo về một sự bất an mà họ sở hữu tài sản từ con nợ bằng cách đăng ký một "tuyên bố tài chính" trên một phương tiện đại chúng (trực tuyến) có đăng ký. Một loạt các lợi ích an ninh đã được đăng ký, trong đó có liên quan đến chi phí cố định và thả nổi, thế chấp tài sản, cho thuê hợp



đồng mua bán, hợp đồng thuê tài chính. Đăng ký là quan trọng trong việc xác định giá trị và ưu tiên chủ nợ.

4.6.4. Quy định về nhập khẩu

Hạn chế và cấm nhập khẩu

Mặc dù hệ thống giấy phép nhập khẩu đã bị bãi bỏ vào giữa những năm 1980, New Zealand vẫn duy trì kiểm soát đối với việc nhập khẩu các hàng hóa dựa trên các tiêu chí như "bảo vệ cộng đồng", bảo vệ tầng ozone trái đất, kiểm soát các chất độc hại và bảo vệ người tiêu dùng. New Zealand duy trì một chế độ kiểm dịch nghiêm ngặt để bảo vệ ngành nông nghiệp và lâm nghiệp khỏi sâu bệnh hoặc nhiễm bệnh.

Trong số các sản phẩm kiểm soát nhập khẩu gồm súng ống, các loại vũ khí, chất nổ, ma túy, chất thải nguy hại, chất phóng xạ, thuốc trừ sâu, thực vật, động vật và sản phẩm động vật và thực vật. Ấn phẩm, phim ảnh, băng đĩa và đĩa máy tính bị kiểm soát đối với các tài liệu chống đối.

Một số hàng nông nghiệp như sữa, mật ong, bị cấm nhập vì lý do bảo vệ sản xuất trong nước, gia cầm bị hạn chế vì lý do kiểm dịch thực vật. New Zealand tuân thủ lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc cấm nhập khẩu hàng hóa từ các nước bị xử phạt. Thông tin chi tiết có sẵn từ [Cục Hải quan](#) New Zealand:

Thuế nhập khẩu

Thuế nhập khẩu được tính trên giá giao hàng trên mạn tàu (FOB). Trong một số trường hợp, thuế được tính theo một tỷ lệ nhất định. Đôi khi, thuế được tính trên cơ sở kết hợp thuế giá hàng với tỷ lệ nhất định. Định giá hải quan trên giá FOB.

Mức thuế nhập khẩu xác định bởi phân loại hàng hoá trong Biểu thuế nhập khẩu là hệ thống hài hoà mô tả mã hàng hóa (HS). Cục Hải quan sẽ đưa ra một phán quyết trước về hàng hóa được dự định được xếp hàng/vận chuyển, có mô tả đầy đủ về hàng hóa được nộp (và nộp mẫu hàng, nếu yêu cầu) để xác định phân loại hải quan. Quy định là bắt buộc, nhưng Cục Hải quan không chịu trách nhiệm đối với những thay đổi do tính trên các mức thuế suất khác nhau.

Hầu hết các dòng thuế có thuế suất từ 0 đến 10%. Các mức thuế suất cao áp dụng chủ yếu là quần áo, giày dép và thảm. Hầu hết, xe chở khách, phần mềm và phần cứng máy tính nhập khẩu được miễn thuế. Đồ uống có cồn (bia, rượu vang và rượu),



các sản phẩm thuốc lá và một số sản phẩm dầu mỏ phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như mức áp dụng cho các mặt hàng sản xuất trong nước.

Hàng nhập khẩu là đối tượng phải nộp thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) mức 15%. Thuế này được tính trên các giá trị hải quan của hàng hoá, cộng thuế, chi phí vận tải và bảo hiểm phát sinh trong quá trình vận chuyển đến New Zealand. Lệ phí nhập khẩu là 18 NZ\$ trên mỗi lô hàng nhập khẩu. Miễn lệ phí đối với lô hàng nhập khẩu có giá trị dưới 1,000NZ\$. Thông tin về mã HS và thuế suất có thể tra cứu trên trang web của Cục Hải quan [tại đây](#).

4.6.5. Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn New Zealand quy định đối với các đối tượng gồm thiết kế, an toàn, thông số kỹ thuật, hiệu suất và chất lượng sản phẩm. Việc áp dụng các tiêu chuẩn là tự nguyện, nhưng buộc tuân thủ đúng quy định theo luật. Sự hợp chuẩn này có thể là một yếu tố quan trọng trong xúc tiến bán hàng và chứng nhận sản phẩm (mang dấu "S"). New Zealand sử dụng hệ mét và kilogram trong cân đo, đo lường. Cục Tiêu chuẩn New Zealand có mã nhận diện là NZS. Cục Tiêu chuẩn chung của Australia và New Zealand có mã nhận diện là AS/NZS.

New Zealand hợp tác với một số đối tác thương mại lớn trong công nhận lẫn nhau và thừa nhận các tiêu chuẩn:

i. Thỏa thuận công nhận lẫn nhau Xuyên Tas-man (Trans-Tasman Mutual Recognition Arrangement -TTMRA) giữa New Zealand và Australia hợp nhất tiêu chuẩn cả hai nước. Sản phẩm được bán nước này được bán hợp pháp ở nước kia, bất kể là có sự khác biệt về tiêu chuẩn hoặc quy định bán hàng liên quan khác.

ii. New Zealand có thỏa thuận Công nhận đánh giá sự phù (NZ -EU MRA) đối với mức Conformité Européenne (CE) với Liên minh châu Âu. Thỏa thuận Đánh giá sự phù hợp NZ-EU MRA cho phép các nhà xuất khẩu đánh giá sự phù hợp (kiểm tra, thanh tra và cấp giấy chứng nhận) với tiêu chuẩn ở các nước đối tác trước khi hàng hóa được xếp hàng lên tàu. Thỏa thuận này không xem xét các tiêu chuẩn của cả hai bên là tương đương, nhưng đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận ở mỗi nước có thẩm quyền đánh giá theo các tiêu chuẩn của bên kia.

Các cơ quan quản lý tiêu chuẩn

Hội đồng Tiêu chuẩn New Zealand giám sát sự phát triển và áp dụng các tiêu chuẩn. Cục Tiêu chuẩn New Zealand (Standards New Zealand) là cơ quan tiêu chuẩn quốc



gia và đại diện cho New Zealand trong Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) và Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC).

Nhận thức được mối quan hệ chặt chẽ giữa hai nền kinh tế, tiêu chuẩn New Zealand hợp tác chặt chẽ với các tiêu chuẩn Australia để phát triển tiêu chuẩn Australia-New Zealand (ANZS) dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế ở mức độ rộng. Hiệp định hợp tác tích cực với các tiêu chuẩn Australia cũng nhằm đáp ứng nghĩa vụ cả hai quốc gia theo tiêu chuẩn của WTO.

Đảm bảo hợp chuẩn được quy định qua các sản phẩm, dịch vụ, chất lượng và dịch vụ chứng nhận môi trường, ví dụ như: Nhãn QAS- Nhà cung cấp Chất lượng Đảm bảo chứng tỏ rằng một công ty cam kết chất lượng, đảm bảo khách hàng có một hệ thống đảm bảo chất lượng hiệu quả được đặt ra. QAS được xác nhận qua sự giám định độc lập để đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng New Zealand SASISO 9000. Trong lĩnh vực nông nghiệp có ít nhất hai tổ chức cung cấp dịch vụ chứng nhận hữu cơ cho các nhà sản xuất thực phẩm.

- AsureQuality là chứng nhận hữu cơ cho các nhà sản xuất và chế biến sản phẩm hữu cơ bởi Trung tâm chứng nhận kinh doanh CertNZ. Trung tâm này thực hiện đánh giá độc lập, phân tích và đảm bảo chất lượng cho các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm, lâm nghiệp và thực vật. Các tiêu chuẩn hữu cơ AsureQuality được xây dựng dựa trên Codex quốc tế Alinorm 99/22, Quy định của EU và các tiêu chuẩn quốc gia của Australia.
- BIO-GRO New Zealand là hoạt động kinh doanh của tổ chức phi lợi nhuận các nhà sản xuất sinh học New Zealand và Tập đoàn Hội đồng người tiêu dùng. BIO-GRO là nhãn hiệu đã đăng ký và phát triển thiết lập riêng của các tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tổ chức được công nhận như là một thành viên của Liên đoàn Quốc tế về nông nghiệp hữu cơ (IFOAM), có trụ sở tại Đức.

Một bộ các tiêu chuẩn an toàn áp dụng đối với khí và thiết bị điện tiêu dùng. Cục Dịch vụ An toàn Năng lượng (ESS) là một bộ phận của Bộ tiêu dùng, phát triển và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế công nhận các hệ thống điện, gas an toàn của New Zealand. Nhãn Hợp chuẩn Mark, hay RCM, cho biết thiết bị là phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn liên quan.

4.7. Luật Hợp đồng

Luật Hợp đồng quy định khá lỏng lẻo và cho phép các bên ký kết hợp đồng có quyền tự do đáng kể trong quá trình thỏa thuận.





Hầu hết các hợp đồng có thể được thỏa thuận bằng miệng. Các hợp đồng liên quan đến đất đai, thế chấp, bảo đảm tiêu dùng mở rộng, hợp đồng tín dụng kín hoặc các thỏa thuận về lao động, tất cả đều thể hiện bằng văn bản. Một số hợp đồng có thể được bổ sung bằng các thuật ngữ quy định trong các luật khác nhau, ví dụ, Luật Bán hàng 1908 (The Sale of Goods Act 1908) quy định các điều kiện khác nhau đưa vào hợp đồng mua bán hàng hóa thương mại trừ khi các bên có ý khác. Các phần luật khác áp dụng cho mọi hợp đồng gồm:

i. Luật Hợp đồng Trẻ vị thành niên 1969 (Minors' Contracts Act 1969), trong đó bảo vệ trẻ vị thành niên (người dưới 18 tuổi) khai thác thương mại. Một hợp đồng với trẻ vị thành niên không thể được thi hành đối với trẻ vị thành niên, tính tới ngoại lệ cụ thể nhất định và theo quyết định của tòa án

ii. Luật Các biện pháp hợp đồng 1979 (the Contractual Remedies Act 1979), trong đó cho phép một bên hủy bỏ một hợp đồng đối với đại diện sai (nếu tiêu chuẩn quy định là đáp ứng được) và bồi thường thiệt hại. Tòa án cũng có quyền cấp các loại cứu trợ theo Luật, và

iii. Luật Hợp đồng bất hợp pháp 1970 (the Illegal Contracts Act 1970), trong đó khẳng định vị trí pháp luật phổ biến mà các hợp đồng đó là bất hợp pháp theo pháp luật hoặc vốn cổ phần sẽ không có hiệu lực và cho phép tòa phán quyết việc thực hiện một loạt các lệnh bao gồm cả việc sửa đổi hợp đồng. Phù hợp với các thể chế tương tự khác, hạn chế bất hợp lý của thương mại là một trong những ví dụ về một hợp đồng bất hợp pháp.

iv. Luật Sai trái trong Hợp đồng 1977 quy định tòa án có giải pháp hỗ trợ như hủy bỏ hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng hoặc đặt hàng để bồi thường, trong một số trường hợp hạn chế, một bên có thể đưa vào hợp đồng hậu quả của sai lầm thực tế. Không có bất kỳ luật hoặc quy định riêng nào đối với các hợp đồng liên quan đến các tổ chức nước ngoài.

v. Luật Giao dịch điện tử 2002 đưa chữ ký điện tử có vị trí pháp lý tương tự như chữ ký giấy, với điều kiện công nghệ được sử dụng chữ ký điện tử đáp ứng các tiêu chuẩn theo luật định về độ tin cậy, khả năng truy xuất nguồn gốc và phát hiện giả mạo. Giấy Ủy Quyền, di chúc và các hình thức di chúc khác, công cụ chuyển nhượng và vận đơn không thuộc quy định của luật.



4.8. Sở hữu trí tuệ

Luật sở hữu trí tuệ của New Zealand có sự kế thừa và tham khảo từ luật của Anh nhưng chịu ảnh hưởng bởi những cải cách gần đây theo quy định của Hiệp định TRIPS và nghĩa vụ trong WTO.

Bản quyền--Luật Bản quyền (The Copyright Act) bảo vệ sự độc quyền trong việc:

- Sao chép một tác phẩm (bao gồm, trong mối quan hệ với một số công trình, lưu trữ các công việc trong bất kỳ môi trường bằng bất kỳ phương tiện)
- Vấn đề bản sao tác phẩm tới công chúng
- Biểu diễn, thực hiện hoặc thể hiện công trình nhất định trong công chúng
- "Phổ biến" công trình/ tác phẩm
- Làm cho một sự thích nghi của công trình/tác phẩm, và
- Ủy quyền cho một bên khác để làm bất kỳ ở trên.

Các công trình/tác phẩm là đối tượng bảo vệ quyền tác giả gồm:

- Tác phẩm văn học (bao gồm cả các chương trình máy tính)
- Tác phẩm sân khấu
- Tác phẩm nghệ thuật (trong đó có thể bao gồm các bản vẽ, khuôn mẫu, thuốc nhuộm, vv cho các mặt hàng thực dụng như máy móc hoặc quần áo)
- Tác phẩm âm nhạc
- Bản ghi âm, và
- Phim và chương trình phát sóng, trong đó có trên Internet.

Để hội đủ điều kiện được bảo vệ thì công trình/tác phẩm phải là "gốc".

Theo Công ước Berne (mà New Zealand đã ký) bản quyền được xác lập ngay sau khi công trình được tạo ra. Công trình không cần phải đăng ký để được bảo vệ.

Quyền tác giả trong tác phẩm văn học, kịch, âm nhạc và nghệ thuật nói chung được bảo hộ kéo dài bằng cuộc đời tác giả cộng thêm 50 năm. Không giống như ở một số



nước, không có rào cản gì trong Luật Bản quyền New Zealand chống lại bảo vệ cho các công trình nghệ thuật công nghiệp. Tuy nhiên, thời hạn bản quyền đối với tác phẩm ba chiều công nghiệp thường là 16 năm. Bảo vệ "công trình của nghề thủ công nghệ thuật" kéo dài 25 năm. Đối với các công trình khác, bản quyền thường kéo dài 50 năm.

Biểu diễn công chúng là dạng có thể là đối tượng bảo hộ riêng biệt trong những hoàn cảnh nhất định để biểu diễn (nhưng không phải trong việc thực hiện các hoạt động thể thao). Ngoài ra, Luật Bản quyền bảo vệ "quyền đạo đức", (tùy thuộc vào từng trường hợp) có thể bao gồm: Theo luật Bản quyền (The Copyright Act), quyền nhân thân không thể chuyển nhượng.

Bằng sáng chế

Luật Bằng sáng chế (the Patents Act 2013) thể hiện sự phù hợp của luật New Zealand so với các đối tác thương mại chính.

Việc cấp bằng sáng chế cho phép chủ sở hữu để ngăn chặn người khác khai thác (ví dụ bằng cách sử dụng hoặc bán) một phát minh sáng chế trong 20 năm kể từ ngày cấp bằng sáng chế.

Một ngoại lệ cho phép các bên thứ ba để làm những việc "hợp lý liên quan đến" cho sự phát triển và nộp thông tin cần thiết theo luật New Zealand, hoặc pháp luật của nước khác, điều chỉnh việc khai thác các sản phẩm.

Một bằng sáng chế sẽ được cấp mà Ủy Bằng sáng chế được hài lòng "về sự cân bằng của xác suất" mà các ứng dụng đáp ứng các yêu cầu theo pháp luật. Điều quan trọng nhất trong số này là rằng sáng chế đáp ứng một thử nghiệm mới lạ phổ quát hoặc tuyệt đối và liên quan đến trình độ sáng tạo (có nghĩa là nó không phải là "hiển nhiên").

Một số điều được loại trừ cấp bằng độc quyền, bao gồm cả các phương pháp điều trị y tế của con người bằng cách phẫu thuật hoặc điều trị, một phương pháp chẩn đoán thực hành trên con người, và phát minh việc khai thác thương mại trong đó sẽ trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức.

"Phần mềm nhúng" có thể được cấp bằng sáng chế. "Swiss-type" tuyên bố bằng sáng chế trong lĩnh vực dược phẩm là có thể.

Các thủ tục được mở cho các bên thứ ba muốn phản đối hay phản đối một bằng sáng chế, cả trước và sau khi cấp. Chúng bao gồm các quy định để kiểm tra lại.



Kiểu dáng công nghiệp

Kiểu dáng công nghiệp mới và ban đầu là thể đăng ký dưới Designs Act 1953 nếu họ hình dáng, cấu hình, mô hình, hoặc đồ trang trí có sức hấp dẫn thị giác. Tuy nhiên, bởi vì luật bản quyền bảo vệ kiểu dáng công nghiệp áp dụng công trình nghệ thuật và tác phẩm ở New Zealand, một số doanh nghiệp dựa vào sự bảo hộ bởi Luật Bản quyền (mặc dù có lợi thế để đạt được bảo vệ đăng ký theo Luật Designs Act. Theo Luật (the Designs Act), thời hạn bảo hộ ban đầu là 5 năm, gia hạn lần hai cho 5 năm nữa.

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng hoá có thể được đăng ký theo Luật Nhãn hiệu Thương mại 2002 (đối với hàng hóa và dịch vụ). Khi một thương hiệu được đăng ký, chủ sở hữu có quyền độc quyền sử dụng nhãn hiệu thương mại liên quan đến hàng hóa và/hoặc dịch vụ mà nó đã được đăng ký.

Luật cho phép quảng cáo liên quan đến nhãn hiệu thương mại đã đăng ký, trừ trường hợp quảng cáo là "không công bằng" đối với danh tiếng của nhãn hiệu. Luật cũng quy định hình thức "chống làm loãng" giá hoặc chủ phần để ngăn chặn việc sử dụng không lành mạnh của các nhãn hiệu nổi tiếng đã đăng ký liên quan đến hàng hóa và dịch vụ không giống những nhãn hiệu được đăng ký. Nhãn hiệu liên quan đến ngôn ngữ Māori hoặc biểu tượng phải được giới thiệu đến một ủy ban đặc biệt để xem xét trước khi họ có đủ điều kiện để đăng ký.

Nghị định thư Madrid cho phép ứng dụng thương hiệu đa quốc gia.

Chỉ dẫn địa lý (GI)

Bộ Đối mới DN và việc làm (MBIE) đang dự thảo Quy chế đăng ký 2016 Chỉ dẫn địa lý (Rượu và Spirits) "Quy chế" với dự kiến chương trình đăng ký sẽ có hiệu lực vào ba hoặc tháng 4 năm 2017. 02 điểm:

Có hai loại GI có thể được đăng ký là GI New Zealand và GI nước ngoài. GI New Zealand đòi hỏi một số lượng lớn các thông tin hỗ trợ xác định các chỉ dẫn địa lý, Trong khi đó, GI nước ngoài có thể được đăng ký tại New Zealand, nơi có một GI tương ứng được công nhận ở nước xuất xứ. Đăng ký GI nên đơn giản và dựa trên các đăng ký tại nước xuất xứ.



(i) Quy tắc 85% (85% sản phẩm phải chứa rượu vang có nguồn gốc từ khu vực đăng ký GI) có thể sẽ tăng lên 90% hoặc cao hơn. Đây là một yêu cầu tối thiểu, giống như hệ thống đăng ký GI tại EU và Úc.

(ii) Thời gian đăng ký ban đầu là 5 năm kể từ ngày đăng ký, cho phép một GI đăng ký với thời hạn 10 năm, có thể gia hạn thời gian thêm 10 năm.

Tên công ty

Một tên công ty sẽ không được chấp nhận nếu nó là giống hệt nhau (hoặc gần giống) với một tên công ty hiện có. Đăng ký một công ty hoặc đặt tên công ty cung cấp cho không có quyền sử dụng tên như một thương hiệu, và không cung cấp bảo vệ để xâm phạm quyền nhãn hiệu thương mại của bên thứ ba. (Đây cũng là trường hợp liên quan đến tên miền.)

Tên miền

Tên miền ".co.nz" và ".govt.nz" là thực thể đăng ký tại New Zealand. New Zealand bảo vệ doanh nghiệp chống lại các mạng giả danh dựa trên các nguyên tắc ở Anh và Hoa Kỳ. Ngoài ra, dịch vụ giải quyết tranh chấp được thực hiện bởi Ủy ban tên miền, tương tự như các dịch vụ Nominet ở Anh.

Chế tài Giả danh hàng hóa, dịch vụ

Chế tài Giả danh hàng hóa, dịch vụ nhằm bảo vệ lợi thế kinh doanh và thường được sử dụng cho việc bảo hộ nhãn hiệu thương mại (đã hoặc chưa đăng ký), tên, logo, thiết kế bao bì và hình dạng. Các nguyên tắc tương tự như của Anh và luật chung của Australia.

Nhập khẩu song song- hay thị trường nhập khẩu xám

Các nhà nhập khẩu có thể nhập khẩu hàng hóa được bán hợp pháp từ nước ngoài mà không vi phạm bản quyền của các nhà phân phối "chính thức" ở New Zealand, hay nhà sản xuất nước ngoài. Tuy nhiên, việc cấm nhập khẩu hàng hoá vi phạm bản quyền, không có sự đồng ý của chủ sở hữu bản quyền, vẫn còn hiệu lực. Việc nhập khẩu song song các bộ phim được giới hạn trong thời gian lên đến chín tháng sau khi phát hành quốc tế đầu tiên của họ.

Bí mật thông tin



Pháp luật New Zealand bảo vệ thông tin bí mật liên quan đến bí mật thương mại, chẳng hạn như phương pháp kinh doanh và quy trình công nghiệp. Cũng như chế tài giả danh, những nguyên tắc tương tự về bảo mật thông tin được tham khảo từ luật của Anh và Australia. Thỏa thuận không tiết lộ (NDAs) là hữu ích cho việc cung cấp quyền theo hợp đồng để ngăn chặn việc tiết lộ thông tin bí mật và có thể được sử dụng để bổ sung các quyền phổ biến pháp luật.

4.9. Mua sắm chính phủ

New Zealand đã loại bỏ các rào cản đối với các hợp đồng đấu thầu và thắng thầu mua sắm chính phủ của nước ngoài. Mua sắm Chính phủ theo nguyên tắc giá trị tốt nhất thông qua cạnh tranh. Không có chính sách ưu đãi trong nước hoặc phân biệt đối xử với các nhà cung cấp nước ngoài. Chính phủ khuyến khích tạo “cơ hội đầy đủ và công bằng” cho các nhà cung cấp trong nước.

Các quyết định mua sắm được thực hiện tại bộ phận hoặc cơ quan có nhu cầu và ngân sách mua sắm. Thông tin mua sắm cho các cơ quan chính phủ có thể được tìm thấy trên trang web của các cơ quan đó.

Cơ quan Mua sắm Chính phủ New Zealand (NZGP) thuộc MBIE có chức năng định hình mua sắm chính phủ, khai thác sức mua tập thể thông qua hợp đồng hợp tác của Chính phủ, tạo thuận lợi trong hoạt động kinh doanh mua sắm Chính phủ, nâng cao kỹ năng thuuwong mại và sử dụng mua sắm để hỗ trợ cho các ưu tiên có thể của Chính phủ. NZGP phối hợp với các cơ quan chính phủ để thúc thực hành đầy mua sắm tốt nhất và lựa chọn nhà cung cấp.

Dịch vụ Mua sắm Chính phủ Điện tử (GETS) là dịch vụ dựa trên web miễn phí cho phép khai thác thông tin về các cơ hội đấu thầu mua sắm chính phủ. Nó được thiết kế để thúc đẩy cạnh tranh, công bằng trên thị trường mua sắm chính phủ và đáp ứng các cam kết thỏa thuận thương mại quốc tế để cung cấp thông tin cơ hội kinh doanh mua sắm chính phủ của New Zealand.

GETS cho phép khu vực công công khai quảng cáo cơ hội đấu thầu, quản lý quá trình đấu thầu và bất kỳ thông tin liên quan đến đấu thầu một cách minh bạch và an toàn. Tất cả các cơ quan hành chính công, kể cả chính quyền địa phương, được khuyến khích để công bố thông tin trên GETS.





4.10. Lao động và việc làm

- New Zealand có lực lượng lao động có tay nghề cao trong xây dựng và sản xuất nhưng đã có một sự thay đổi dài hạn trong ngành dịch vụ
- Hệ thống phúc lợi xã hội nhà nước sử dụng thuế chi cho các chi phí bệnh tật, thất nghiệp, tàn tật và nghỉ hưu
- New Zealand quy định về lương/tiền công tối thiểu

Tiền công- Thu nhập trung bình hàng tuần cho tiền công và thu nhập đối với người làm việc toàn thời gian khoảng NZ\$ 1,200.00/tuần

Lương tối thiểu - Từ ngày 01/04/2016, mức lương tối thiểu (trước thuế) áp dụng cho người lao động từ 16 tuổi trở lên là 15,25 \$/giờ (tức \$ 610 cho một tuần làm việc 40 giờ). Mức này áp dụng cho người mới tuyển dụng (độ tuổi 16 và 17 của những người mới lao động) và mức tối thiểu trong quá trình đào tạo là \$ 12,20/giờ (488 \$/một tuần 40 giờ). Người lao động được trả lương tối thiểu tính theo số giờ lao động.

Loại tiền công tối thiểu	Mức theo giờ	8h/ngày	40h/tuần
Người lớn	\$15.25	\$122.00	\$610.00
Khởi nghiệp	\$12.20	\$97.60	\$488.00
Đào tạo	\$12.20	\$97.60	\$488.00

Theo luật, người sử dụng lao động phải trả lương tối thiểu - thậm chí nếu có tính mức trả hoa hồng hoặc bằng tỷ lệ phần doanh thu. Mức lương tối thiểu áp dụng cho tất cả công nhân từ 16 tuổi trở lên, lao động tạm thời và bán thời gian.

Phúc lợi xã hội- Không có đóng góp bắt buộc được thực hiện bằng cách sử dụng lao động hoặc người lao động để tài trợ an sinh xã hội. Phúc lợi xã hội toàn diện của New Zealand được tài trợ thông qua thuế nói chung.

Lương hưu- Không có tiết kiệm hưu trí bắt buộc ở New Zealand , mặc dù KiwiSaver là chế độ hưu trí tự nguyện đòi hỏi đóng góp bắt buộc từ sử dụng lao động là 2% của tiền lương hoặc tiền lương gộp của nhân viên nơi các nhân viên là thành viên đã đăng ký của một chương trình KiwiSaver. Ngoài KiwiSaver, nhiều nhà tuyển dụng trả tiền đóng góp hưu bổng cho nhân viên của họ. Sử dụng lao động và người lao



đóng đóng góp thường được nộp vào một quỹ hưu trí tài sản trong số đó được giữ tách biệt với tài sản của chủ nhân. Đóng góp sử dụng lao động nói chung là đối tượng chịu thuế đóng góp chủ nhân hưu bổng (ESCT) thuế suất cận biên của nhân viên.

Phúc lợi- lợi ích không bằng tiền phải chịu thuế Benefit Fringe (FBT), mà là do người sử dụng lao động và không phải là nhân viên. Ví dụ về các lợi ích chịu FBT gồm các loại xe có động cơ được cung cấp bởi nhà tuyển dụng có sẵn để sử dụng cá nhân, cung cấp y tế tư nhân, vay vốn với lãi suất ưu đãi về quyền lợi, và trợ cấp hàng hóa hoặc giảm giá miễn phí và dịch vụ.

Hạn chế đối với công dân nước ngoài.

Yêu cầu đối với cá nhân phải có thị thực hoặc giấy phép khi đến làm việc tại New Zealand, trừ khi họ là:

- Công dân (Citizen) New Zealand hoặc cư dân thường trú (Resident) hay thường trú dài hạn (Permanent Resident) tại New Zealand.
- Công dân Australia hoặc cư dân Australia
- Theo yêu cầu tổ chức có giấy phép để được ở New Zealand.

Thị thực việc làm chia theo các tiêu chí khác nhau dựa trên cơ sở tạm thời hoặc lâu dài. Một người có thể đủ điều kiện được cấp visa làm việc tạm thời, nếu:

- Có lời mời làm việc từ nhà tuyển dụng New Zealand
- Có mục đích cụ thể hay sự kiện cần phải đến New Zealand làm việc
- Là sinh viên hoặc thực tập sinh người muốn làm việc tại New Zealand
- Muốn tham gia vào một đối tác tại New Zealand, làm việc và đáp ứng một số tiêu chí khác.

Nhân viên chủ chốt của một doanh nghiệp muốn chuyển hoạt động của mình đến New Zealand sẽ đủ điều kiện xin thị thực làm việc, và sau đó có thể thường trú, theo loại hình lao động thuộc doanh nghiệp định cư.



Người tuyển dụng lao động tại New Zealand muốn tuyển dụng người nước ngoài phải cung cấp bằng chứng rằng hiện lực lượng lao động tại New Zealand không đáp ứng thích hợp được công việc đó. Tham khảo thêm [tại đây](#).

Quy chế bảo vệ người lao động.

Luật Quan hệ Việc làm 2000 điều chỉnh việc đàm phán, nội dung và thực thi các thỏa thuận về tuyển dụng việc làm và một số quyền lợi bảo vệ người lao động. Mục tiêu của luật này bao gồm:

- Thúc đẩy các giao dịch tốt đức tin và cuộc đàm phán giữa các nhà tuyển dụng, và người lao động và công đoàn của họ
- Thúc đẩy thương lượng và bảo vệ sự lựa chọn của cá nhân và tập thể
- Thúc đẩy hòa giải trong giải quyết tranh chấp trong ưu tiên cho sự can thiệp của tư pháp
- Thực hiện các nguyên tắc cơ bản công ước của Tổ chức Lao động quốc tế về tự do lập hội, quyền tổ chức và thương lượng tập thể.

Ngoài Luật lao động, còn có các quy định điều chỉnh từ các luật như: Luật ngày nghỉ lễ 2003, luật bảo vệ việc làm năm 1987, Luật Tiền lương tối thiểu năm 1983, Luật Tiền lương Bảo vệ năm 1983, Luật Chi trả bình đẳng 1972, quy định Sức khỏe và An toàn trong Luật Việc làm năm 1992 và Luật quyền con người năm 1993.

4.11. Các biện pháp phòng vệ thương mại

Thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng

Với việc loại bỏ kiểm soát nhập khẩu và giảm thuế quan, hàng nhập khẩu có thể cạnh tranh với hàng sản xuất trong nước. Trong điều kiện tự do hóa thương mại, chính phủ New Zealand đã có những biện pháp bảo vệ doanh nghiệp và các ngành sản xuất trong nước trong việc đối diện với các nguy cơ thiệt hại bởi cạnh tranh không lành mạnh từ các nhà cung cấp nước ngoài.

Luật Thuế Chống bán Phá giá và Thuế Đối kháng 1988 được ban hành để điều chỉnh việc bán phá giá sản phẩm trên thị trường. Luật này được sửa đổi dựa trên các Hiệp định của WTO về "thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp". Chính phủ giao Ủy ban Thương mại quyền điều tra và phán quyết áp thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu có nguy cơ gây thiệt hại đối với ngành công nghiệp nội địa. Tuy



nhien, trên thực tế, số lượng các vụ áp thuế chống bán phá giá ở New Zealand là tương đối ít.

4.12. Giải quyết tranh chấp

- New Zealand có hệ thống thông luật và tư pháp độc lập.
- New Zealand có hệ thống tòa án từ tòa án cấp quận đến Tòa án Thượng thẩm, Tòa Phúc thẩm và Tòa án Tối cao.
- Tranh chấp dân sự thường được giải quyết bằng thương lượng hoặc hòa giải giữa các bên.

Giải quyết tranh chấp đối với các tranh chấp dân sự

Tranh chấp dân sự thường được giải quyết bằng đàm phán trực tiếp giữa các bên hoặc hòa giải. Giải pháp này có thể tiến hành bất cứ lúc nào, trước hay sau phán quyết trong vụ kiện tụng, nhưng thường xuyên nhất là diễn ra trước phiên tòa (hoặc, một số trường hợp, ngay sau khi phiên tòa bắt đầu). Đó là một yêu cầu đối với nhiều thủ tục tố tụng dân sự tại Tòa án Quận rằng các bên đầu tiên tham dự một cuộc hòa giải quyết tư pháp trước khi một phiên tòa được định.

Tranh chấp dân sự cũng có thể được giải quyết bằng trọng tài riêng, theo quy định của Luật Trọng tài 1996 (luật này dựa trên Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế được thông qua bởi Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế). Một số hợp đồng cung cấp cho trọng tài trong trường hợp có tranh chấp, nhưng các bên cũng có thể thỏa thuận để trọng tài phân xử sau khi tranh chấp đã phát sinh.

Giải quyết tranh chấp quốc tế

New Zealand ủng hộ mạnh mẽ đối với thương mại tự do và là một bên ký kết một số hiệp định thương mại và đầu tư. Nhiều thỏa thuận đều đã đề cập tới các cơ chế giải quyết tranh chấp nhà đầu tư nhà nước, kể cả hiệp định TPP.

Các công ty luật tại New Zealand tư vấn cho doanh nghiệp trên tất cả các khía cạnh của các hiệp định thương mại và đầu tư quốc tế, kể cả tranh chấp giải quyết thông qua các cơ cấu được quy định bởi những hiệp định, thỏa thuận thương mại đó. Theo nhiều nhận định cá nhân, các công ty ngày càng thích trọng tài thương mại quốc tế là cơ chế để giải quyết tranh chấp hợp đồng. Các công ty tư vấn luật có thể hỗ trợ trong việc soạn thảo điều khoản trọng tài và thường xuyên hoạt động trong trọng tài thương mại quốc tế.



4.13. Phá sản

- Cho dù bạn đang bắt đầu một doanh nghiệp mới, đầu tư vào một doanh nghiệp hiện có, hoặc giao dịch với các bên New Zealand khác - luôn có một nguy cơ là bị vỡ nợ.
- Receiverships/quyền thụ lý/ trách nhiệm quản lý tài sản, thanh lý và quản trị tự nguyện là những thủ tục phá sản chính thức phổ biến nhất được sử dụng cho các công ty ở New Zealand.
- Khả năng của một chủ nợ sử dụng các chế độ phá sản khác nhau phụ thuộc vào bản chất của các khoản nợ họ có, cho dù có được bảo đảm hoặc không.

Phải mất 16 tháng để giải quyết phá sản, với tỷ lệ thu hồi trung bình khoảng 83%.

Thanh toán nợ (thanh lý)

Thanh lý viên được bổ nhiệm vào công ty vỡ nợ làm cổ đông của công ty đó (thường là đa số 75% là cần thiết), hoặc Tòa án, dựa trên đơn của chủ nợ. Nhiệm vụ chính của thanh lý viên là sơ hữu, bảo vệ, nhận ra và phân phối tài sản công ty (hay tiền thu được từ việc bán tài sản) để trả cho các chủ nợ của công ty. Thanh lý viên có quyền theo luật định để khoanh lại những thanh toán ưu đãi được thực hiện bởi các công ty trong thời hạn hai năm trước thanh lý, hoặc thanh toán tại mức giá thấp hơn. Thanh lý viên sau đó sẽ trả cho chủ nợ. Người lao động và Cục Thuế nội địa (đối với một số loại thuế) là hai đối tượng được ưu tiên thanh toán trước khi các chủ nợ. Quá trình thanh lý không hạn chế các chủ nợ có bảo đảm thực hiện các quyền đối với tài sản được bảo đảm. Báo cáo của thanh lý viên được công bố công khai trực tuyến của Cơ quan Đăng ký Doanh nghiệp.

Trách nhiệm thu hồi tài sản (Receiverships)

Người thu nợ có Trách nhiệm thu hồi tài sản của công ty để trả nợ các chủ nợ có bảo đảm. Họ có quyền điều hành quản lý công ty và phán quyết về tài sản. Người thu nợ chỉ bị hạn chế nhiệm vụ đối với các bên khác, như chủ nợ không có bảo đảm. Thông thường, người thu nợ được chỉ định bởi một chủ nợ có bảo đảm đối với tài sản của công ty, mặc dù chỉ định có thể hơn một tài sản cá nhân. Một quyền bằng hợp đồng bổ nhiệm người thu nợ là cần thiết. Cổ đông hay các giám đốc công ty không thể chỉ định một người thu nợ, nhưng có thể đề nghị một chủ nợ có bảo đảm bổ nhiệm một người thu nợ.



Người thu nợ không phải là đại lý của các chủ nợ đã bỏ nhiệm họ. Thay vào đó, ngoại trừ trong các công ty thanh lý, họ là đại lý của công ty. Báo cáo của người thu nợ được công bố công khai trực tuyến.

4.14. Tiếp thị trực tiếp

Tiếp thị trực tiếp là một kênh bán hàng phổ biến. Hiệp hội Tiếp thị trực tiếp New Zealand ước tính rằng tiếp thị trực tiếp hiện nay là một ngành có doanh thu \$1,5 tỷ, được thúc đẩy nhờ sự phát triển của mạng Internet. Thành viên của Hiệp hội bao gồm hơn 500 công ty.

Việc bãi bỏ quy định và tư nhân hóa hệ thống bưu chính của New Zealand (NZPost) đã mở ra cạnh tranh cho dịch vụ gửi thư báo. NZ Post cung cấp các dịch vụ chuẩn từ chuyển phát, thư báo, xử lý dữ liệu, thanh toán không dung tiền mặt, hàng ngoại quan cho đến dịch vụ chuyển tiền. Các công ty tư nhân cũng cung cấp tất cả các dịch vụ ngoại trừ bưu phẩm thư báo.

Tiếp thị qua điện thoại (Tele-marketing) được sử dụng trong các hoạt động bán hàng trực tiếp, chỉ đạo điều hành, yêu cầu chuyên môn, dịch vụ khách hàng, điều tra, nghiên cứu, xác nhận đơn đặt hàng trước đó, việc ban hành thông điệp quảng cáo, xây dựng hình ảnh công cộng, xử lý tín dụng... với hệ thống điện thoại quay số đầu 0800.

Tương tự, tiếp thị trực tiếp thông qua thư điện tử đang tăng trưởng với tốc độ tương tự như ở nhiều thị trường phát triển nhưng cũng phải đối mặt với các vấn đề pháp lý như nhau về thư rác "spam".

5. Thuận lợi thương mại và một số vấn đề liên quan tới nhập khẩu

5.1. Nhập khẩu

Là một phần chính sách trên lộ trình nền kinh tế cạnh tranh quốc tế, New Zealand chuyển sang sử dụng thuế quan là biện pháp chính sách thương mại chính. Do đó bảo hộ thuế đã được tự do hóa đáng kể và nhập khẩu song song của hầu hết hàng hóa là được phép.

Chính sách của Chính phủ là giảm và đơn giản hóa thuế suất, mặc dù nhiều hàng nhập khẩu có mức thuế bằng không, mức thuế trên một số mặt hàng đặc biệt (quần áo và giày dép) vẫn còn khá cao so với tiêu chuẩn thế giới.



New Zealand là một thành viên của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) và là một bên ký kết các Hiệp định của WTO về hàng rào kỹ thuật trong thương mại, trợ cấp và thuế đối kháng, chống bán phá giá, định giá hải quan và sở hữu trí tuệ.

Phí và lệ phí nhập khẩu

Ngoài thuế quan, New Zealand không có thuế, lệ phí hoặc các khoản thu khác áp dụng riêng cho các sản phẩm nhập khẩu. Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) được trả trên hầu hết các hàng bán tại New Zealand và cũng được tính trên giá CIF của hàng nhập khẩu vào New Zealand.

Hàng nhập khẩu phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (gồm rượu, thuốc lá và các loại nhiên liệu) với mức thuế tương đương như hàng sản xuất trong nước.

Thuế GST thường phải nộp khi thông quan hàng hoá nhưng có thể nộp sau đó nếu nhà nhập khẩu tham gia vào các thoả thuận nộp thuế chậm với Cục Hải quan New Zealand.

Quy định đối với nhà nhập khẩu

Nhập khẩu phải được thông quan Hải quan toàn bộ lô hàng của doanh nghiệp và hàng hóa thương mại. Để nộp đơn thông quan, nhà nhập khẩu phải đăng ký với Cục Hải quan để có Mã số Định danh Nhà nhập khẩu (a Unique User Identifier) và đăng ký với hệ thống thương mại điện tử được áp dụng đối với một số hàng hóa gồm sản phẩm nông nghiệp, hóa chất, thực phẩm và thuốc men, có thể phải có giấy phép nhập khẩu bổ sung hoặc đăng ký với các cơ quan liên quan của Chính phủ.

Cấm nhập khẩu

Việc cấm và hạn chế được quy định theo thời gian để bảo vệ cộng đồng, môi trường và kinh tế và thực thi theo thoả thuận các nghĩa vụ quốc tế. Lệnh cấm và hạn chế quy định tại Luật Hải quan và Thuế năm 1996, hoặc quy định quản lý chuyên ngành bởi các cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm kiểm soát đặc biệt.

Ngoài ra, với lý do cụ thể có thể đưa ra lệnh cấm, ví dụ từ 01/10/2016, New Zealand cấm nhập khẩu các sản phẩm có chứa amiăng, trừ khi các nhà nhập khẩu có giấy phép cho các lô hàng do Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) cấp. Lệnh cấm nhập khẩu đã được công bố tại Lệnh cấm 2016 đối với xuất nhập khẩu (sản phẩm chứa amiăng) quy định trong Luật Xuất nhập khẩu năm 1988 (Phần hạn chế) Tuy nhiên, ngoại lệ là nếu các sản phẩm được nhập khẩu chỉ duy nhất cho mục đích xuất khẩu



(tạm nhập, tái xuất) và chịu sự kiểm soát của Hải quan (quy định tại Điều 20 của Luật Hải quan và Thuế 1996) ở bất kỳ thời điểm nào khi nó đang ở trên đất New Zealand. Theo đó, EPA cấp giấy phép khi đáp ứng một trong những điều sau: (i) không có sản phẩm thay thế cho sản phẩm có chứa amiăng; (ii) chi phí việc sử dụng một sản phẩm thay thế, không chứa amiăng là cao bất hợp lý so với nguy cơ phơi nhiễm từ các sản phẩm có chứa amiăng; và (iii) sản phẩm được sử dụng chỉ duy nhất cho mục đích nghiên cứu và phát triển (R&D) hoặc giảng dạy.

Người nộp đơn cũng phải đáp ứng các yêu cầu của EPA về quản lý đầy đủ và chặt chẽ nguy cơ tiếp xúc với sản phẩm có chứa amiăng. Ngoài ra, EPA có thể áp đặt bất cứ điều kiện về giấy phép cho là thích hợp. Các lệ phí nộp đơn là NZ \$650 (chưa kể thuế GST) và phải được thanh toán khi nộp hồ sơ. Nếu thời gian thực hiện để xử lý giấy phép kéo dài trên 2,5 giờ, người nộp phải trả thêm phí giám định bổ sung là \$116/1 giờ (không bao gồm thuế GST). Lệ phí bổ sung này sẽ được thông báo với người nộp đơn trước khi hóa đơn được phát hành.

Tham khảo thông tin và danh mục các mặt hàng cấm và hạn chế nhập khẩu vào New Zealand [tại đây](#).

5.2. Quy tắc xuất xứ

ECertify/ Chứng nhận điện tử

ECertify là một hệ thống trực tuyến được sử dụng bởi các Phòng Thương mại, nhà xuất khẩu và đại lý giao nhận hàng hóa. ECertify cho phép xử lý Giấy chứng nhận xuất xứ từ các máy tính (tương tự Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet, được thực hiện trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử eCoSys quy định tại QĐ số 2412/QĐ- BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương). ECertify hiện được xử lý bởi các phòng thương mại khu vực.

C/O giáp lưng trong các FTAs

Hàng trung chuyển qua New Zealand không được coi như nguồn gốc NZ và sẽ tiếp tục giữ xuất xứ của nước sản xuất. Tuy nhiên, New Zealand vẫn cấp C/O cho hàng tạm nhập tái xuất, kể cả hàng gửi kho ngoại quan, với điều kiện phải có một sự thay đổi đáng kể về chất lượng để đủ điều kiện là hàng có nguồn gốc New Zealand và phải đáp ứng các quy tắc cụ thể tùy thuộc vào loại sản phẩm.

Theo Hiệp định AANZFTA, New Zealand có chứng nhận C/O giáp lưng cho các lô hàng tạm nhập, tái xuất sang nước trong HĐ căn cứ vào C/O gốc của nước sản xuất,



không kể thương nhân có đăng ký kinh doanh và hiện diện tại NZ hay không, với điều kiện là hàng hóa đó không tiếp tục chế biến tại New Zealand trừ các hoạt động như đóng gói lại, xếp dỡ, bảo quản hay các hoạt động cần thiết để duy trì hàng hóa trong điều kiện và vận chuyển tốt.

5.3. Rào cản Kỹ thuật trong thương mại

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)

Quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn sản phẩm có thể thay đổi từ nước này sang nước khác. Có nhiều quy định và tiêu chuẩn khác nhau rào cản đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu, nhất là các chi phí liên quan đến tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn khác nhau. Nếu quy định được thiết lập tùy tiện, chúng có thể được sử dụng như một hàng rào bảo hộ.

New Zealand là một quốc gia vào Hiệp định (WTO) của Tổ chức Thương mại Thế giới về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT). Hiệp định TBT có nghĩa vụ tìm cách đảm bảo rằng các quy định, tiêu chuẩn, kiểm tra và chứng nhận thủ tục này không tạo ra những trở ngại không cần thiết đối với thương mại.

Là một thành viên của WTO, New Zealand vận hành Điểm hỏi đáp quốc gia ứng phó với các truy vấn TBT. Cục Tiêu chuẩn New Zealand thay mặt Bộ Ngoại giao và Thương mại là điểm Hỏi Đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT Enquiry Point). Thông báo cho WTO bất kỳ biện pháp đề xuất có thể tạo thành một rào cản kỹ thuật đối với thương mại.

Các biện pháp về Kiểm dịch (SPS)

Kinh doanh sản phẩm động vật và thực vật đã hỗ trợ đáng kể cho nền kinh tế của New Zealand. Nhưng có một thực tế không thể tránh được là thương mại động vật, thực vật và các sản phẩm từ chúng tiềm ẩn nguy cơ lây truyền sâu bệnh, dịch bệnh và nguy cơ chúng mang theo. Bảo vệ cuộc sống và sức khỏe, các loài động vật và thực vật bản địa là mục tiêu quan trọng của chính phủ New Zealand. Hoạt động an toàn sinh học và an toàn thực phẩm của New Zealand cũng trực tiếp hỗ trợ các ngành công nghiệp xuất khẩu gia nhập vào thương mại quốc tế.

Sự quan tâm an toàn sinh học: bảo vệ động, thực vật

An toàn sinh học đưa ra các biện pháp để duy trì sức khỏe của các loài như cừu, thông Radiant, cá hồi cũng như các loài bản địa như cây pohutukawa, loài tuatara (Khủng long nhỏ) và con kiwi. New Zealand có một hệ thống an toàn sinh học hàng



đầu thế giới liên quan đến kiểm soát chặt chẽ đối với hàng hóa nhập khẩu và hành khách đến, giám sát và khả năng phản ứng để đối phó với sâu bệnh, cỏ dại, bệnh truyền qua biên giới.

Sự quan tâm của người tiêu dùng: an toàn thực phẩm

Tập quán sản xuất lương thực thế giới và tiêu dùng đang thay đổi nhanh chóng. New Zealand cần một chương trình quản lý thực phẩm đó tăng cường bảo vệ người tiêu dùng và đảm bảo sự phát triển không ngừng của thương mại hàng thực phẩm và các sản phẩm thực phẩm có liên quan. Những thách thức này như: nguyên nhân gây bệnh truyền qua thực phẩm; thay đổi công nghệ sản xuất và chế biến; gia tăng sự phức tạp trong chuỗi thực phẩm; khối lượng ngày càng tăng của thương mại quốc tế thực phẩm; và thay đổi thói quen tiêu dùng và lựa chọn.

New Zealand thích ứng với những thách thức này bằng cách thay đổi cách tiếp cận để điều tiết sản xuất. Các 'lệnh và kiểm soát "truyền thống, được thay bằng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro nhằm đảm bảo rằng các sản phẩm được' phù hợp với mục đích '. Điều này cho phép ngành công nghiệp chịu trách nhiệm cao hơn đối với tiêu chuẩn an toàn thông qua việc sử dụng các kế hoạch quản lý rủi ro dựa trên kiểm toán độc lập.

Lợi ích kinh tế: tạo thuận lợi cho xuất khẩu

New Zealand đạt nhiều từ hệ thống thương mại WTO vì sự minh bạch và khách quan. Trừ hai sản phẩm là thịt cừu và các sản phẩm sữa, New Zealand là đối thủ nhỏ trong điều kiện thương mại thế giới. Nhưng trên nhiều thị trường, nông dân và người trồng, các nhà vận động hành lang và các chính trị gia phản đối nhập khẩu từ New Zealand, mặc dù nhu cầu tiêu dùng tốt.

Hạn chế kiểm soát an toàn sinh học và an toàn thực phẩm có thể là công cụ hiệu quả để bảo vệ ngành công nghiệp trong nước khỏi cạnh tranh xuất khẩu. Chúng là những thách thức vì sự phức tạp và thiếu minh bạch về biện pháp họ thi hành. Hiệp định SPS cho phép New Zealand thách thức lại các nước khác trong việc dựng lên các hàng rào thương mại phi lý. Trước khi Hiệp định SPS, các biện pháp SPS ảnh hưởng đến thương mại có thể được áp dụng với ít trách nhiệm hơn. Nhưng với Hiệp định SPS có nghĩa là các thành viên hiện nay cần phải biện minh một cách khoa học các biện pháp sử dụng. New Zealand tuân thủ và ủng hộ điều này

Rào cản vệ sinh dịch tễ: công nghệ sinh học nông nghiệp



New Zealand duy trì chế độ toàn diện và chặt chẽ đối với công nghệ sinh học nông nghiệp. Công nghệ sinh học nông nghiệp được quy định tại Luật Chất độc hại và Sinh vật mới 1996 (HSNO). Sản phẩm công nghệ sinh học thực phẩm nhập khẩu phải được sự chấp thuận và thông qua Mã Tiêu Chuẩn Thực Phẩm trước khi được phép bán. Tất cả các loại thực phẩm công nghệ sinh học được bán ở New Zealand phải được dán nhãn. Thức ăn gia súc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật HSNO có thể được nhập khẩu vào New Zealand. Thịt và sản phẩm từ động vật đã được nuôi bằng thức ăn công nghệ sinh học không cần phải dán nhãn.

5.4. Quy định an toàn sinh học, an toàn thực phẩm đối với hàng nông thủy sản và thực phẩm nhập khẩu

Để duy trì cơ sở nông nghiệp, các quy định nghiêm ngặt trong việc kiểm soát nhập khẩu, các vật liệu có thể gây hại cho nền nông nghiệp, một số sản phẩm nhập khẩu và các chất cơ nguy cơ gây hại đòi hỏi phải được xem xét từ Bộ Ngành Công nghiệp cơ bản MPI (tương tự Bộ Nông nghiệp) tuân thủ Luật An toàn sinh học (the Biosecurity Act 1993) và Luật sinh vật mới (New Organisms Act 1996)

New Zealand kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu để bảo vệ môi trường, thực vật, động vật và sức khỏe con người ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan sâu bệnh mới và các bệnh có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người và cũng gây tổn hại cho ngành nông nghiệp, làm vườn, lâm nghiệp và du lịch. Chúng cũng có thể ảnh hưởng đến thương mại của New Zealand trên thị trường quốc tế. Bộ MPI kiểm tra an toàn sinh học đối với hàng nhập khẩu từ động vật, thực vật và thực phẩm cũng như tàu biển, containers và vật liệu chở hàng để đảm bảo không chứa các sinh vật có nguy cơ gây hại trước khi thông qua.

Quá trình nhập khẩu

Trước khi xuất nhập, cần phải chắc chắn rằng sản phẩm được phép nhập khẩu bằng việc doanh nghiệp cần kiểm tra quy tắc an toàn sinh học và hạn chế nhập khẩu. Nếu sản phẩm được phép thì phải đáp ứng các quy định nhập khẩu và các quy tắc nào và chắc chắn rằng phải đáp ứng các yêu cầu an toàn thực phẩm và ghi nhãn.

Tiêu chuẩn Sức khỏe Sản phẩm Nhập khẩu (Import Health Standard- IHS)

Bất cứ sản phẩm nhập khẩu nào cũng có thể tiềm ẩn các yếu tố gây bệnh đó là đối tượng giám sát của một IHS. IHS chủ yếu được thực hiện trên cơ sở quốc gia. Các IHS có chứa thông tin chi tiết về các yêu cầu sản phẩm phải đáp ứng để nhập khẩu và chứng minh không có rủi ro về an toàn sinh học. IHS là văn bản pháp luật ban



hành theo mục 24A của Luật An toàn sinh học 1993. Các tiêu chuẩn này bao gồm các yêu cầu về an toàn sinh học mà hàng hóa phải đáp ứng trước khi thông quan an toàn sinh các lô hàng nhập vào New Zealand.

Các thiết bị vận chuyển và đựng hàng cũng phải đáp ứng yêu cầu về IHS.

Các thiết bị vận chuyển, container biển và container hàng không tới New Zealand cũng thuộc vào đối tượng kiểm dịch nhập khẩu.

Thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm

Thực phẩm chỉ có thể được nhập khẩu vào New Zealand nếu chúng an toàn và phù hợp và đáp ứng các tiêu chuẩn tiêu thụ trên thị trường. Theo đó, thực phẩm nhập khẩu phải đăng ký với Bộ MPI và tuân thủ tiêu chuẩn thực phẩm nhập khẩu. Bộ này thường xuyên theo dõi thực phẩm nhập khẩu về tính an toàn và phù hợp.

Rau và quả tươi nhập khẩu

Mọi sản phẩm thực phẩm và liên quan thực phẩm nhập khẩu để sử dụng cá nhân (hàng phi thương mại) hay bán đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định của New Zealand. MPI giám sát nhập khẩu trái cây tươi, nấm, rau thơm, rau được dán nhãn chính xác, an toàn và không bị nhiễm sâu và sinh vật gây hại.

Các bước nhập khẩu- Để nhập khẩu sản phẩm tươi sống (bao gồm trái cây, rau, các loại thảo mộc và nấm), doanh nghiệp hoặc phải được đăng ký với tư cách là một nhà nhập khẩu thực phẩm với Bộ MPI hoặc thông qua một nhà nhập khẩu thực phẩm có đăng ký. Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn và các yêu cầu khác:

- Cục Dịch vụ hải quan New Zealand (Hải quan) yêu cầu và thủ tục thông quan nhập khẩu
 - Các quy định an toàn sinh học và các hạn chế áp dụng
 - Quy định theo Luật Thực phẩm
 - Đăng ký thực phẩm nhập khẩu
 - Quy định chung đối với các nhà nhập khẩu thực phẩm đã đăng ký - tìm nguồn cung ứng, bảo quản thực phẩm an toàn và phù hợp, hồ sơ và thu hồi



- Các quy định của Cục Tiêu chuẩn Thực phẩm Australia-New Zealand bao gồm cả nhãn mác, thành phần và các loại thực phẩm hạn chế
- Phí, lệ phí kiểm dịch hàng nhập khẩu trả cho các dịch vụ do bộ MPI và các cơ quan liên quan thực hiện.

Diện các loại sản phẩm theo quy trình nhập khẩu - Quy trình nhập khẩu trên áp dụng cho trái cây tươi, rau, nấm và các loại thảo mộc là chưa qua chế biến (không rửa). Tuy nhiên, một số nhãn hiệu thương mại của trái cây và rau quả mà đã xử lý hạn chế được coi là tươi và được gọi là hàng chế biến được phép. Danh sách các mặt hàng chế biến đã được phê duyệt [tại đây](#)

Kiểm tra an toàn thực phẩm

Khi kiểm tra an toàn thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm phải chứng minh độ an toàn theo một trong 4 cách sau:

- NZ nhập khẩu đảm bảo: Nhà nhập khẩu thực phẩm đã đăng ký với Bộ MPI có thể được cấp nhập khẩu đảm bảo NZ (trước đây được biết đến như là một phát hành Giấy phép nhiều lần).
- Khai báo của nhà sản xuất
- Giấy chứng nhận chính thức: Đối với một số quốc gia có hợp tác về ATTP, Bộ MPI sẽ chấp nhận giấy chứng nhận chính thức do cơ quan chính phủ phù hợp cấp chứng nhận thực phẩm là an toàn. Giấy chứng nhận phải được từ nước xuất xứ ghi rõ dành để xuất sang New Zealand.
- Lấy mẫu và kiểm định: Trong một số trường hợp, thực phẩm sẽ phải được lấy mẫu và kiểm tra. Bộ MPI sẽ công bố yêu cầu bắt buộc này cho nhà nhập khẩu.

5.5. Các quy định về bao bì, nhãn mác

Quy định về nguyên liệu đóng gói, bao bì (tham khảo thêm phần 5.4)

Một số vật liệu có thể không được sử dụng làm bao bì cho hàng hóa nhập khẩu vào nước này. Chúng bao gồm đất, than bùn, cỏ khô và cỏ, rêu, sa thải hoặc bao bố và bất kỳ nguyên liệu có thể đã tiếp xúc với động vật hoặc đất hoặc được sản xuất như một sản phẩm chất thải nông nghiệp.



Một số nguyên liệu đóng gói như bao bì ván ép hoặc gỗ, khung, kệ chở hàng và thùng phải không nhiễm từ vỏ cây cũng có những dấu hiệu nhiễm côn trùng hay nấm nếu được sử dụng làm bao bì đóng gói hàng nhập khẩu.

Quy định về ghi nhãn

New Zealand có một số luật quy định về ghi nhãn hàng hóa. Ví dụ, thực phẩm và thuốc phải tuân thủ các yêu cầu về ghi nhãn quy định trong các Quy chế thi hành Luật Thực phẩm năm 1981 và Đạo luật Thuốc 1981. Ngoài ra, Luật Thương mại Công bằng cấm các hành vi gây hiểu nhầm, hiểu sai và đại diện thương mại sai (Điều 8.1). Ví dụ, các nhà nhập khẩu phải đảm bảo rằng xuất xứ của hàng hóa được xác định rõ ràng và chính xác.

New Zealand cấm nhập khẩu tất cả hàng hoá mang nhãn hiệu sai hoặc lừa đảo. New Zealand cũng cấm nhập hàng hóa sản xuất nước ngoài mang tên hoặc nhãn hiệu của nhà sản xuất New Zealand hoặc thương nhân, tên của một nơi ở New Zealand, hoặc những từ ngữ liên quan tới hàng hoá với New Zealand, trừ khi tên, chữ có kèm theo một dấu hiệu rõ ràng về nguồn gốc xuất xứ.

Không có yêu cầu chung về nước xuất xứ ghi trên hàng nhập khẩu. Tên nước xuất xứ phải, tuy nhiên, được hiển thị rõ trên giày dép, mặt hàng quần áo, và pin khô. Nguyên liệu chuẩn bị, pha trộn, hỗn hợp, hoặc thực phẩm giả yêu cầu tuân thủ các quy định chi tiết về việc ghi nhãn. Sơn có chì, sản phẩm len, thiết bị điện và thiết bị, giày dép, thuốc, chế phẩm vệ sinh và các sản phẩm thực phẩm cũng phải được dán nhãn đặc biệt. Quy chế cũng quy định rằng tất cả các hàng hóa đóng gói mang một dấu hiệu của khối lượng tịnh của các nội dung và chỉ định cách trọng lượng đó được chỉ định cho từng mặt hàng.

New Zealand có một tiêu chuẩn ghi nhãn đối với thực phẩm biến đổi gen (GM). Theo tiêu chuẩn, nhãn niêm yết nguyên liệu cho thực phẩm, với một số ngoại lệ, phải ghi rõ cụm từ "biến đổi gen", nếu có nguyên liệu di truyền hoặc protein từ sửa đổi di truyền. Đó là trách nhiệm của doanh nghiệp thực phẩm áp dụng các nhãn thực phẩm, lại ghi nhãn thực phẩm hoặc bán thực phẩm để đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn này. Điều này quy định đối với các nhà sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, và đôi khi các nhà bán lẻ.

Các quy chế về tiêu chuẩn thông tin cho khách hàng năm 1992 quy định ghi nhãn xuất xứ đối với quần áo và giày dép thì tên nước xuất xứ được thể hiện rõ trên một số vị trí nhất định của quần áo và giày dép.



5.6. Chứng từ Hải quan

Tạm nhập

New Zealand thừa nhận mẫu hàng thuế miễn phí với giá trị nhỏ. Ví dụ, lô hàng nhỏ các mẫu hàng, tờ rơi, báo giá quảng cáo in ấn ngoài New Zealand, và các quảng cáo sản phẩm được sản xuất ở nước ngoài. Tuy nhiên, các mặt hàng này phải mang rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất nước ngoài. Các sản phẩm này không được thiết kế để quảng cáo bán sản phẩm bởi bất kỳ công ty, công ty, doanh nghiệp tư nhân thành lập tại New Zealand. Cho phép quảng cáo tạm thời, miễn thuế đối với phim. Các mẫu hàng thương mại phải nhập khẩu tạm thời dưới trái phiếu hoặc đặt cọc dưới dạng thuế.

Quy định và chứng từ nhập khẩu

Có rất ít quy định về chứng từ nhập khẩu và xuất khẩu hàng hóa. Các trang web của Cục Dịch vụ hải quan (www.customs.govt.nz) quy định các yêu cầu tối thiểu. Các nhà nhập khẩu, hoặc môi giới hải quan cho các nhà nhập khẩu phải thực hiện tất cả các tờ khai nhập khẩu điện tử.

Bộ Nông Lâm (MAF) quy định rằng trong tờ khai nhà xuất khẩu phải khai rõ rằng bao bì gỗ hoặc ván ép, thùng, hộp gỗ, hoặc pallet hàng đi đến New Zealand đã được kiểm tra trước khi xếp hàng. Các mặt hàng này phải không dính vỏ cây và nhiễm các dấu hiệu của côn trùng và nấm. Khai báo này phải gửi kèm vận đơn và các chứng từ vận tải khác. Để biết thêm thông tin về mặt hàng cấm, vui lòng truy cập trang Cục An toàn sinh học, Bộ các ngành công nghiệp cơ bản: www.biosecurity.govt.nz.

Trái cây, thực vật và hạt giống phải có giấy chứng nhận kiểm dịch từ các cơ quan chức năng của nước xuất xứ xác nhận các mặt hàng đã được kiểm tra và không có bệnh. Các giấy chứng nhận phải được gửi cho bên nhận hàng ở New Zealand cùng với lô hàng. Bộ Nông nghiệp (MPI) có thể kiểm tra các lô hàng khi đến và nếu có dấu hiệu của sự phá hoại của côn trùng, sẽ quyết định các lô hàng cần được hun trùng hay bị từ chối nhập khẩu.

Cục An toàn Thực phẩm New Zealand (NZFSA) cho phép nhập khẩu các sản phẩm bò dựa trên từng trường hợp cụ thể. New Zealand cấm nhập khẩu thịt gia cầm (trừ đóng hộp).



5.7. Kênh phân phối

New Zealand có hệ thống kênh phân phối khá lâu đời và trải rộng khắp từ bắc xuống nam. Hàng hoá mua bán trên thị trường được hình thành và luân chuyển từ 3 nguồn chính, tương tự với 3 khu vực hoạt động kinh doanh lớn là: sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu. Hệ thống phân phối hàng hoá cũng hình thành từ 3 nguồn lớn đó tạo nên một chuỗi cung ứng mang đặc thù sau:

Kênh phân phối trong nước là lâu đời và có trình độ chuyên môn cao. Cơ sở hạ tầng phân phối hiện đại hỗ trợ bất kỳ chuỗi cung ứng hoặc kiểm soát hàng tồn kho chiến lược. Một số công ty cũng thành lập với mạng lưới trên toàn quốc thực hiện một loạt các chức năng từ kinh doanh, vận chuyển, đóng gói, sản xuất và phân phối ở cả cấp bán buôn và bán lẻ. Những doanh nghiệp này thường là đại diện xuất sắc cho các sản phẩm mới tìm cách thâm nhập thị trường New Zealand, mặc dù họ thường nhập khẩu các sản phẩm để bổ sung cho dòng sản phẩm hiện có. Hầu hết, nhà sản xuất New Zealand không thực hiện việc bán và tổ chức kênh tiêu thụ, họ chỉ tập trung vào chất lượng sản phẩm, còn khâu bán hàng do các nhà buôn, hoặc các hãng bán lẻ đảm nhận thông qua việc ký và thực hiện các hợp đồng cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các hãng, thậm chí cửa hàng bán lẻ dưới hình thức nhà bán lẻ thiết kế và đăng ký mẫu mã sản phẩm; Nhà sản xuất chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm; Giá cả hoàn toàn cạnh tranh. Như vậy, kênh này có mặt của các hãng bán buôn, bán lẻ và hệ thống siêu thị.

Đại lý bán hàng có thể tiếp thị một số sản phẩm gồm: nguyên liệu sản xuất thông số kỹ thuật cho khách hàng và hàng tiêu dùng phân phối số lượng lớn. Ngay cả trước khi cho phép hợp pháp nhập khẩu song song, mua trực tiếp từ nhà sản xuất khi có thể được ưa chuộng. Đối với sở thích mua bán buôn, đại lý bán hàng thường sử dụng huấn luyện đặc biệt nhân sự về hỗ trợ kỹ thuật và bán hàng.

Kênh xuất khẩu: không có sự tách biệt rõ ràng giữa sản xuất và xuất khẩu. Thương nhân tham gia vào kênh gồm 2 thành phần chính: Các tập đoàn sản xuất lớn vừa cung cấp cho thị trường nội địa, vừa hoạt động xuất khẩu (bao gồm các hàng với nhà máy chế biến gỗ, sữa, bơ, thịt, hoa quả và len); và các Nhà xuất khẩu chuyên nghiệp (tương tự như các cty kinh doanh XNK trước đây của ta) chuyên thu mua, chế biến và xuất khẩu –loại này chủ yếu hình thành trong sản xuất nông nghiệp như xuất khẩu các sản phẩm tươi sống gồm hoa quả, thịt, sữa theo mùa vụ. Bên cạnh đó cần phải kể tới sự có mặt của các nhà sản xuất nhỏ và chuyên doanh với một hay một số mặt hàng như: quần áo, đồ thiết kế bằng tay và nhà xuất khẩu hàng thực phẩm chức năng... hầu hết là các doanh nghiệp SMEs. Nhà sản xuất nhỏ/,



Labatories với các sản phẩm đặc thù, quy mô nhỏ; Các doanh nghiệp chủ đạo trong hệ thống hàng thực phẩm, tập đoàn lớn theo mô hình hợp tác xã có thị trường lớn nhất trong ngành sữa thế giới là FONTERRA, HTX này thu mua trên 90% sản lượng sữa tươi và chiếm 50% sản lượng các sản phẩm từ sữa chế biến của New Zealand.

Kênh nhập khẩu: Hệ thống này phổ biến ở hầu hết các kênh sản phẩm nhập từ các nước phát triển và đang phát triển. Kênh hình thành khá lâu, mang tính tự phát. Thương nhân trong kênh có thể là các nhà nhập khẩu chuyên nghiệp hay là chính các mạng lưới bán lẻ chính, thậm chí là các nhà phân phối trong một ngành hàng. Họ tiến hành mua hàng qua các đại lý mua hàng ở nước ngoài hay trực tiếp với các nhà cung cấp nước ngoài. Trước xu thế phát triển ngày càng mở, các doanh nghiệp quy mô nhỏ hơn cũng có nhu cầu tìm kiếm trực tiếp các nhà cung cấp nước ngoài.

Nhà nhập khẩu- phân phối là một kênh phổ biến các sản phẩm đòi hỏi phải có kiến thức kỹ thuật, dịch vụ, sửa chữa hoặc phụ tùng thay thế. Quy mô thị trường thường cho phép một hoặc nhiều nhất là hai nhà phân phối cho mỗi sản phẩm độc đáo. Một nhà nhập khẩu còn hàng hoặc nhà phân phối là quan trọng mà liên tục của nguồn cung cấp là một điểm bán hàng, chẳng hạn như đối với một số mặt hàng công nghiệp hoặc người tiêu dùng. Các nhà bán lẻ lớn cũng thông qua việc mua từ các đại lý. Nhiều công ty con của các nhà sản xuất nước ngoài nhập khẩu trực tiếp từ công ty mẹ và phân phối sản phẩm để bổ sung sản xuất trong nước. Nhập khẩu và phân phối bởi một chi nhánh New Zealand hoặc công ty con là phổ biến khi khối lượng là đáng kể và công ty mẹ muốn nắm quyền kiểm soát phân phối.

Mang đặc thù của thị trường nhỏ, dân số ít nên hầu hết các công ty thương mại ở New Zealand là các công ty vừa và nhỏ. Các doanh nghiệp rất coi trọng chữ tín trong quan hệ bạn hàng và khách hàng. Hệ thống phân phối tuy không lớn về quy mô nhưng có truyền thống phát triển lâu dài, uy tín về điều kiện phân phối, vận tải, giao nhận và thanh toán theo hợp đồng giữa các đối tác trong các khâu nấc được hình thành và duy trì lâu năm, có uy tín cao đối với người tiêu dùng nên ít có sự thay đổi và đặc biệt khó khăn trong việc hình thành, thiết kế những quan hệ bạn hàng mới, từ bên ngoài.

Hệ thống phân phối ở New Zealand ít có mặt các cửa hàng bách hóa/department stores cao cấp và sang trọng. Do trình độ phát triển, giá nhân công lao động cao và sức mua không cao lắm, nên chi phí cho các khâu trong kênh phân phối chiếm một tỷ lệ khác cao trong giá sản phẩm cuối cùng khi tới tay người tiêu dùng. Mức cộng lãi trong kênh phân phối là khá cao và ở mức trên 50% so với giá CIF, trong đó khâu



bán buôn chiếm 20% và trong khâu bán lẻ là trên 30%. Có mặt trong hệ thống phân phối tiêu thụ nội địa về cơ bản là các tập đoàn lớn, có phạm vi phân phối cả nước.

5.8. Nhượng quyền thương mại

Truyền thống, hầu hết các doanh nghiệp New Zealand là nhỏ, khoảng 97 phần trăm các doanh nghiệp có ít hơn 20 nhân viên. Nhượng quyền thương mại đã trở thành một mô hình kinh doanh quan trọng. Bằng cách mua một nhượng quyền thương mại, các nhà đầu tư tận dụng tính lợi ích quy mô từ một công ty lớn hơn như công nhận thương hiệu, tiếp thị, hoạt động hỗ trợ và đào tạo. Ban đầu, phương thức này tập trung ở lĩnh vực bán lẻ, nhưng gần đây đã mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ. New Zealand tự hào có chủ sở hữu bình quân đầu người cao nhất thế giới về nhượng quyền thương mại.

Nhượng quyền thương mại là phương thức kinh doanh khá phổ biến và hiệu quả tại New Zealand, đặc biệt trong hệ thống phân phối đồ ăn uống, thực phẩm chế biến sẵn. Theo thống kê từ Hiệp hội Nhượng quyền Thương mại New Zealand , doanh thu từ các doanh nghiệp nhượng quyền kinh doanh tại New Zealand khoảng hơn 15 tỷ NZ\$/năm vào tạo việc làm cho khoảng 100.000 lao động.

5.9. Xúc tiến thương mại và quảng cáo

Các tổ chức xúc tiến thương mại

- Cục Thương mại và Doanh nghiệp New Zealand (NZTE) là cơ quan phát triển kinh doanh quốc tế của Chính phủ với mục đích là phát triển các công ty quốc tế với phương châm- lớn hơn, tốt hơn, nhanh hơn.

NZTE hỗ trợ tăng cường sự thành công quốc tế của công ty New Zealand bằng cách giúp họ tăng cường tiếp cận toàn cầu và xây dựng năng lực. NZTE sử dụng các kết nối của mình và đại diện cho các doanh nghiệp tác động tới chính phủ để giúp doanh nghiệp thâm nhập và phát triển tại các thị trường quốc tế.

NZTE liên kết các doanh nghiệp với các dịch vụ được thiết kế để nâng cao hiệu quả và hoạt động, đổi mới, điều chỉnh chiến lược, tăng cường năng lực lãnh đạo, và tiếp cận với vốn nâng cao khả năng thành công.

NZTE hiện đang kết nối với khoảng 4.000 doanh nghiệp New Zealand và tập trung vào 700 khách hàng trọng tâm. NZTE hợp tác cùng với doanh nghiệp để bảo vệ và



xây dựng chương trình thương hiệu quốc gia giúp các doanh nghiệp để mở cửa ra thị trường quốc tế.

- BusinessNZ là nhóm vận động lớn nhất cho doanh nghiệp. BusinessNZ được hình thành năm 2001 từ việc sáp nhập của Liên đoàn giới chủ New Zealand (thành lập 1902) và Liên đoàn các nhà sản xuất New Zealand (thành lập năm 1927). Bốn hiệp hội doanh nghiệp khu vực được thành lập ở bốn trung tâm lớn của New Zealand. BusinessNZ cam kết thành công của New Zealand - tăng trưởng bền vững thông qua các doanh nghiệp tự do.

Thành viên từ các Nhóm công ty lớn và bốn tổ chức kinh doanh nghiệp khu vực lớn nhất: Hiệp hội giới chủ và các nhà sản xuất (EMA), BusinessCentral, Phòng Thương mại Canterbury và Phòng Thương mại và giới chủ Otago Southland cung cấp các dịch vụ và hỗ trợ cho hơn 14.000 thành viên.

Major Companies Group (MCG) là một nhóm vận động hành lang, tư vấn mạnh mẽ với chính phủ và các nhà sản xuất quyết định quan trọng khác. Khoảng 70 thành viên, đại diện cho một tỷ lệ lớn trong GDP, đã gia nhập MCG từ khi thành lập năm 2008.

BusinessNZ cũng đại diện cho hơn 70 của các hiệp hội ngành công nghiệp quốc gia của New Zealand với một thành viên của cộng 76.000 người sử dụng lao, cùng sử dụng khoảng 80 % người lao động khu vực tư nhân.

BusinessNZ Vận động tuyên truyền nhằm mục đích thúc đẩy chính sách đối với khả năng cạnh tranh quốc tế; sự cân bằng giữa việc làm, kinh tế và pháp luật về môi trường; hạn chế nhu cầu tuân thủ và thuế kinh doanh; đổi mới và phát triển kỹ năng; và sản xuất hàng hoá và dịch vụ có giá trị cao.

ExportNZ và ManufacturingNZ là đơn vị chuyên gia của BusinessNZ. Catherine Beard là Giám đốc điều hành của ExportNZ và ManufacturingNZ, có tiếng nói đại diện cho các nhà xuất khẩu và nhà sản xuất. Trong 2016, ExportNZ đã ký MOU hợp tác với Cục Xúc tiến Thương mại Việt Nam

- ANZBC- ASEAN- New Zealand Business Council- Hội đồng Doanh nghiệp ASEAN- NZ là Hội đồng kinh doanh dựa trên kết nối các doanh nghiệp New Zealand với các đối tác thương mại ASEAN. Là một tổ chức với chủ trương quan tâm và cung cấp mạng lưới tìm địa chỉ liên hệ, tìm hiểu về thị trường và hỗ trợ bằng nhiều cách khác trong nỗ lực kinh doanh ASEAN của các thành viên. ANZBC kết nối với các cơ



quan doanh nghiệp và chính phủ tại New Zealand với ASEAN bằng cung cấp mối liên kết và thông tin.

Quảng cáo

Ở New Zealand có khoảng 30 tờ báo hàng ngày. Tám trong số này có lưu lượng trên 25.000 bản/ngày. Báo giấy với lưu lượng lớn nhất là tờ New Zealand Herald, phát hành tại Auckland với lượng phát hành trên 200.000 bản. Báo hàng ngày khác gồm The Dominion Post và The Press. Có ba tờ thời báo: Sunday Star Times, News Sunday và Herald phát hành vào Chủ nhật. New Zealand có một tạp chí kinh doanh lớn, tạp chí doanh nghiệp quốc gia có lưu lượng gần 20.000 bản. Hiện có hơn 6.000 tạp chí thường xuyên. Trong số này, 650 được công bố tại New Zealand.

Có 5 đài truyền hình quốc gia, 1 nhà cung cấp truyền hình trả tiền với 5 lựa chọn bổ sung, một công ty sợi cáp đồng trục-lai và dịch vụ truyền hình vệ tinh. Freeview là kênh ngôn ngữ bản địa Maori do chính phủ đài thọ trên nền kỹ thuật số.

Truyền hình New Zealand (TVNZ) là doanh nghiệp nhà nước điều hành hai trên bốn kênh thương mại không phải đăng ký. TVNZ có thêm hai kênh (nhỏ) có sẵn trên nền tảng kỹ thuật số Freeview. TV3 Network Services Ltd (TV3) là kênh thuộc sở hữu tư nhân. Nó hoạt động cả TV3 và TV4. Có khoảng 96% dân số dùng TV3.

Truyền hình PRIME là mạng phát sóng không mã hóa (không phải đăng ký), bắt đầu phát sóng tại New Zealand từ 1998 trên UHF và thông qua Digital Sky và được liên kết với Nine Network Australia. PRIME phủ sóng khoảng 91 phần trăm.

Có hai cơ quan quản lý trong ngành quảng cáo là Cơ quan Tiêu chuẩn Quảng cáo và Ban Khiếu Nại Tiêu chuẩn Quảng cáo. Ngoài ra, Cơ quan Tiêu chuẩn Phát sóng có trách nhiệm phê duyệt các quy trình phát thanh truyền hình, gồm cả quảng cáo trên đài phát thanh và truyền hình.

6. Những điều cần quan tâm

6.1. Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand (Viet Nam Trade Office – VTO)

Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand (VTO) là đại diện thương mại của Việt Nam tại New Zealand. VTO có trách nhiệm thúc đẩy thương mại song phương giữa hai nước. Trong các chức năng hoạt động của mình, VTO có chức năng hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc mở



rộng hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu tại thị trường. VTO trợ giúp các doanh nghiệp New Zealand tìm cơ hội kinh doanh và đầu tư, mua hàng và tìm kiếm đối tác tại Việt Nam.

Để thực hiện các chức năng trên, VTO cung cấp cho các doanh nghiệp các thông tin:

- Quy định, chính sách kinh tế, thương mại và môi trường kinh doanh của cả hai nước. Từ tháng 6 năm 2015 tới nay, VTO phát hành Bản tin tháng (Newsletters) như một cách thường xuyên để cung cấp những thông tin tới các giới kinh doanh tại New Zealand. Năm 2015, VTO lần đầu xuất bản cuốn sách Hướng dẫn kinh doanh dành cho các doanh nghiệp New Zealand có tên gọi: **“A guide on doing business in Vietnam”**.
- Danh mục dự án quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam theo thời kỳ.
- Giới thiệu và kết nối tham dự hội chợ, triển lãm và các sự kiện thương mại tại Việt Nam và New Zealand cũng như các sự kiện thương mại mà Việt Nam tổ chức ở nước ngoài.
- Cơ hội kinh doanh, xuất nhập khẩu và đầu tư,
- Kết nối các nhà cung cấp, đại lý, logistics Việt Nam với người mua và cung cấp dịch vụ New Zealand.
- Danh sách doanh nghiệp xuất khẩu đáng tin cậy của các công ty Việt Nam của Bộ Công Thương (hàng năm) được lựa chọn tại trang web <http://dnxnk.moit.gov.vn>
- Danh sách và liên lạc của các hiệp hội doanh nghiệp tại Việt Nam, hiệp hội ngành nghề và doanh nghiệp của New Zealand.
- Thông tin về tình hình tài chính và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hỗ trợ trong giải quyết tranh chấp giữa doanh nghiệp hai bên.

VTO tham vấn và hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các hoạt động:

- Tổ chức các đoàn doanh nghiệp, giao dịch thương mại giữa New Zealand và Việt Nam. Hỗ trợ các đoàn doanh nghiệp thương mại trong sắp xếp đối tác và thu xếp chương trình làm việc trong các chuyến khảo sát và công tác tại thị trường.
- Trực tiếp tổ chức các sự kiện ở New Zealand hoặc có sự kết hợp với các đối tác tại địa bàn.



- Tham vấn chi tiết về từng trường hợp kinh doanh
- Kết nối mua và các đối tác đại lý

VTO thực hiện chức năng thông qua mạng lưới của mình:

- Đại sứ quán Việt Nam: www.vnembassy-newzealand.org
- Cổng thông tin doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu của Bộ Công Thương: <http://vietnamamexport.com> và <http://moit.gov.vn>; <http://connectviet.gov.vn>
- Kết nối với các cơ quan chính phủ có liên quan tại Việt Nam và New Zealand, bao gồm cả trung ương và địa phương, các hiệp hội ngành hàng và các tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại.
- VTO là Hội viên của Hội đồng Doanh nghiệp ASEAN-New Zealand (2013), Phòng Thương mại Khu vực Wellington (2015)
- Trung tâm doanh nghiệp và tổ chức xúc tiến xuất khẩu New Zealand (4 chi nhánh chính của khu vực) và các Hiệp hội ngành hàng, các liên đoàn nhà sản xuất và xuất khẩu ngành hàng tại New Zealand.

6.2. Hội chợ, triển lãm, sự kiện thương mại

Hàng năm, có khoảng 20 hội chợ thương mại ở New Zealand. Do vị trí địa lý cách biệt nên hầu hết các hội chợ thương mại ở New Zealand thường ít có sự liên quan với các nhà triển lãm quốc tế hàng đầu. Hầu hết các hội chợ thương mại quốc tế ở New Zealand thường tập trung vào các chuyên đề về công nghệ chế biến thực phẩm và thiết bị và công nghệ bao bì, đóng gói, thực phẩm, nông nghiệp và thiết bị công nghiệp.

Trung tâm triển lãm lớn nhất của New Zealand là the ASB Showgrounds nằm ở Auckland với các sự kiện thương mại lớn hàng năm như: Fine Food New Zealand, PackTech, FoodTech, Emex... Đây là một trong những trung tâm hội chợ thương mại hàng đầu nổi tiếng quốc tế tại New Zealand với tổng công suất 10.000 mét vuông và một khu vực ngoài trời của 15.000 mét vuông hoạt động từ năm 2007.

Fieldays là hội chợ nông nghiệp lớn nhất tại Nam bán cầu, một cửa vào nền kinh tế nông nghiệp sáng tạo nhất trên thế giới, để kết nối B2B, B2C, nhà xuất khẩu với thị trường mới. Fieldays tạo một trung gian cho người mua và người bán đến với nhau. Đổi mới và đào tạo là chiến lược quan trọng trong sự phát triển tiếp theo của



Fieldays để có những đóng góp quan trọng cho phép nền nông nghiệp New Zealand tiến tới hàng đầu thế giới. Trong năm 2015, có hơn 126.000 lượt người tham dự, với 1.008 nhà triển lãm, trưng bày tốt nhất của ngành nông nghiệp New Zealand.

6.3. Phụ lục: Một số báo cáo ngành hàng tại New Zealand

Phụ lục 1. Ngành Nhựa

Tổng quan ngành nhựa

- Không sản xuất nguyên liệu nhựa (ngoại lệ chất dẻo sinh học với lượng nhỏ)
- Nguồn nhập khẩu nguyên liệu nhựa ở dạng hạt hoặc dạng tấm từ châu Á và Bắc Mỹ
- Doanh thu trên 2 tỷ \$
- Hơn 300 công ty Nhựa (14 công ty chế biến nhựa NZ sử dụng trên 100 người)
- Chuyển 250.479 tấn nhựa thô thành các sản phẩm (năm 2014)
- Sử dụng hơn 9.000 lao động
- Cung cấp vật tư bao bì nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản & trồng nho), xây dựng, y tế, cơ khí, điện tử, linh kiện công nghiệp và đồ gia dụng.

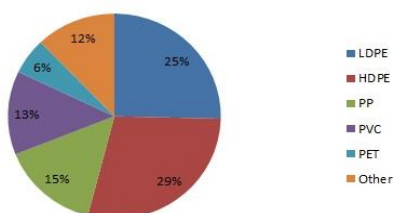
Xu hướng sản xuất sản phẩm Nhựa

- LDPE & HDPE có quy mô sản xuất lớn nhất thường được sử dụng cho phim, bao bì & ống ứng dụng
- Polypropylene (PP) sử dụng đã phát triển nhanh chóng và được dự báo sẽ là tài liệu hữu hiệu chính tiếp theo cho cộng đồng và tái chế thu từ vỉa hè.
- PVC được sử dụng chủ yếu trong các ngành nông nghiệp và xây dựng
- Ít hơn 1% chất thải được tạo ra trong quá trình sản xuất. Hơn 50.000 tấn nguyên liệu đã được tiết kiệm bằng cách giảm nguồn NK thời kỳ 1994-2001.
- Cơ cấu sản phẩm sản xuất: 60% Bao bì (60% cứng, 40% linh hoạt), 40% khác.

Cơ cấu nhựa nguyên liệu nhập khẩu 2014

Nguồn: Hiệp hội Nhựa NZ.

Imported Plastic Raw Material by type 2014



Phụ lục 2. Ngành Sữa

Sữa là xương sống của ngành công nghiệp thực phẩm và đồ uống của - New Zealand chiếm 2,4% tổng sản lượng sữa toàn cầu và 1/3 thương mại sữa toàn cầu.

Xuất khẩu các sản phẩm sữa đạt đỉnh cao lịch sử ở mức 17 tỷ NZ \$ (tương đương 13,6 tỷ USD) trong năm 2014. Tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm sữa trong năm 2015 trị giá 13,5 tỷ NZ \$.

New Zealand có thể cung cấp tất cả mọi thứ từ cơ bản-chất lượng cao như bơ và pho mát, kem và các thành phần chuyên biệt như protein sữa phun khô. Phát triển các loại thực phẩm chức năng mới (ít chất béo, canxi cao và sữa đậm) và các sản phẩm y sinh học và biohealth cũng đang phát triển các xu hướng trong ngành công nghiệp.

Vệ sinh và chất lượng công nghệ là yếu tố đưa sữa New Zealand thành một trong những sản phẩm đáng tin cậy nhất trên thế giới với các sản phẩm tiêu dùng an toàn tuân thủ với các tiêu chuẩn về sức khỏe và an toàn nghiêm ngặt.

Cơ cấu ngành sữa

HTX Sữa là mô hình chủ lực của ngành sữa kể từ 1871. Ngành chế biến sữa là một trong những mô hình lớn và tốt nhất của New Zealand về ngành công nghiệp phối hợp theo chiều dọc và cung cấp toàn cầu. Các đối thủ chiếm ưu thế là Fonterra, Tatua và Westland. Các đối thủ khác bao gồm Open Country Cheese, Goodman Fielder và Synlait.

Sự đổi mới

Sự hợp tác giữa Fonterra và GE Healthcare, một công ty chăm sóc sức khỏe hàng đầu đưa ra thị trường sản phẩm Anlene và công nghệ mật độ khoáng xương của GE để giải quyết các vấn đề sức khỏe của xương.



New Zealand đầu tiên có được giống bò sữa ít chất béo, hàm lượng cao về các loại dầu và chất béo không bão hòa đa Omega3 số một thế giới. Những con bò được lai



tạo từ một con cái duy nhất được phát hiện bởi các nhà nghiên cứu để có một đột biến di truyền đặc biệt trong một chương trình kiểm tra sữa thường xuyên.

Phát triển sữa công thức cho trẻ sơ sinh đầu tiên được thương mại hóa trên thế giới từ sữa dê và sữa dê dài cuộc sống đầu tiên trên thế giới. Các hợp tác xã áp dụng đổi mới này gồm Goat Milk Co-operative NZ Limited, tiếp tục phát triển và thực hiện một loạt các công thức đặc sản cao cấp từ sữa dê.

Nhà máy chế biến chất béo phức hợp từ sữa đầu tiên trên thế giới - kết quả hợp tác lâu dài giữa tập đoàn HTX Fonterra và công ty TNHH nghiên cứu công nghiệp cho ra sản phẩm chất béo tinh khiết có giá trị hàng ngàn USD/kg và có nhiều ứng dụng trong dinh dưỡng và mỹ phẩm.

Lợi thế phân bố theo khu vực

Đảo Bắc có 68% đàn bò sữa New Zealand, với khoảng 30% nằm ở vùng Waikato. Taranaki là khu vực lớn thứ hai với 11%. Đảo Nam chiếm 32% đàn bò sữa, Canterbury là vùng sữa lớn nhất.

Sữa công thức dành cho trẻ em

Ngày 18/12/2014, Bộ Các ngành Công nghiệp cơ bản (MPI) công bố Quy định về Nhãn mác đối với các sản phẩm sữa công thức và thức ăn bổ sung dành trẻ em xuất khẩu có nguồn gốc từ sữa. Quy định này sẽ có hiệu lực từ ngày 18/6/2016. Đây là thông báo về sản phẩm từ động vật theo Luật Sản phẩm từ động vật 1999. Mục đích của thông báo này là để xác định các yêu cầu tối thiểu cho tất cả nhãn mác đối với sữa công thức và các thực phẩm bổ sung từ sữa dành cho trẻ nhỏ bán lẻ và xuất khẩu từ New Zealand. Những quy định về quản lý đối với sản phẩm xuất khẩu là nguồn tham khảo hữu ích đối với các nhà xuất khẩu các sản phẩm tương tự, có thể tham khảo [tại đây](#).

Phụ lục 3. Ngành trồng vườn

Ngành trồng vườn của New Zealand kết hợp lợi thế tự nhiên với sự đổi mới của con người và công nghệ hàng đầu thế giới để sản xuất và xuất khẩu một loạt các sản phẩm trái cây và rau cao cấp với thể mạnh chính sạch, xanh, địa lý đa dạng và khí hậu, và chất lượng đất tuyệt vời.





Lĩnh vực này chủ yếu dựa vào xuất khẩu của quả Kiwi, quả hạch, rượu vang và rau quả tươi và chế biến. Kim ngạch xuất khẩu rau quả trị giá hơn NZ tỷ \$ 3,9, với rượu vang, quả kiwi, táo (tươi và chế biến), và khoai tây cùng chiếm 76% xuất khẩu. Xuất khẩu Kiwi, trị giá \$ 1 tỷ, chiếm 42 % xuất khẩu rau quả năm 2014.

Các ngành công nghiệp cam kết đảm bảo tươi, an toàn, hệ thống sản xuất nông nghiệp bền vững và việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp được giảm thiểu với sự áp dụng hệ thống Giám sát và truy xuất nguồn gốc các cung cấp đảm bảo chất lượng hơn nữa.

Người trồng liên tục tìm kiếm những cách để tăng cường hơn nữa các sản phẩm mà họ bán cho các thị trường quốc tế. Nghiên cứu cũng đang sản xuất trái cây có lợi cho sức khỏe hơn và thuận tiện của người tiêu dùng, như cam quýt bóc vỏ dễ dàng, trái cây không hạt và trái cây kích thích tăng lên. Ví dụ, Kiwi vàng ZESPRI®, một sự phát triển tự nhiên của người trồng kiwi New Zealand, là một nguồn tốt của vitamin C hơn bổ sung. Cũng như các sản phẩm tươi, New Zealand là một nước xuất khẩu chính của trái cây chế biến và rau.

Công nghệ hàng đầu, chẳng hạn như cấp đông rau quả để bảo vệ chúng khỏi mất chất dinh dưỡng và để giữ được hương vị, mang đến lợi thế cạnh tranh. New Zealand đi tiên phong trong việc phát triển tươi hữu và trái cây chế biến và rau.

Tính bền vững là trọng tâm

Môi trường bền vững là một trọng tâm chính cho ngành công nghiệp làm vườn của New Zealand. Một loạt các chương trình được kết hợp thành công các tiêu chí kinh tế, chẳng hạn như cải thiện năng suất và chất lượng, với tập quán sản xuất thân thiện với môi trường và bền vững.

Một dự án do Bộ Công nghiệp cơ bản, Quỹ nông bền vững (SFF), đầu tư vào nông dân, những người trồng và các dự án lâm nghiệp dẫn đầu mang lại lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội để ngành công nghiệp chính trên đất liền của New Zealand.

Sản phẩm hữu cơ





Sản xuất các hệ thống hữu cơ là một phần quan trọng của sản xuất rau quả của New Zealand, mặc dù hiện nay là một phần tương đối nhỏ trong tổng sản xuất trồng trọt. Đất đai màu mỡ của New Zealand, nước sạch và động vật xuất sắc và tình trạng sức khỏe cây trồng làm cho nó một nơi lý tưởng để phát triển hữu cơ. Phân ngành Organics của New Zealand đã công nhận 720 hoạt động hữu cơ trong năm 2012.

New Zealand có khoảng 80 vườn cây quả hạch hữu cơ, tăng 40% kể từ năm 2006. Khoảng 5% Kiwi xuất khẩu và quả hạch là hữu cơ. Rau hữu cơ (ví dụ như đậu Hà Lan, ngô ngọt, cà rốt, khoai tây và hành tây) cũng là hàng xuất khẩu có thu nhập cao. Sản xuất bơ hữu cơ, trái cây họ cam quýt, quả mọng, trái cây quả hạch và feijoas (trái ôi) cũng đang dần tăng lên.

Sự đổi mới trong ngành

Chính phủ khuyến khích đổi mới và sáng chế trong lĩnh vực trồng trọt. Các viện nghiên cứu thực vật và thực phẩm, phối hợp với Hội đồng Công nghiệp bơ của New Zealand (AIC), đã được thử nghiệm và chứng minh một công nghệ gọi là Kiểm soát không khí động (DCA). Công nghệ thương mại có thể được sử dụng trên trái bơ để ngăn chặn các hoa quả từ chín bên trong khi vận chuyển. Bộ Khoa học và đổi mới đang tài trợ cho một nghiên cứu để chống lại các bệnh PSA sự lây lan của vi khuẩn cho ngành công nghiệp quả Kiwi 1 tỷ NZ\$.

Phụ lục 4. Thị trường Rượu và Đồ uống



Nhu cầu tiêu thụ hàng năm tại New Zealand vào khoảng 472 triệu lít rượu bia/năm (giá trị trên 5,2 tỷ NZ\$/năm), trong đó 87% được sản xuất tại New Zealand và 13% nhập khẩu. Về cơ cấu, phần lớn bia (90%), rượu vang (83%) và RTD- đồ uống nói chung (94%) có sẵn trên thị trường trong nước được sản xuất

tại New Zealand, trong khi hầu hết các loại rượu mạnh được nhập khẩu (78%).



Về sản lượng, hàng năm, New Zealand sản xuất trên 600 triệu lít rượu bia, với 67% được cung cấp cho thị trường nội địa, 33% cho xuất khẩu, hầu hết trong số đó là xuất khẩu rượu vang (83%).

Hệ thống phân phối: Về lượng, 76% rượu bia ở New Zealand được bán thông qua hệ thống bán lẻ không cần giấy phép (chiếm 47% giá trị), chủ yếu là bia và rượu vang; 24% bán qua hệ thống nhà hàng, quán quán cà phê, rượu, quán bar có đăng ký giấy phép (chiếm 53% giá trị). Có quy định về giờ bán hàng/mở cửa của hệ thống bán hàng có phép và không phép.

Ngành công nghiệp rượu và chuỗi cung ứng

Ngành công nghiệp rượu New Zealand được đánh giá cao kết nối với nhau bằng liên kết giữa tất cả các khâu trong chuỗi cung ứng. Hình dưới đây mô tả chuỗi cung ứng rượu New Zealand.

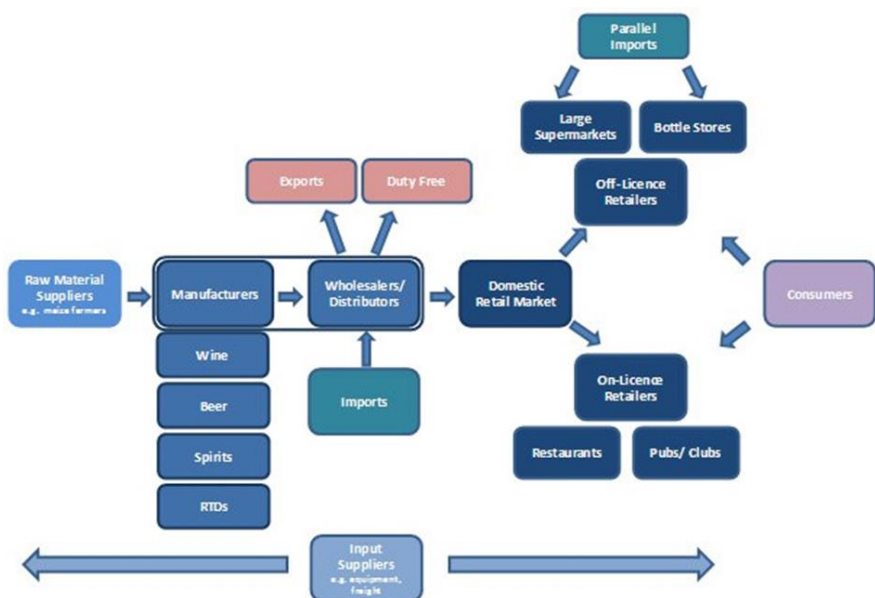
Chuỗi cung ứng đồ uống tại New Zealand

Các nhà sản xuất rượu thường bán buôn/phân phối trực tiếp đến hệ thống bán lẻ có phép và không giấy phép và có rất ít nhà bán buôn độc lập hoạt động trên thị trường. Đại lý có phép cũng là hệ thống hoạt động cạnh tranh mạnh. Người tiêu dùng cũng có thể mua trực tiếp từ các nhà sản xuất trực tuyến, hoặc trên các trang web, tại nhà máy rượu vang hoặc bia.

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp đã được đặc trưng bởi sự gia tăng hội nhập theo chiều dọc, với các công ty sở hữu sản xuất, phân phối và các điểm bán lẻ trong chuỗi cung ứng. Một số nhà sản xuất rượu cũng bán lẻ rượu (ví dụ, rượu King thuộc sở hữu của Lion Nathan) hoặc có một thỏa thuận cấp phép với chủ sở hữu thương hiệu để phân phối sản phẩm. Một số khác nhập khẩu rượu.

Quy định nhập khẩu rượu:

Quy định về An toàn sinh học- tất cả thực phẩm và sản phẩm liên quan thực phẩm nhập khẩu để bán phải đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu New Zealand. Bộ MPI (Bộ các ngành CN cơ bản) đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhập khẩu rượu và thức uống được dán nhãn chính xác, an toàn và tránh sinh vật gây hại.



Nguồn: Bộ Tư pháp NZ

- Tuân thủ các quy định về An toàn sinh học được quy định chi tiết trong các tài liệu được gọi là tiêu chuẩn y tế nhập khẩu (IHS). IHS cho biết những gì nhà nk cần làm, bao gồm cả các yêu cầu kiểm dịch thực vật và nhận được tờ khai của nhà sản xuất khi có yêu cầu. Nhà NK cần tìm các tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (IHS) đối với sản phẩm. Một số sản phẩm chỉ có thể được nhập khẩu từ các quốc gia được quy định tại IHS. Không có quy định về IHS đối với rượu vang. Để nhập khẩu rượu và đồ uống có chứa thành phần động vật (như rượu vang đã được tinh chế sử dụng các sản phẩm trứng, sữa, cá), cần phải đáp ứng các yêu cầu trong IHS cho từng thành phần động vật đó.

- Tất cả các loại rượu và đồ uống nhập khẩu cần phải được kiểm dịch an toàn sinh học. Một khi tuân thủ các tiêu chuẩn y tế nhập khẩu (IHS), việc thông quan sẽ được công nhận ngay sau khi hàng hóa đến nơi. Nếu sản phẩm không tuân thủ một IHS, nhà NK phải cung cấp thêm tài liệu về sản phẩm để thực hiện trách nhiệm của nhà nhập khẩu để đảm bảo đáp ứng được tất cả các yêu cầu pháp lý.

- Quy định Giấy phép an toàn sinh học (nếu cần)
- Quy định tờ khai của nhà sản xuất, nếu cần thiết
- Quy định pháp luật có liên quan.



Quy định về Hải quan- Cơ quan Hải quan New Zealand

- Danh mục cấm và hạn chế NK
- Thuế và giấy phép NK
- Quy định sử dụng môi giới hải quan.

Quy định của Luật Thực phẩm

- Quy định về đăng ký thực phẩm nhập khẩu
- Quy định chung đối với nhà nhập khẩu đã đăng ký về: tìm nguồn cung ứng và giữ thực phẩm an toàn và phù hợp, hồ sơ và thu hồi
- Các tiêu chuẩn thực phẩm Australia và New Zealand, bao gồm nhãn mác, thành phần và các loại thực phẩm hạn chế.

Các quy định cần lưu ý:

Trường hợp sử dụng kệ, thùng/bao bì gỗ- đối với lô hàng được vận chuyển đến New Zealand bằng kệ gỗ hoặc thùng gỗ đã được sử dụng để đóng gói bất kỳ phần nào của lô hàng cũng phải tuân thủ các yêu cầu về nhập khẩu bao bì gỗ.

Quản lý nhãn mác rượu nhập khẩu - MAF thuộc MPI là cơ quan thẩm quyền quản lý nhãn mác rượu và đồ uống nhập khẩu. Việc ghi nhãn thực phẩm và rượu được quy định bởi Luật Thực phẩm năm 1981 và Luật Tiêu chuẩn thực phẩm Australia New Zealand, trong đó có quy định yêu cầu các sản phẩm phải có nhận dạng lô thông qua Mã số lô hàng để tiến hành thu hồi nếu một sản phẩm bị phát hiện là có lỗi, tiềm ẩn mối nguy hoặc không phù hợp cho người tiêu dùng.

Quy định đối với rượu phân phối trong nước:

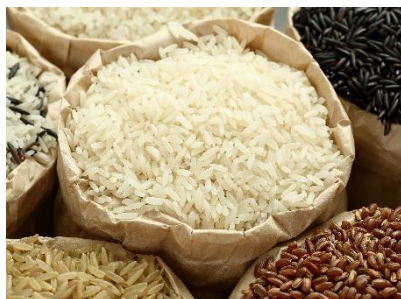
Thuế GST đối với đồ uống và rượu là 13%. Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu vang là 8%, rượu mạnh là 26%.

Rượu bán ở New Zealand, kể cả rượu vang nhập khẩu là quy định bắt buộc về ghi nhãn và thành phần theo Luật Tiêu chuẩn Thực Phẩm Australia- New Zealand. Bộ luật có thể được tìm thấy ở mục tiêu chuẩn thực phẩm tại Tiêu chuẩn thực phẩm Australia New Zealand (FSANZ).



Phụ Lục 5. Thị trường Gạo

New Zealand không phải là nước trồng và chế biến các sản phẩm từ gạo, do không phù hợp về tập quán tiêu dùng và khí hậu. Tuy nhiên, với sự du nhập ngày càng tăng của các cộng đồng dân cư Âu, Á và Phi, các xu hướng tiêu dùng mới về gạo của người dân và dân nhập cư, New Zealand ngày càng nhập khẩu lượng gạo gia tăng về lượng cũng như về chủng loại nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.



Tiêu thụ nội địa và nhập khẩu: Do không canh tác và dự trữ, nên tiêu thụ nội địa về gạo được phản ánh qua tình hình nhập khẩu. New Zealand nhập khẩu gạo hàng năm khoảng 60tr. NZD tương đương 45 tr. USD là nhỏ so với các loại ngũ cốc khác như bột mỳ, ngô, ngũ cốc... trong đó gạo nguyên hạt các loại khoảng 56 triệu NZ\$ (chiếm 93,5%), gạo lứt 2,6 tr NZ\$ (chiếm 4%); gạo tấm 1,5 tr NZ\$ (2,5%) mức tăng ổn định 2%/ năm. Kim ngạch nhập khẩu gạo của New Zealand qua các năm:

Bảng: Tình hình nhập khẩu gạo từ các đối tác chính

ĐVT: NZ\$

	Việt Nam	Australia	China	Thailand	India	USA	Tổng
2010	1.257.379	16.781.191	952.437	24.119.979	4.088.979	10.348.665	67.299.299
2011	722.096	19.708.029	349.320	19.399.408	4.046.443	7.236.844	59.748.265
2012	827.420	21.831.965	106.276	14.779.744	5.614.399	5.719.678	57.774.541
2013	983.817	22.382.933	208.328	15.307.931	6.374.694	6.235.664	58.932.516
2014	1.149.394	23.245.973	139.229	15.192.068	8.130.552	5.923.476	61.404.255

Nguồn: Cục thống kê New Zealand

Chủng loại gạo nhập khẩu và tiêu thụ ngày càng phong phú gồm các dòng gạo thơm và Jasmin hạt dài, gạo nếp chủ yếu dành cho dân gốc Á, gạo Shushi, hạt tròn dành cho gốc Đông Bắc Á và châu Âu, gạo basmati, hạt dài, gạo đỏ và gạo nâu, đen dành



cho dân gốc Ấn và Trung đông... khiến tỷ trọng gạo thơm, hạt dài chỉ chiếm tỷ trọng nhất định khoảng 30% và ngày càng có xu hướng phân tán, nhỏ lẻ.

Các chuỗi nhập khẩu và cung ứng lớn như David Trading hay Lim Bothers hay một số siêu thị Bán buôn và bán lẻ gốc Á nhập khẩu khá hạn chế lượng gạo nói chung và gạo từ Việt Nam nói riêng do giá cả và chất lượng gạo Việt Nam đều thấp. Gạo tồn kho chỉ là số lượng nhỏ tại kho của nhà nhập khẩu bán buôn.

Chính sách quản lý nhập khẩu và hàng rào thuế và phi thuế: Gạo là mặt hàng không phải chịu thuế nhập khẩu (thuế MFN nhập khẩu gạo là 0%). Do gạo là mặt hàng thực phẩm, bổ sung bên cạnh các sản phẩm nhập khẩu khác như ngũ cốc, lúa mạch, lúa mì... New Zealand là nước không trồng và canh tác lúa, việc nhập khẩu gạo vào thị trường New Zealand không chịu ảnh hưởng bởi các quy định về hàng rào kỹ thuật cũng như tiêu chuẩn. New Zealand không có các hiệp hội liên quan tới ngành hàng cũng như các cơ quan quản lý tiêu chuẩn về gạo nên mặt hàng này không gặp khó khăn gì rào cản kỹ thuật.

Thị trường nhập khẩu gạo chủ yếu của New Zealand là từ Australia (38%) trong đó thị phần từng loại gạo gạo thơm chiếm 37% ; gạo lứt - 63,5% và gạo tấm- 31,1%); Thái Lan chiếm 25,5% (gạo thơm -26,5%; gạo lứt -11,1%; gạo tấm- 8,6% và chiếm hầu hết lượng thóc nhập khẩu); Mỹ, Pakistan và Ấn Độ cũng có xuất gạo thơm).

Gạo Việt Nam chỉ chiếm 1,6% thị phần, trong đó gạo thơm- 1,4% và gạo tấm -13%. Kim ngạch xuất khẩu gạo các loại hàng năm vào khoảng 1 triệu NZD, năm 2016 có khả năng đạt 1,3 triệu NZ\$ (900 nghìn USD), trong đó gạo sát nguyên hạt 900 ngh. NZ\$, gạo tấm 100 ngh. NZ\$ mức tăng từ 5-7%/ năm. Các đối thủ cạnh tranh về gạo tại thị trường với ta gồm Australia, Thái Lan, Ấn độ, Mỹ, Paskistan và Trung Quốc.

Phụ Lục 6. Hàng Thủy sản

Mặc dù, New Zealand có thế mạnh về nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản với 90% sản lượng dành cho xuất khẩu và chỉ có 10% tiêu thụ ở thị trường nội địa, vẫn nhập khẩu các sản phẩm thủy sản với kim ngạch khoảng 100 triệu NZD hàng năm. Các mặt hàng được nhập khẩu chủ yếu là các loại thủy sản ở vùng nước ấm như cá file các loại, tôm đông lạnh, mực và bạch tuộc, các sản phẩm từ thủy sản như cá khô, muối, nước mắm và các chế phẩm từ tôm cá.





Hàng năm (kể từ 2011), New Zealand nhập thủy sản từ Việt nam từ 14- 24 triệu NZ\$/năm, với tốc độ tăng hàng năm trên 12%. Hàng thủy sản nói chung của VN chiếm khoảng 20% thị phần nhập khẩu, tuy nhiên, Việt Nam là nhà cung cấp thủy sản lớn nhất vượt cả Thái lan và TQ đối với tôm đông lạnh, đồng thời là nhà cung cấp duy nhất cá tra phi lê.

Việt Nam hiện đang xuất khẩu chủ yếu là hai hàng tôm đông lạnh cá tra file đông lạnh sang Niu Di-lân. Các mặt hàng thủy sản khác như nhuyễn thể (bạch tuộc, mực ống) và nhuyễn thể hai mảnh vỏ (traï, sò), tôm cá khô...có giá trị không đáng kể.

Tính đến hết tháng 5/2016, tôm đông lạnh đạt 8,35 triệu NZ\$ (6 triệu USD), chiếm 38% thị phần và chiếm tới 88% trong tỷ trọng xuất khẩu thủy hải sản của ta; cá file đông lạnh gồm cá tra và rô phi hàng năm đã có sự gia tăng từ mức 3,3 triệu NZ\$ (2,6 triệu USD) năm 2011 lên 5,2 tr. NZD (4 tr. USD) năm 2015, chiếm 15% thị phần và 14% tỷ trọng tuy nhiên lại có xu hướng giảm trong 2016. Các sản phẩm chế biến từ thủy sản như nước mắm, mắm tôm, tôm cá mực khô rất ít (320.000 NZD- tương đương 200 nghìn USD/năm) so với Thái lan, Malaysia, Ấn độ và Trung quốc.

Về thị phần, tôm đông lạnh hiện chiếm thị phần nhập khẩu lớn nhất tại NZ-44%. SLTK tính đến 2015, VN dẫn đầu thị trường về mặt hàng này, tiếp theo là Trung Quốc (20%) và Thái Lan (20%). Đối với mặt. hàng tôm đông lạnh đã qua chế biến đối thủ của ta là Trung Quốc, Thái lan và Ấn độ. Trong đó, Thái lan có lợi thế về chủng loại phong phú về kích cỡ cũng như phương thức chế biến, chất lượng tôm cao hình thức kết cấu do giống tôm nuôi trồng được ưa chuộng hơn. Trung quốc và Ấn độ chủ yếu cung cấp tôm nguyên con đông lạnh trong khi đây không phải là mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Phương thức nhập khẩu và phân phối đối với mặt hàng thủy hải sản nhập khẩu của New Zealand khá giản đơn và chỉ tập trung ở một vài nhà nhập khẩu và bán buôn, hệ thống siêu thị lớn truyền thống và các cửa hàng thủy sản chuyên doanh quy mô nhỏ và siêu thị gốc Á. Khách hàng nhập khẩu của Việt nam là Shore Marine, King Fisher và Davis Trading trong đó 2 nhà nhập khẩu trên chiếm khoảng 90% thị trường bán lẻ, Davis Trading chủ yếu cung cấp cho hệ thống các nhà hàng và các chuỗi nhượng quyền và nhà hàng ăn nhanh; Ngoài ra, cũng phải kể tới một số nhà nhập khẩu gốc Á bán trong kênh các siêu thị châu Á, trong đó có Lim Brothers, Gai Lee Trading, Yan.... chủng loại hàng thủy sản khá phong phú là các sản phẩm đã qua chế biến sâu, phù hợp với người tiêu dùng gốc Á, nhưng lượng nhỏ.



Hiện tại, Việt nam đã và đang tiếp tục giữ vị trí nhà cung cấp số một tại thị trường đối với mặt hàng Tôm đông lạnh. Cá tra phi lê đông lạnh VN là nhà cung cấp duy nhất tại thị trường, đã được phép Xk sau quá trình phân tích và đánh giá IHS từ 2009, song lại không mấy phù hợp với tập quán tiêu dùng cá nước mặn, nước sâu và tươi sống nên khả năng tiêu thụ rất hạn hẹp và không có hướng phát triển.

Mặt hàng thủy sản nhập khẩu được áp thuế 0%, không gặp khó khăn gì về rào cản kỹ thuật (hàng XK sang thị trường ít bị cảnh báo vi phạm VSATTP). Tuy nhiên, hàng XK thủy sản thường không mang tên hiệu của nhà xuất khẩu, chỉ có xuất xứ và thương hiệu của nhà nhập khẩu trên bao bì sản phẩm nên khả năng nhận biết thương hiệu tại thị trường tương đối thấp. Điều này cũng bất lợi tương tự như đối với nhiều mặt hàng XK khác.

Về thủ tục và quy trình nhập khẩu, nhà nhập khẩu được cấp phép kê khai lô hàng và đưa lô hàng con nguyên đai kiện vào khu vực kiểm dịch. Sau sáu tuần (tiến hành và đợi một số xét nghiệm tiêu chuẩn) mới được bán- đây là quy định chung thông quan tại thị trường đối với tất cả hàng nhập khẩu từ các nước nhập khẩu.



6.4. Phụ lục: Một số địa chỉ hữu ích

Các trang web của chính phủ, các nguồn kinh doanh và thương mại

New Zealand Companies Office- www.companies.govt.nz
Inland Revenue Department- www.ird.govt.nz
New Zealand Immigration Service- www.immigration.govt.nz
New Zealand Customs Service- www.customs.govt.nz
Ministry of Foreign Affairs and Trade - www.mfat.govt.nz
Reserve Bank of New Zealand- www.rbnz.govt.nz
Ministry of Business, Innovation and Employment- www.mbie.govt.nz
Ministry of Justice- www.justice.govt.nz
Land Information and Overseas Investment - www.linz.govt.nz
Information about the International Company Profile: <http://www.export.govt.nz>
Government Electronic Tenders Service: <http://www.gets.govt.nz>
Industrial Capability Network: <http://www.icn.govt.nz>
Intellectual Property Office of New Zealand: <http://www.iponz.govt.nz>
New Zealand Companies Office: <http://www.business.govt.nz/companies>
Plant Varieties Office: <http://www.pvr.govt.nz>
New Zealand Trade and Enterprises: <https://www.nzte.govt.nz>
ASEAN- New Zealand Business Council: <http://asean.org.nz/#>
Business New Zealand: <https://www.businessnz.org.nz/>

Những địa chỉ liên lạc:

Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand

Level 21 - Grand Plimmer Tower
2-6 Gilmer Terrace, Wellington 6011
Phone: +64-4-473 5912 Fax: +64-4-4735913
Email: embassyvn@clear.net.nz
Website: www.mofa.gov.vn

Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền nước CHXHCN Việt Nam tại New Zealand, kiêm nhiệm Cộng hòa Fiji và Nhà nước Độc lập Samoa: Ông Nguyễn Việt Dũng.

Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand (VTO)

Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro
PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142
Phone/Fax: + 64 4 8033 775
Email: nz@moit.gov.vn
Website: www.moit.gov.vn; www.vietnamexport.com

Đại sứ quán New Zealand tại Việt Nam

Level 5, 63 Ly Thai To Street
Hoan Kiem District, Ha Noi



Telephone: +84 4 3824 1481

Facsimile: +84 4 3824 1480

Email: newzealandembassy.hanoi@mfat.net.nz

Tổng Lãnh sự New Zealand tại TP HCM

Suite 804, Level 8, the Metropolitan Building

235 Dong Khoi Street

District 1, Ho Chi Minh City

Telephone: +84 8 3822 6907

Facsimile: +84 8 3822 6905

Tài liệu và nguồn tham khảo

- Báo cáo của VTO các năm từ 2013, 2014, 2015, 2016.
- Báo cáo ngành hàng thực phẩm và đồ uống New Zealand 2015, MBIE
- Báo cáo xếp hạng về các nền kinh tế thuận lợi trong kinh doanh của Ngân hàng Thế giới 2016.
- IFAB 2013 Produce review- Báo cáo ngành hàng hoa quả 2013
- IFAB 2013 Dairy review- Báo cáo ngành hàng sữa 2013
- Các báo cáo của MPI về tham vấn và quá trình đánh giá IHS
- Kinh doanh tại New Zealand 2015, 2016, Chapman Tripp
- Mười thách thức khi kinh doanh tại New Zealand- <http://www.tmf-group.com/en/media-centre/resources/top-challenges/apac/new-zealand->
- Bell Gully, PUB kinh doanh tại New Zealand 2015
- <http://www.tradingeconomics.com/new-zealand/ease-of-doing-business>
- <http://www.doingbusiness.org/~media/WBG/DoingBusiness/Document/s/Annual-Reports/English/DB17-Report.pdf>
- <http://www.doingbusiness.org/data/exploreeconomies/new-zealand>

